

SỞ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH
TRƯỜNG TRUNG HỌC PHỔ THÔNG NGUYỄN VĂN TẮNG

BÁO CÁO TỰ ĐÁNH GIÁ

THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH - 2021

SỞ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH
TRƯỜNG TRUNG HỌC PHỔ THÔNG NGUYỄN VĂN TĂNG

BÁO CÁO TỰ ĐÁNH GIÁ

**DANH SÁCH VÀ CHỮ KÝ
THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG TỰ ĐÁNH GIÁ**

TT	Họ và tên	Chức danh, chức vụ	Nhiệm vụ	Chữ ký
1	Nguyễn Hoàng Diễm Ly	Hiệu trưởng	Chủ tịch Hội đồng	
2	Nguyễn Thị Vân Nam	Phó hiệu trưởng	Phó Chủ tịch Hội đồng	
3	Lê Văn Khôi	Phó hiệu trưởng	Phó Chủ tịch Hội đồng	
4	Nguyễn Trọng Tường	Phó Chủ tịch Ban chấp hành công đoàn	Thư ký Hội đồng	
5	Nguyễn Hữu Thời	Bí Thư Đoàn thanh niên	Ủy viên Hội đồng	
6	Lê Nguyễn Ngọc Trai	Giáo viên	Ủy viên Hội đồng	
7	Phạm Thị Yến Linh	Giáo viên	Ủy viên Hội đồng	
8	Huỳnh Thị Ngọc Thi	Văn Thư	Ủy viên Hội đồng	
9	Phạm Thành Phước	Giáo viên	Ủy viên Hội đồng	
10	Hà Thảo Chi	Giáo viên	Ủy viên Hội đồng	

THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH - 2021

MỤC LỤC

NỘI DUNG	Trang
Mục lục	1
Bảng tổng hợp kết quả tự đánh giá	4
Phần I. CƠ SỞ DỮ LIỆU	5
Phần II. TỰ ĐÁNH GIÁ	10
A. ĐẶT VẤN ĐỀ	13
B. TỰ ĐÁNH GIÁ TIÊU CHÍ MỨC 1, 2 VÀ 3	13
Tiêu chuẩn 1: Tổ chức và quản lý nhà trường	15
Mở đầu	15
Tiêu chí 1.1: Phương hướng, chiến lược xây dựng và phát triển nhà trường	15
Tiêu chí 1.2: Hội đồng trường (Hội đồng quản trị đối với trường tư thục) và các hội đồng khác	17
Tiêu chí 1.3: Tổ chức Đảng Cộng sản Việt Nam, các đoàn thể và tổ chức khác trong nhà trường	19
Tiêu chí 1.4: Hiệu trưởng, phó hiệu trưởng, tổ chuyên môn và tổ văn phòng	21
Tiêu chí 1.5: Lớp học	23
Tiêu chí 1.6: Quản lý hành chính, tài chính và tài sản	24
Tiêu chí 1.7: Quản lý cán bộ, giáo viên và nhân viên	26
Tiêu chí 1.8: Quản lý các hoạt động giáo dục	27
Tiêu chí 1.9: Thực hiện quy chế dân chủ cơ sở	29
Tiêu chí 1.10: Đảm bảo an ninh trật tự, an toàn trường học	30
Kết luận về Tiêu chuẩn 1	32
Tiêu chuẩn 2: Cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên và học sinh	33
Mở đầu	33

Tiêu chí 2.1: Đối với hiệu trưởng, phó hiệu trưởng	33
Tiêu chí 2.2: Đối với giáo viên	35
Tiêu chí 2.3: Đối với nhân viên	38
Tiêu chí 2.4: Đối với học sinh	39
Kết luận về Tiêu chuẩn 2	41
Tiêu chuẩn 3: Cơ sở vật chất và thiết bị dạy học	42
Mở đầu	42
Tiêu chí 3.1: Khuôn viên, khu sân chơi, bãi tập	42
Tiêu chí 3.2: Phòng học	44
Tiêu chí 3.3: Khối hành chính - quản trị	46
Tiêu chí 3.4: Khu vệ sinh, hệ thống cấp thoát nước	47
Tiêu chí 3.5: Thiết bị	49
Tiêu chí 3.6: Thư viện	51
Kết luận về Tiêu chuẩn 3	53
Tiêu chuẩn 4: Quan hệ giữa nhà trường, gia đình và xã hội	53
Mở đầu	53
Tiêu chí 4.1: Ban đại diện cha mẹ học sinh	53
Tiêu chí 4.2: Công tác tham mưu cấp ủy Đảng, chính quyền và phối hợp với các tổ chức, cá nhân của nhà trường	55
Kết luận về Tiêu chuẩn 4	57
Tiêu chuẩn 5: Hoạt động giáo dục và kết quả giáo dục	57
Mở đầu	57
Tiêu chí 5.1: Thực hiện Chương trình giáo dục phổ thông	58
Tiêu chí 5.2: Tổ chức hoạt động giáo dục cho học sinh có hoàn cảnh khó khăn, học sinh có năng khiếu, học sinh gặp khó khăn trong học tập và rèn luyện	60
Tiêu chí 5.3: Thực hiện nội dung giáo dục địa phương theo quy định	62

Tiêu chí 5.4: Các hoạt động trải nghiệm và hướng nghiệp	63
Tiêu chí 5.5: Hình thành, phát triển các kỹ năng sống cho học sinh	64
Tiêu chí 5.6: Kết quả giáo dục	66
Kết luận về Tiêu chuẩn 5	70
Phần III. KẾT LUẬN CHUNG	71
Phần IV. PHỤ LỤC	

TỔNG HỢP KẾT QUẢ TỰ ĐÁNH GIÁ

1. Kết quả đánh giá

Tiêu chuẩn, tiêu chí	Kết quả			
	Không đạt	Đạt		
		Mức 1	Mức 2	Mức 3
<i>Tiêu chuẩn 1</i>				
Tiêu chí 1.1		x	x	x
Tiêu chí 1.2		x	x	
Tiêu chí 1.3		x	x	x
Tiêu chí 1.4		x	x	x
Tiêu chí 1.5		x		
Tiêu chí 1.6		x	x	
Tiêu chí 1.7		x	x	
Tiêu chí 1.8		x	x	
Tiêu chí 1.9		x	x	
Tiêu chí 1.10		x	x	
<i>Tiêu chuẩn 2</i>				
Tiêu chí 2.1		x	x	x
Tiêu chí 2.2		x	x	
Tiêu chí 2.3		x	x	
Tiêu chí 2.4		x	x	x
<i>Tiêu chuẩn 3</i>				
Tiêu chí 3.1		x	x	x
Tiêu chí 3.2		x	x	
Tiêu chí 3.3		x	x	
Tiêu chí 3.4		x	x	
Tiêu chí 3.5		x	x	
Tiêu chí 3.6		x	x	
<i>Tiêu chuẩn 4</i>				
Tiêu chí 4.1		x	x	x
Tiêu chí 4.2		x	x	

<i>Tiêu chuẩn 5</i>				
Tiêu chí 5.1		X	X	X
Tiêu chí 5.2		X	X	X
Tiêu chí 5.3		X	X	
Tiêu chí 5.4		X	X	
Tiêu chí 5.5		X	X	X
Tiêu chí 5.6		X	X	

Kết quả: Đạt Mức 1

2. Kết luận: Trường đạt Mức 1

Phần I**CƠ SỞ DỮ LIỆU**

Tên trường (theo quyết định mới nhất): TRƯỜNG TRUNG HỌC PHỔ THÔNG NGUYỄN VĂN TĂNG

Tên trước đây (nếu có):

Cơ quan chủ quản: SỞ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Tỉnh/thành phố trực thuộc Trung ương	THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH
Huyện/quận /thị xã / thành phố	Thành phố Thủ Đức
Xã / phường/thị trấn	Phường Long Bình
Đạt chuẩn quốc gia	Không
Năm thành lập trường (theo quyết định thành lập)	2011
Công lập	x
Tư thực	Không
Trường chuyên biệt	Không
Trường liên kết với nước ngoài	Không

Họ và tên hiệu trưởng	Nguyễn Hoàng Diễm Ly
Điện thoại	028 3733 5988
Fax	
Website	thptnguyenvantang.hcm.edu.vn
Số điểm trường	1
Loại hình khác	Không
Thuộc vùng khó khăn	Không
Thuộc vùng đặc biệt khó khăn	Không

1. Số lớp học

Số lớp học	Năm học 2016-2017	Năm học 2017-2018	Năm học 2018-2019	Năm học 2019-2020	Năm học 2020-2021
Khối lớp 10	12	11	12	10	8
Khối lớp 11	10	10	10	11	10
Khối lớp 12	6	9	9	9	11
Cộng	28	30	31	30	29

2. Cơ cấu khối công trình của nhà trường

T T	Số liệu	Năm học 2016- 2017	Năm học 2017- 2018	Năm học 2018- 2019	Năm học 2019- 2020	Năm học 2020- 2021	Ghi chú
I	Phòng học, phòng học bộ môn và khối phục vụ học tập	51	51	51	51	51	
1	Phòng học	42	42	42	42	42	
a	Phòng kiên cố	42	42	42	42	42	
b	Phòng bán kiên cố	0	0	0	0	0	
c	Phòng tạm	0	0	0	0	0	
2	Phòng học bộ môn	9	9	9	9	9	
a	Phòng kiên cố	9	9	9	9	9	
b	Phòng bán kiên cố	0	0	0	0	0	

T T	Số liệu	Năm học 2016- 2017	Năm học 2017- 2018	Năm học 2018- 2019	Năm học 2019- 2020	Năm học 2020- 2021	Ghi chú
c	Phòng tạm	0	0	0	0	0	
3	Khối phục vụ học tập	0	0	0	0	0	
a	Phòng kiên cố	0	0	0	0	0	
b	Phòng bán kiên cố	0	0	0	0	0	
c	Phòng tạm	0	0	0	0	0	
II	Khối phòng hành chính- quản trị	16	16	16	16	16	
1	Phòng kiên cố	16	16	16	16	16	
2	Phòng bán kiên cố	0	0	0	0	0	
3	Phòng tạm	0	0	0	0	0	
III	Thư viện	1	1	1	1	1	
IV	Các công trình, khối phòng chức năng khác (nếu có)	13	13	13	13	13	

T T	Số liệu	Năm học 2016- 2017	Năm học 2017- 2018	Năm học 2018- 2019	Năm học 2019- 2020	Năm học 2020- 2021	Ghi chú
1	Phòng họp bộ môn	10	10	10	10	10	
2	Nhà tập đa năng	1	1	1	1	1	
3	Kho	2	2	2	2	2	
	Cộng	80	80	80	80	80	

3. Cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên

a) Số liệu tại thời điểm tự đánh giá

	Tổng số	Nữ	Dân tộc	Trình độ đào tạo			Ghi chú
				Chưa đạt chuẩn	Đạt chuẩn	Trên chuẩn	
Hiệu trưởng	1	1	0	0	0	1	
Phó hiệu trưởng	2	1	0	0	1	1	
Giáo viên	63	51	0	0	50	13	
Nhân viên	11	6	0	0	11	0	
Cộng	77	59	0	0	62	15	

b) Số liệu của 5 năm gần đây

T T	Số liệu	Năm học 2016- 2017	Năm học 2017- 2018	Năm học 2018- 2019	Năm học 2019- 2020	Năm học 2020- 2021
1	Tổng số giáo viên	64	67	66	69	65
2	Tỷ lệ giáo viên/lớp	2,29	2,23	2,13	2,30	2,24

3	Tỷ lệ giáo viên/học sinh	0,057	0,055	0,051	0,053	0,051
4	Tổng số giáo viên dạy giỏi cấp huyện hoặc tương đương trở lên (nếu có)	0	2	0	0	0
5	Tổng số giáo viên dạy giỏi cấp tỉnh trở lên (nếu có)	0	2	0	0	0
6	Các số liệu khác (nếu có)					

4. Học sinh

a) Số liệu chung

T T	Số liệu	Năm học 2016- 2017	Năm học 2017- 2018	Năm học 2018- 2019	Năm học 2019- 2020	Năm học 2020- 2021	Ghi chú
1	Tổng số học sinh	1121	1220	1304	1314	1263	
	- Nữ	493	545	649	690	663	
	- Dân tộc	15	15	17	14	11	
	- Khối lớp 10	476	464	523	438	373	
	- Khối lớp 11	396	389	409	488	409	
	- Khối lớp 12	249	367	372	388	481	
2	Tổng số tuyển mới	472	456	518	435	368	
3	Học buổi/ngày ²	1121	1220	1304	1314	1263	
4	Bán trú	134	289	387	469	494	
5	Nội trú	0	0	0	0	0	
6	Bình quân số học sinh/lớp	40,04	40,67	42,06	43,80	43,55	
7	Số lượng và tỷ	989	1128	1182	1218	1189	

T T	Số liệu	Năm học 2016- 2017	Năm học 2017- 2018	Năm học 2018- 2019	Năm học 2019- 2020	Năm học 2020- 2021	Ghi chú
	lệ % đi học đúng độ tuổi	(88,22 %)	(92,46 %)	(90,64 %)	(92,69 %)	(94,14 %)	
	- Nữ	451 (91,48 %)	510 (93,58 %)	614 (94,61 %)	655 (94,93 %)	632 (95,32 %)	
	- Dân tộc thiểu số	14 (93,33 %)	14 (93,33 %)	17 (100%)	13 (92,86 %)	9 (81,81 %)	
8	Tổng số học sinh giỏi cấp huyện/tỉnh (nếu có)	0	0	01	01	05	
9	Tổng số học sinh giỏi cấp quốc gia (nếu có)	0	0	0	0	0	
10	Tổng số học sinh thuộc đối tượng chính sách	49	65	93	86	77	
	- Nữ	21	29	55	55	50	
	- Dân tộc thiểu số	1	2	6	5	11	
11	Tổng số học sinh (trẻ em) có hoàn cảnh đặc biệt	0	0	0	0	0	
12	Tổng số học sinh (trẻ em) khuyết tật, hòa nhập	0	0	0	0	2	
	Các số liệu khác (nếu có)						

b) Kết quả giáo dục

Số liệu	Năm học 2016- 2017	Năm học 2017- 2018	Năm học 2018- 2019	Năm học 2019- 2020	Năm học 2020- 2021	Ghi chú
Tỷ lệ học sinh xếp loại giỏi	3,03	4,59	7,67	13,85	14,73	
Tỷ lệ học sinh xếp loại khá	37,65	46,72	56,06	59,28	60,41	
Tỷ lệ học sinh xếp loại trung bình	47,19	41,72	31,67	24,89	22,17	
Tỷ lệ học sinh xếp loại yếu, kém	12,13	6,97	4,60	1,98	2,69	
Tỷ lệ học sinh xếp loại hạnh kiểm tốt	48,88	60,74	68,33	81,05	71,18	
Tỷ lệ học sinh xếp loại hạnh kiểm khá	31,67	27,38	24,39	16,74	23,59	
Tỷ lệ học sinh xếp loại hạnh kiểm trung bình	15,70	9,18	6,75	1,52	3,64	
Tỷ lệ học sinh xếp loại hạnh kiểm yếu	3,75	2,70	0,54	0,68	1,58	

Phần II

TỰ ĐÁNH GIÁ

A. ĐẶT VẤN ĐỀ

1. Tình hình chung của nhà trường

Trường Trung học phổ thông Nguyễn Văn Tăng được thành lập theo Quyết định số 3526/QĐ-UBND ngày 16/7/2011 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh, tọa lạc tại đường 9A, Khu phố Phước Thiện, Phường Long Bình, Thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh. Trường vinh dự và tự hào được mang tên người anh hùng cứu nước Nguyễn Văn Tăng kiên cường, dũng cảm trong cuộc kháng chiến chống Mỹ.

Về cơ sở vật chất: trường được thiết kế và xây dựng theo hướng chuẩn Quốc gia có tổng diện tích 27.600m². Bao gồm 5 dãy nhà, 42 phòng học, 16 phòng hành chính quản trị và các phòng chức năng khác.

Về nhân sự: tổng số cán bộ, giáo viên và nhân viên toàn trường năm học 2021-2022 là 77 người, 58 nữ. Cán bộ quản lý: 03 người (02 trên chuẩn); giáo viên 63 người (13 trên chuẩn); nhân viên: 11 người. Chi bộ có 13 Đảng viên, Chi đoàn giáo viên có 18 đoàn viên, Công đoàn có 77 công đoàn viên rất tâm huyết với nghề, trách nhiệm, thương yêu, hết lòng vì học sinh.

Về học sinh: năm học 2021-2022 trường có 29 lớp 1297 học sinh, trong đó khối 10 có 12 lớp, khối 11 có 8 lớp, khối 12 có 9 lớp. Đoàn trường có 29 chi đoàn học sinh với 569 đoàn viên. Các em học sinh được học theo chương trình ban cơ bản kết hợp với được giáo dục kỹ năng sống, học bơi, phổ cập Tin học văn phòng quốc tế, hướng nghiệp, học nghề và thực hiện đầy đủ nhiệm vụ, quyền hạn của người học sinh.

Về các tổ chức đoàn thể: Chi bộ nhà trường được Thành Ủy Thành phố Thủ Đức công nhận Hoàn thành tốt nhiệm vụ nhiều năm liền, 100% các đồng chí Đảng viên hoàn thành tốt nhiệm vụ trở lên. Trường được công nhận là Tập thể lao động Xuất sắc, được nhận bằng khen của Ủy ban nhân dân Thành phố. Công đoàn nhà trường luôn hoàn thành tốt nhiệm vụ trở lên. Chi đoàn giáo viên và Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh luôn phát huy vai trò, trách nhiệm, làm nòng cốt cho mọi phong trào.

Nhà trường luôn chú trọng công tác chuyên môn như đổi mới phương pháp giảng dạy, dạy học STEM, bồi dưỡng học sinh giỏi, nghiên cứu khoa học, đổi mới phương pháp kiểm tra đánh giá. Nhà trường đã thực hiện nhiều biện pháp để nâng cao phẩm chất chính trị, đạo đức nghề nghiệp, trình độ chuyên môn, nghiệp vụ; nâng cao tinh thần trách nhiệm đội ngũ cán bộ, giáo viên, nhân viên; xây dựng kỉ cương, nề nếp trong dạy học; đẩy mạnh đổi mới phương pháp dạy học và giáo dục, đổi mới kiểm tra đánh giá và đổi mới trong sinh hoạt chuyên môn. Những năm qua nhà trường đã đạt được một số kết quả đáng khích lệ như tỷ lệ đậu Tốt nghiệp Trung học phổ thông Quốc gia luôn có vị trí cao trong Cụm, tỷ lệ học sinh đậu vào các trường Đại học, Cao đẳng, Trung cấp trên

70%; hằng năm luôn có học sinh đạt giải trong các kỳ thi học sinh giỏi, Hội thi Olympic Tháng 4 mở rộng, cuộc thi Học sinh giỏi giải toán trên máy tính cầm tay, thể dục thể thao và các kỳ thi khác.

2. Mục đích tự đánh giá

Thực hiện Thông tư số 18/2018/TT-BGDĐT ngày 22 tháng 08 năm 2018 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành quy định về tiêu chuẩn đánh giá chất lượng giáo dục và quy trình, chu kỳ kiểm định chất lượng giáo dục cơ sở giáo dục phổ thông; trường Trung học phổ thông Nguyễn Văn Tăng tiến hành tự đánh giá chất lượng giáo dục của nhà trường theo hướng dẫn của Bộ Giáo dục và Đào tạo về xác định yêu cầu, gợi ý minh chứng theo tiêu chuẩn đánh giá chất lượng giáo dục trường trung học.

Mục đích tự đánh giá để trường tự xem xét, tự kiểm tra, chỉ ra các điểm mạnh, điểm yếu; xây dựng kế hoạch, đề ra các biện pháp cải tiến chất lượng, nhằm đáp ứng các tiêu chuẩn chất lượng giáo dục do Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành và đề đăng ký kiểm định chất lượng giáo dục.

3. Tóm tắt quá trình và những vấn đề nổi bật trong hoạt động tự đánh giá

Trường Trung học phổ thông Nguyễn Văn Tăng tiến hành tự đánh giá theo quy trình:

1. Thành lập Hội đồng tự đánh giá.
2. Xây dựng kế hoạch tự đánh giá.
3. Thu thập, xử lý và phân tích các thông tin, minh chứng.
4. Đánh giá mức độ đạt được theo từng tiêu chí.
5. Viết báo cáo tự đánh giá.
6. Công bố báo cáo tự đánh giá.
7. Triển khai hoạt động sau báo cáo tự đánh giá.

Công cụ đánh giá: sử dụng Bộ tiêu chuẩn đánh giá chất lượng giáo dục trường Trung học phổ thông do Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành (Thông tư số 18/2018/ TT-BGDĐT, ngày 22 tháng 08 năm 2018) gồm 5 tiêu chuẩn và 28 tiêu chí.

Hội đồng tự đánh giá của nhà trường phổ biến đến cán bộ, giáo viên, nhân viên, các bộ phận, cá nhân có liên quan quy trình tự đánh giá và yêu cầu phối hợp thực hiện các bước cụ thể.

Xây dựng kế hoạch tự đánh giá, thu thập thông tin, minh chứng; rà soát các hoạt động giáo dục, đối chiếu, so sánh kết quả tự đánh giá với các tiêu chuẩn đánh giá chất lượng giáo dục do Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành; đánh giá mức độ nhà trường đạt được theo từng chỉ số của tiêu chí.

Viết báo cáo tự đánh giá; tổ chức thực hiện việc duy trì cơ sở dữ liệu chất lượng giáo dục bao gồm các thông tin chung, kết quả về điều tra thực trạng và các vấn đề khác nhằm hỗ trợ việc duy trì, nâng cao chất lượng cơ sở giáo dục phổ thông.

Hội đồng tự đánh giá làm việc theo nguyên tắc tập trung dân chủ và thảo luận để đi đến thống nhất; mọi quyết định có giá trị khi ít nhất 2/3 số thành viên trong Hội đồng tự đánh giá nhất trí. Trường Trung học phổ thông Nguyễn Văn Tăng tiến hành tự đánh giá, thông báo công khai với cơ quan chức năng và xã hội về chất lượng giáo dục của nhà trường; đồng thời đề cơ quan chức năng đánh giá và công nhận trường đạt tiêu chuẩn chất lượng giáo dục.

B. TỰ ĐÁNH GIÁ

Tiêu chuẩn 1: Tổ chức và quản lý nhà trường

Mở đầu:

Trường Trung học phổ thông Nguyễn Văn Tăng trực thuộc Sở Giáo dục và Đào tạo Thành phố Hồ Chí Minh. Trường có cơ cấu tổ chức bộ máy theo quy định, quản lý và tổ chức các hoạt động giáo dục đúng thẩm quyền theo quy định tại Điều lệ trường trung học cơ sở, trung học phổ thông và trường phổ thông có nhiều cấp học ban hành kèm theo Thông tư số 12/2011/TT-BGDĐT ngày 28/3/2011 của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

Một trong những điều kiện tiên quyết để Trường Trung học phổ thông Nguyễn Văn Tăng phát triển là việc tổ chức và quản lý nhà trường. Về cơ cấu tổ chức bộ máy của nhà trường, lớp học, số học sinh, điểm trường được thực hiện theo quy định của Điều lệ trường trung học và các quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo. Các tổ chức Đảng Cộng sản Việt Nam, Công đoàn, Đoàn thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh, các tổ chức chính trị - xã hội khác của nhà trường luôn hoạt động theo quy định của Điều lệ trường trung học và quy định của Pháp luật. Cơ cấu tổ chức và việc thực hiện nhiệm vụ của các tổ chuyên môn, tổ văn phòng được kiện toàn. Hiệu trưởng cũng đã xây dựng chiến lược phát triển nhà trường trình lên cấp Sở. Song song với việc tổ chức, Ban lãnh đạo, giáo viên, nhân viên luôn chấp hành chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước, của địa phương và sự lãnh đạo, chỉ đạo của cơ quan quản lý giáo dục các cấp. Việc quản lý hành chính, thực hiện các phong trào thi đua, quản lý các hoạt động giáo dục, quản lý cán bộ, giáo viên, nhân viên, học sinh, quản lý tài chính, tài sản của nhà trường luôn được thực hiện tốt. Trong nhiều năm liền, nhà trường có kế hoạch cụ thể đảm bảo an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội cho học sinh và cho cán bộ, giáo viên, nhân viên; phòng chống bạo lực học đường, phòng chống dịch bệnh, phòng tránh các hiểm họa thiên tai, các tệ nạn xã hội trong trường.

Tiêu chí 1.1: Phương hướng, chiến lược xây dựng và phát triển nhà trường

Mức 1:

a) Phù hợp với mục tiêu giáo dục được quy định tại Luật giáo dục, định hướng phát triển kinh tế - xã hội của địa phương theo từng giai đoạn và các nguồn lực của nhà trường;

b) Được xác định bằng văn bản và cấp có thẩm quyền phê duyệt;

c) Được công bố công khai bằng hình thức niêm yết tại nhà trường hoặc đăng tải trên trang thông tin điện tử của nhà trường (nếu có) hoặc đăng tải trên các phương tiện thông tin đại chúng của địa phương, trang thông tin điện tử của Phòng Giáo dục và Đào tạo, Sở Giáo dục và Đào tạo.

Mức 2:

Nhà trường có các giải pháp giám sát việc thực hiện phương hướng, chiến lược xây dựng và phát triển.

Mức 3:

Định kỳ rà soát, bổ sung, điều chỉnh phương hướng, chiến lược xây dựng và phát triển. Tổ chức xây dựng phương hướng, chiến lược xây dựng và phát triển có sự tham gia của các thành viên trong Hội đồng trường (Hội đồng quản trị đối với trường tư thục), cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên, học sinh, cha mẹ học sinh và cộng đồng.

1. Mô tả hiện trạng

Mức 1:

Phương hướng, chiến lược xây dựng và phát triển nhà trường phù hợp với mục tiêu giáo dục được quy định tại Luật Giáo dục, định hướng phát triển kinh tế - xã hội của địa phương theo từng giai đoạn và các nguồn lực của nhà trường [H1-1.1-01]; [H1-1.1-02]. Phương hướng, chiến lược xây dựng và phát triển nhà trường còn được thể hiện cụ thể, khoa học trong các văn bản chỉ đạo của Hiệu trưởng để phù hợp với tình hình thực tế.

Phương hướng, chiến lược xây dựng và phát triển nhà trường được Sở Giáo dục và Đào tạo Thành phố Hồ Chí Minh phê duyệt [H1-1.1-01] và được công bố công khai bằng hình thức niêm yết tại nhà trường [H1-1.1-03] đồng thời đăng tải trên trang thông tin điện tử của nhà trường tại địa chỉ thptnguyenvantang.hcm.edu.vn.

Mức 2:

Nhà trường đưa ra các kế hoạch và giải pháp giám sát chặt chẽ việc thực hiện phương hướng, chiến lược xây dựng và phát triển trong từng thời kỳ và tiến hành các cuộc họp Hội đồng trường, Ban thanh tra nhân dân kiểm tra đánh giá toàn diện mọi hoạt động, từ đó phát huy mặt mạnh đã làm được và khắc phục những hạn chế còn tồn tại một cách rõ ràng, cụ thể nhằm hoàn thiện công việc của nhà trường [H1-1.1-04]; [H1-1.1-05].

Mức 3:

Hiện nay nhà trường đã định kỳ rà soát, bổ sung, điều chỉnh phương hướng, chiến lược xây dựng và phát triển. Tuy nhiên do Hội đồng trường thường xuyên biến động nên việc điều chỉnh, bổ sung phương hướng chiến lược đôi khi chưa kịp thời. Tổ chức phương hướng, chiến lược xây dựng và phát triển có sự tham gia của các thành viên trong Hội đồng trường, Hội đồng trường mở rộng, Ban thanh tra nhân dân, tập thể sư phạm, học sinh, cha mẹ học sinh và cộng đồng [H1-1.1-01].

2. Điểm mạnh

Trường trung học phổ thông Nguyễn Văn Tăng đã xây dựng chiến lược phát triển giai đoạn 2016-2020 và giai đoạn 2020-2025 đề cập đến những vấn đề nâng cao chất lượng giáo dục, phù hợp với mục tiêu giáo dục của địa phương, nguồn lực của nhà trường và trở thành trường học chất lượng cao, an toàn, văn minh.

Chiến lược phát triển của nhà trường nhận được sự đồng thuận và thống nhất cao của tập thể sư phạm nhà trường. Các tổ chức chính quyền có sự quan tâm và góp ý kịp thời để nhà trường rà soát, bổ sung điều chỉnh chiến lược cho phù hợp với tình hình thực tế tại đơn vị cũng như định hướng phát triển kinh tế - xã hội của địa phương.

3. Điểm yếu

Tuy nhiên do Hội đồng trường thường xuyên biến động nên việc điều chỉnh, bổ sung phương hướng chiến lược đôi khi chưa kịp thời.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Năm học 2021-2022, Ban lãnh đạo nhà trường rà soát, bổ sung chiến lược phát triển nhà trường thường xuyên, kịp thời.

Tháng 8 hằng năm, Ban lãnh đạo nhà trường lập kế hoạch họp triển khai chiến lược phát triển nhà trường đến từng tổ, vạch rõ những lợi ích đến từng cá nhân khi nhà trường phát triển, đưa vào tiêu chí thi đua khen thưởng những cá nhân có nhiều đóng góp trong phát triển nhà trường và ngược lại.

5. Tự đánh giá: Đạt mức 3

Tiêu chí 1.2: Hội đồng trường (Hội đồng quản trị đối với trường tư thục) và các hội đồng khác

Mức 1:

- a) Được thành lập theo quy định;*
- b) Thực hiện chức năng, nhiệm vụ và quyền hạn theo quy định;*
- c) Các hoạt động được định kỳ rà soát, đánh giá.*

Mức 2:

Hoạt động có hiệu quả, góp phần nâng cao chất lượng giáo dục của nhà trường.

1. Mô tả hiện trạng

Mức 1:

Hội đồng trường và các hội đồng khác đã thành lập theo đúng quy định. Trường có Hội đồng trường do Hiệu trưởng là Chủ tịch, một thư ký và các ủy viên là đại diện của Chi bộ, Công đoàn, Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh, các tổ chuyên môn, tổ văn phòng. Hội đồng trường có thành phần, trách nhiệm, nhiệm vụ và quyền hạn được quy định tại Điều lệ trường trung học phổ thông [H1-1.2-01]. Trường có Hội đồng thi đua và khen thưởng được thành lập vào đầu mỗi năm học do Hiệu trưởng làm Chủ tịch, Chủ tịch Công đoàn là Phó Chủ tịch, ủy viên là đại diện của các tổ chuyên môn, các tổ chức đoàn thể [H1-1.2-02]. Trường có Hội đồng kỷ luật được thành lập khi có học sinh vi phạm nội quy để xem xét và đề nghị xử lý kỷ luật hoặc xóa kỷ luật đối với học sinh theo từng vụ việc. Hội đồng kỷ luật do Hiệu trưởng làm Chủ tịch, các thành viên của Hội đồng gồm: Phó Hiệu trưởng, thư ký hội đồng, giáo viên chủ nhiệm các lớp có học sinh vi phạm, giám thị, một số giáo viên có kinh nghiệm giáo dục và thành viên Ban đại diện cha mẹ học sinh của lớp và Ban đại diện cha mẹ học sinh của trường [H1-1.2-03]. Trường còn có Hội đồng tuyển sinh lớp 10 do Hiệu trưởng làm Chủ tịch, thành viên là đại diện của các tổ chuyên môn, các tổ chức đoàn thể [H1-1.2-04]. Trường còn có Hội đồng nâng lương, thành lập Ban ngoại khóa, Ban công tác giáo dục chính trị tư tưởng, Ban giáo dục ngoài giờ lên lớp, hướng nghiệp [H1-1.2-05].

Hội đồng trường và các hội đồng khác đã thực hiện theo đúng chức năng, quyền hạn theo quy định của Luật Giáo dục để giải quyết các vấn đề phát sinh trong hoạt động của nhà trường nhằm nâng cao chất lượng giáo dục [H1-1.1-04]; [H1-1.2-06].

Các hoạt động được định kỳ rà soát, đánh giá theo kế hoạch của nhà trường từ đầu năm [H1-1.1-04]; [H1-1.2-06].

Mức 2:

Nhà trường đã tổ chức những cuộc họp Hội đồng trường, Hội đồng thi đua, Hội đồng nâng lương, Hội đồng kỷ luật, ... định kì và đột xuất nhằm triển khai các nội dung hoạt động và giải quyết kịp thời các vấn đề phát sinh cũng như tạo động lực thi đua trong các phong trào dạy tốt, học tốt để đảm bảo nâng cao chất lượng giáo dục trong nhà trường. Các cuộc họp luôn có sự đồng thuận nhất trí cao khi đưa ra các giải pháp chiến lược phát triển tạo điều kiện thuận lợi trong công tác quản lý chung [H1-1.1-04]; [H1-1.2-06]. Tuy nhiên một số ít thành viên trong các Hội đồng chưa mạnh dạn đưa ra những ý kiến phản biện.

2. Điểm mạnh

Hội đồng trường và các Hội đồng khác hoạt động thường xuyên, nắm bắt kịp thời các vấn đề và đưa ra giải pháp hữu hiệu trong công tác quản lý và giáo dục. Các cuộc họp luôn có sự đồng thuận nhất trí cao khi đưa ra các giải pháp chiến lược phát triển tạo điều kiện thuận lợi trong công tác quản lý chung.

3. Điểm yếu

Một số ít thành viên trong các Hội đồng chưa mạnh dạn đưa ra những ý kiến trong các cuộc họp.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Hiệu trưởng tiếp tục kiện toàn các Hội đồng theo quy định. Thường xuyên rà soát, điều chỉnh, bổ sung quy chế hoạt động để nâng cao hiệu quả hoạt động của các Hội đồng.

Nhà trường tạo điều kiện để các thành viên trong các Hội đồng tham gia các buổi tập huấn do cấp trên tổ chức để có kiến thức, kỹ năng, kinh nghiệm nhằm đưa ra những ý kiến đóng góp trong các cuộc họp xây dựng kế hoạch và chiến lược phát triển chất lượng giáo dục trong nhà trường.

5. Tự đánh giá: Đạt mức 2

Tiêu chí 1.3: Tổ chức Đảng Cộng sản Việt Nam, các đoàn thể và tổ chức khác trong nhà trường

Mức 1:

a) Các đoàn thể và tổ chức khác trong nhà trường có cơ cấu tổ chức theo quy định;

b) Hoạt động theo quy định;

c) Hằng năm, các hoạt động được rà soát, đánh giá.

Mức 2:

a) Tổ chức Đảng Cộng sản Việt Nam có cơ cấu tổ chức và hoạt động theo quy định; trong 05 năm liên tiếp tính đến thời điểm đánh giá, có ít nhất 01 năm hoàn thành tốt nhiệm vụ, các năm còn lại hoàn thành nhiệm vụ trở lên;

b) Các đoàn thể, tổ chức khác có đóng góp tích cực trong các hoạt động của nhà trường.

Mức 3:

a) Trong 05 năm liên tiếp tính đến thời điểm đánh giá, tổ chức Đảng Cộng sản Việt Nam có ít nhất 02 năm hoàn thành tốt nhiệm vụ, các năm còn lại hoàn thành nhiệm vụ trở lên;

b) Các đoàn thể, tổ chức khác có đóng góp hiệu quả trong các hoạt động nhà trường và cộng đồng.

1. Mô tả hiện trạng

Mức 1:

Chi bộ, Công đoàn, Đoàn thanh niên trong trường có quyết định thành lập, có quy chế hoạt động, có phân công nhiệm vụ rõ ràng, cụ thể cho từng thành viên ngay từ lúc thành lập [H1-1.3-01]; [H1-1.3-02]; [H1-1.3-03].

Công đoàn trường hoạt động theo Điều lệ của Tổng Liên đoàn lao động Việt Nam. Công đoàn trường tổ chức Đại hội công đoàn vào đầu mỗi năm học [H1-1.3-04]. Đoàn thanh niên gồm có 01 chi đoàn giáo viên và 29 chi đoàn học sinh. Hằng năm vào đầu năm học tổ chức Đại hội Đoàn để bầu ra ban chấp hành chi đoàn. Đoàn thanh niên trường trực thuộc sự quản lý của Thành đoàn Thành phố Thủ Đức [H1-1.3-05].

Hoạt động của đoàn thể định kì được thực hiện và soát đánh giá, được thể hiện trong sổ ghi nghị quyết của nhà trường, của Hội đồng trường [H1-1.1-04]; [H1-1.2-06] và trong các báo cáo sơ kết, tổng kết [H1-1.3-06]; [H1-1.3-07].

Mức 2:

Chi bộ hoạt động theo Điều lệ, sinh hoạt định kỳ mỗi tháng 1 lần vào tuần cuối của tháng và ra Nghị quyết [H1-1.3-08]. Chi bộ lãnh đạo toàn diện và tuyệt đối mọi hoạt động của nhà trường. Chi bộ được công nhận 05 năm liên tiếp tính đến thời điểm đánh giá, các năm đều đạt hoàn thành tốt nhiệm vụ.

Chi bộ, Công đoàn, Đoàn thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh, các tổ chức xã hội khác tư vấn cho Hiệu trưởng trong việc xây dựng các kế hoạch: kế hoạch tuyển sinh, kế hoạch giáo dục sức khỏe sinh sản vị thành niên cho học sinh, kế hoạch hoạt động của Hội đồng khoa học, đề xuất các biện pháp cải tiến nâng cao chất lượng giáo dục và một số vấn đề về tài chính. Các hội đồng hoạt động có hiệu quả, góp phần nâng cao chất lượng giáo dục của nhà trường, được thể hiện trong các biên bản họp, trong hồ sơ thi đua của Hội đồng thi đua, khen thưởng [H1-1.3-09] và trong các báo cáo sơ kết, tổng kết năm học [H1-1.3-06]; [H1-1.3-07].

Mức 3:

Từ năm 2016 đến nay, Chi bộ trường Trung học phổ thông Nguyễn Văn Tăng luôn hoàn thành tốt nhiệm vụ trở lên [H1-1.3-10]. Tuy nhiên trong quá trình phát triển Đảng cho một số quần chúng ưu tú thì việc sưu tra hồ sơ quần chúng để đưa vào đối tượng kết nạp Đảng còn chậm trễ.

Các đoàn thể, tổ chức khác có đóng góp hiệu quả trong các hoạt động của nhà trường và cộng đồng thể hiện ở việc đánh giá, ghi nhận thông qua các hình thức khen thưởng như giấy khen, bằng khen,... của cấp trên và qua các hoạt động vì cộng đồng như tặng quà Tết cho mái ấm Thiên thần Quận 9; chiến dịch Hoa phượng đỏ; hiến máu nhân đạo,... [H1-1.3-11]; [H1-1.3-12].

2. Điểm mạnh

Các tổ chức trong nhà trường hoạt động đúng quy định và mang lại hiệu quả cao trong công tác giáo dục.

3. Điểm yếu

Quá trình sưu tra hồ sơ quần chúng để đưa vào đối tượng kết nạp Đảng còn chậm trễ.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Chi bộ và các đoàn thể, tổ chức khác trong nhà trường tiếp tục phát huy những điểm mạnh trong công tác để thúc đẩy sự phát triển của nhà trường. Tiếp tục thực hiện kế hoạch bồi dưỡng chính trị và nghiệp vụ chuyên môn cho các thành viên, giới thiệu cá nhân có trình độ và điều kiện công tác vào các tổ chức của nhà trường.

Để công tác sưu tra hồ sơ của các quần chúng ưu tú đối tượng kết nạp Đảng, Chi bộ xây dựng kế hoạch và phân công các đồng chí Đảng viên trong Chi bộ cùng phối hợp thực hiện.

5. Tự đánh giá: Đạt mức 3

Tiêu chí 1.4: Hiệu trưởng, Phó Hiệu trưởng, tổ chuyên môn và tổ văn phòng

Mức 1:

- a) Có Hiệu trưởng, số lượng Phó Hiệu trưởng theo quy định;*
- b) Tổ chuyên môn và tổ văn phòng có cơ cấu tổ chức theo quy định;*
- c) Tổ chuyên môn, tổ văn phòng có kế hoạch hoạt động và thực hiện các nhiệm vụ theo quy định.*

Mức 2:

- a) Hằng năm, tổ chuyên môn đề xuất và thực hiện được ít nhất 01 (một) chuyên đề có tác dụng nâng cao chất lượng và hiệu quả giáo dục;*
- b) Hoạt động của tổ chuyên môn, tổ văn phòng được định kỳ rà soát, đánh giá, điều chỉnh.*

Mức 3:

- a) Hoạt động của tổ chuyên môn, tổ văn phòng có đóng góp hiệu quả trong việc nâng cao chất lượng các hoạt động trong nhà trường;*
- b) Tổ chuyên môn thực hiện hiệu quả các chuyên đề chuyên môn góp phần nâng cao chất lượng giáo dục.*

1. Mô tả hiện trạng

Mức 1:

Ban lãnh đạo nhà trường gồm có Hiệu trưởng giữ vai trò lãnh đạo và quản lý toàn diện mọi hoạt động; một Phó Hiệu trưởng phụ trách chuyên môn và một Phó Hiệu trưởng phụ trách cơ sở vật chất, thiết bị và các hoạt động hướng nghiệp, ngoại khóa, tham quan [H1-1.4-01]; [H1-1.4-02]. Ban lãnh đạo nhà trường đạt trình độ chuẩn theo quy định của Luật Giáo dục và có đủ năng lực quản lý hoạt động của nhà trường.

Năm học 2021-2022, trường có 09 tổ chuyên môn: Toán, Vật lý - Tin học, Sinh học - Công nghệ, Hóa học, Ngữ Văn, Lịch sử - Giáo dục Công dân, Địa lý, Thể dục - Giáo dục Quốc phòng, Tiếng Anh và 01 tổ văn phòng. Các tổ chuyên môn và tổ văn phòng được thành lập hợp lý để thuận lợi trong công tác giảng

dạy và nghiên cứu khoa học; mỗi tổ chuyên môn, tổ văn phòng đều có 01 Tổ trưởng [H1-1.4-03].

Vào đầu mỗi năm học, các tổ chuyên môn dựa trên kế hoạch chung của nhà trường về thực hiện nhiệm vụ năm học để xây dựng kế hoạch công tác của các tổ chuyên môn và thực hiện đúng nhiệm vụ theo quy định [H1-1.4-04]. Các tổ chuyên môn đã hướng dẫn xây dựng và quản lý kế hoạch cá nhân của tổ viên, tổ chức tốt sinh hoạt chuyên môn, bồi dưỡng chuyên môn nghiệp vụ cho giáo viên, xây dựng và thực hiện kế hoạch dạy 2 buổi/ngày, bồi dưỡng học sinh giỏi, phụ đạo học sinh yếu - kém, ôn thi tốt nghiệp, hoạt động của các câu lạc bộ (nữ công, văn nghệ, thể thao), các hoạt động trải nghiệm sáng tạo, kỹ năng sống. Hằng tháng, các tổ chuyên môn họp định kỳ nghiêm túc rà soát, đánh giá lại các công việc đã làm từ đó đề ra các biện pháp thực hiện nhiệm vụ được giao, cũng như theo dõi tiến độ chương trình của môn học và triển khai phương hướng hoạt động cho thời gian tới [H1-1.4-05]. Tổ văn phòng dựa trên kế hoạch chung của nhà trường chủ động xây dựng kế hoạch hoạt động của tổ theo tuần, theo tháng, theo năm học một cách rõ ràng, khoa học và được Ban lãnh đạo nhà trường phê duyệt [H1-1.4-06]; [H1-1.4-07].

Mức 2:

Công tác thực hiện chuyên đề của tổ chuyên môn đã được tổ chức, duy trì thường xuyên và đạt được các mục tiêu đề ra [H1-1.4-08]. Việc thực hiện chuyên đề giúp cho giáo viên nâng cao được trình độ chuyên môn nghiệp vụ của bản thân và khuyến khích sự chủ động sáng tạo của học sinh, hình thành các mối quan hệ tốt đẹp, xây dựng môi trường học tập và tự học suốt đời. Từ đó góp phần không nhỏ vào việc nâng cao chất lượng giáo dục của nhà trường

Hoạt động của tổ chuyên môn, tổ văn phòng được rà soát, đánh giá thông qua báo cáo hoạt động từng tháng, từng học kỳ [H1-1.4-05]. Phó Hiệu trưởng nhà trường thường xuyên kiểm tra hồ sơ tổ văn phòng, hồ sơ tổ chuyên môn, hồ sơ thanh tra chuyên đề, hồ sơ dự giờ, đánh giá rút kinh nghiệm,... qua đó đánh giá nhận xét và điều chỉnh để hoạt động các tổ được hiệu quả hơn [H1-1.4-09].

Mức 3:

Tổ chuyên môn và tổ văn phòng đóng vai trò quan trọng việc duy trì bộ máy hoạt động của nhà trường. Mọi công việc từ chỉ đạo thực hiện chương trình, kế hoạch hoạt động, đánh giá, xếp loại giáo viên, học sinh; duy trì kỷ cương nề nếp dạy học, nâng cao chất lượng dạy học,... đều được triển khai đến các tổ chuyên môn, tổ văn phòng để thực hiện thống nhất và đồng bộ. Vì vậy hoạt động của tổ chuyên môn và tổ văn phòng đóng góp rất hiệu quả trong việc nâng cao chất lượng các hoạt động trong nhà trường và được thể hiện trong các báo cáo sơ kết, tổng kết của tổ và của nhà trường [H1-1.3-06]; [H1-1.3-07].

Tổ chuyên môn thực hiện hiệu quả các chuyên đề góp phần nâng cao chất lượng môn học và chất lượng giáo dục toàn diện. Tuy nhiên học sinh yêu thích các môn học không đều và một số môn không có học sinh tham gia các kỳ thi học sinh giỏi.

2. Điểm mạnh

Các tổ chuyên môn, tổ văn phòng đã phối hợp các tổ chức đoàn thể chủ động xây dựng kế hoạch hoạt động của tổ theo từng tháng, từng học kì và cho cả năm học một cách khoa học, hợp lý dựa theo kế hoạch năm học của nhà trường và bám sát chỉ đạo của ngành.

Đa số tổ chuyên môn có giáo viên và học sinh tham gia vào các hội thi do thành phố tổ chức và đạt được nhiều thành tích cao.

3. Điểm yếu

Một số tổ chuyên môn thiếu nguồn lực học sinh để bồi dưỡng học sinh giỏi.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Trong năm học 2021 – 2022, Hiệu trưởng chỉ đạo các tổ chuyên môn đầu tư vào việc tìm nguồn và bồi dưỡng đội ngũ học sinh giỏi tham dự các cuộc thi học sinh giỏi cấp trường, cấp thành phố và Olympic nhằm nâng cao năng lực học sinh, giáo viên cũng như nâng cao thành tích cho nhà trường.

5. Tự đánh giá: Đạt mức 3

Tiêu chí 1.5: Lớp học

Mức 1:

- a) Có đủ các lớp của cấp học;
- b) Học sinh được tổ chức theo lớp; lớp học được tổ chức theo quy định;
- c) Lớp học hoạt động theo nguyên tắc tự quản, dân chủ.

Mức 2:

Trường có không quá 45 (bốn mươi lăm) lớp. Sĩ số học sinh trong lớp theo quy định.

Mức 3:

Trường có không quá 45 (bốn mươi lăm) lớp. Mỗi lớp ở cấp trung học cơ sở và trung học phổ thông có không quá 40 (bốn mươi) học sinh, lớp tiểu học không quá 35 (ba mươi lăm) học sinh (nếu có). Số học sinh trong lớp của trường chuyên biệt theo quy định tại quy chế tổ chức và hoạt động của trường chuyên biệt.

1. Mô tả hiện trạng

Mức 1:

Trường Trung học phổ thông Nguyễn Văn Tăng có đầy đủ 3 khối lớp: khối 10, khối 11, khối 12 [H1-1.5-01].

Học sinh được tổ chức theo lớp. Mỗi lớp đều có đội ngũ cán sự lớp: lớp trưởng, lớp phó, bí thư lớp do tập thể lớp bầu ra vào đầu mỗi năm học [H1-1.5-02].

Đầu mỗi năm học, giáo viên chủ nhiệm tiến hành cho lớp bầu ra ban cán sự lớp dưới sự thống nhất của tập thể lớp [H1-1.5-02]. Ban cán sự lớp điều hành lớp theo nguyên tắc tự quản, dân chủ có sự hướng dẫn của giáo viên chủ nhiệm nhằm thực hiện tốt nội quy lớp học, nội quy nhà trường.

Mức 2:

Năm học 2016-2017, tổng số học sinh là 1121 học sinh với 28 lớp, sĩ số bình quân 40,04 học sinh/lớp. Năm học 2017-2018, tổng số học sinh là 1220 học sinh với 30 lớp, sĩ số bình quân 40,67 học sinh/lớp. Năm học 2018-2019, tổng số học sinh là 1304 học sinh với 31 lớp, sĩ số bình quân 42,06 học sinh/lớp. Năm học 2019-2020, tổng số học sinh 3 khối là 1314 học sinh với 30 lớp, sĩ số bình quân 43,80 học sinh/lớp. Năm học 2020-2021, tổng số học sinh là 1263 học sinh với 29 lớp, sĩ số học sinh bình quân là 43,55 học sinh/lớp. Năm học 2021-2022, tổng số học sinh là 1297 học sinh với 29 lớp, sĩ số học sinh bình quân là 44,72 học sinh/lớp. Tuy nhiên, trong năm học 2020-2021, một số lớp khối 10 có sĩ số 48 học sinh/lớp; trong năm học 2021-2022 một số lớp khối 11 và khối 12 có sĩ số 46 học sinh/lớp [H1-1.5-01]. Ngoài ra, số lượng học sinh vào học tại trường thấp hơn chỉ tiêu đề ra ở mỗi năm học [H1-1.5-03]; [H1-1.5-04].

Mức 3:

Trong các năm học từ khi trường thành lập đến nay, số lớp của cả 3 khối hằng năm không vượt quá 31 lớp. Sĩ số học sinh ở mỗi lớp học đa số là trên 40 học sinh [H1-1.5-01].

2. Điểm mạnh

Nhà trường có đầy đủ các khối lớp theo quy định tại Điều lệ trường trung học; các lớp có đầy đủ ban cán sự lớp do tập thể lớp bầu ra và hoạt động theo nguyên tắc tự quản, dân chủ.

3. Điểm yếu

Vị trí của trường không thuận tiện cho các phương tiện công cộng đi lại nên hạn chế việc học sinh lựa chọn trường để học tập do đó số lượng lớp còn ít so với chỉ tiêu đề ra ở mỗi năm học.

Một số lớp có sĩ số học sinh nhiều hơn so với quy định 45 học sinh/lớp.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Từ năm học 2021-2022 và các năm tiếp theo, nhà trường tự khẳng định thương hiệu thông qua chất lượng giáo dục hằng năm nhằm thu hút học sinh; Đồng thời tham mưu với Sở Giáo dục và Đào tạo trong việc giao chỉ tiêu tuyển sinh hằng năm phù hợp cơ sở vật chất của nhà trường.

Trong học kỳ 2 của năm học 2021-2022 nhà trường sẽ điều chỉnh để mỗi lớp không quá 45 học sinh theo quy định tại Điều lệ trường trung học.

5. Tự đánh giá: Đạt mức 1

Tiêu chí 1.6: Quản lý hành chính, tài chính và tài sản

Mức 1:

- a) Hệ thống hồ sơ của nhà trường được lưu trữ theo quy định;*
- b) Lập dự toán, thực hiện thu chi, quyết toán, thống kê, báo cáo tài chính và tài sản; công khai và định kỳ tự kiểm tra tài chính, tài sản theo quy định; quy chế chi tiêu nội bộ được bổ sung, cập nhật phù hợp với điều kiện thực tế và các quy định hiện hành;*
- c) Quản lý, sử dụng tài chính, tài sản đúng mục đích và có hiệu quả để phục vụ các hoạt động giáo dục.*

Mức 2:

- a) Ứng dụng công nghệ thông tin hiệu quả trong công tác quản lý hành chính, tài chính và tài sản của nhà trường;*
- b) Trong 05 năm liên tiếp tính đến thời điểm đánh giá, không có vi phạm liên quan đến việc quản lý hành chính, tài chính và tài sản theo kết luận của thanh tra, kiểm toán.*

Mức 3:

Có kế hoạch ngắn hạn, trung hạn và dài hạn để tạo các nguồn tài chính hợp pháp phù hợp với điều kiện nhà trường, thực tế địa phương.

1. Mô tả hiện trạng*Mức 1:*

Nhà trường lưu trữ hồ sơ, chứng từ theo đúng quy định của Luật Lưu trữ, niêm phong hồ sơ khi thực hiện bàn giao [H1-1.6-01]; [H1-1.6-02]; [H1-1.6-03].

Nhà trường lập dự toán thu chi, thực hiện thu chi theo đúng chế độ, theo quy chế chi tiêu nội bộ [H1-1.6-04]. Thực hiện công khai tài chính theo quy định, ngoài ra còn công khai dự toán ngân sách về tiền lương, hành chính phí, mua sắm tài sản được cấp theo năm tài chính; công khai tình hình thu chi tài chính ngân sách, học phí, các nguồn thu khác; thông báo kế hoạch sử dụng các nguồn quỹ phúc lợi [H1-1.6-05]; [H1-1.6-06]. Tiến hành xây dựng quy chế chi tiêu nội bộ theo quy trình [H1-1.6-07]; [H1-1.6-08].

Quản lý tài sản theo từng bộ phận, thực hiện báo cáo quyết toán tài chính theo định kỳ cuối năm [H1-1.6-09]; [H1-1.6-10]. Kiểm kê tài sản mỗi năm một lần và có biên bản báo cáo rõ ràng [H1-1.6-11].

Mức 2:

Nhà trường ứng dụng nhiều phần mềm theo quy định của cơ quan chủ quản hoặc theo khuyến khích của các ban ngành liên quan trong việc quản lý hành chính, tài chính và tài sản của nhà trường [H1-1.6-12]; [H1-1.6-13].

Các biên bản xét duyệt quyết toán các năm thể hiện việc chấp hành các quy định của Luật ngân sách, không bị xuất toán [H1-1.6-14].

Mức 3:

Nhà trường có kế hoạch ngắn hạn, nhưng chưa có kế hoạch trung hạn, dài hạn để tạo các nguồn tài chính hợp pháp phù hợp với điều kiện nhà trường, thực tế địa phương.

2. Điểm mạnh

Nhà trường thực hiện kiểm tra và công khai tài chính minh bạch, rõ ràng theo đúng quy định về quản lý tài chính. Ứng dụng tốt công nghệ thông tin trong quản lý hành chính, tài chính và tài sản của trường. Kiểm toán trong 05 năm qua, trường không có vi phạm liên quan đến quản lý hành chính tài chính, tài sản..

3. Điểm yếu

Nhà trường chưa có các kế hoạch trung hạn, dài hạn để tạo các nguồn tài chính hợp pháp phù hợp với điều kiện nhà trường, thực tế địa phương.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Hiệu trưởng nhà trường tiếp tục thực hiện việc minh bạch trong sử dụng các nguồn tài chính của nhà trường. Tăng cường ứng dụng và khai thác hiệu quả công nghệ thông tin trong công tác tài chính, quản lý tài sản, nhằm đáp ứng kịp thời và chính xác yêu cầu quản lý của nhà trường.

Từ năm học 2021-2022, Hiệu trưởng nhà trường xây dựng các kế hoạch phù hợp để tạo thêm nguồn tài chính hợp pháp.

5. Tự đánh giá: Đạt mức 2

Tiêu chí 1.7: Quản lý cán bộ, giáo viên và nhân viên

Mức 1:

a) Có kế hoạch bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ cho đội ngũ cán bộ quản lý, giáo viên và nhân viên;

b) Phân công, sử dụng cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên rõ ràng, hợp lý đảm bảo hiệu quả hoạt động của nhà trường;

c) Cán bộ quản lý, giáo viên và nhân viên được đảm bảo các quyền theo quy định.

Mức 2:

Có các biện pháp để phát huy năng lực của cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên trong việc xây dựng, phát triển và nâng cao chất lượng giáo dục nhà trường.

1. Mô tả hiện trạng

Mức 1:

Vào đầu mỗi năm học, nhà trường có xây dựng kế hoạch bồi dưỡng đội ngũ giáo viên và nhân viên. Kế hoạch bồi dưỡng được xây dựng dựa trên thực trạng trình độ chuyên môn, trình độ lý luận chính trị của đội ngũ, tình hình hoạt

động của đơn vị và chỉ đạo của Sở Giáo dục và Đào tạo về phát triển đội ngũ [H1-1.7-01].

Cán bộ, giáo viên, nhân viên thực hiện nhiệm vụ theo phân công chuyên môn và phân công tổ văn phòng. Việc phân công có sự thay đổi hằng năm do biến động số lượng nhân sự vì thế nhà trường luôn chủ động trong công tác hợp đồng bổ sung nhân sự để đảm bảo số lượng và vị trí việc làm [H1-1.7-02]; [H1-1.7-03]. Việc phân công sử dụng cán bộ quản lý, giáo viên và nhân viên của nhà trường giúp các hoạt động giáo dục, hoạt động hành chính, tài chính, thực hiện quy chế dân chủ cơ sở, đảm bảo an ninh trật tự, đạt mục tiêu đề ra trong năm học [H1-1.3-06]; [H1-1.3-07].

Cán bộ, giáo viên và nhân viên đảm bảo các quyền lợi theo quy định về đào tạo nâng cao trình độ, bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ; các chế độ lương, phụ cấp và các chế độ khác theo quy định; được khám sức khỏe định kỳ, hưởng các chính sách quy định đối với nhà giáo và các quyền lợi theo Nghị quyết Hội nghị cán bộ, công chức, viên chức [H1-1.7-04]; [H1-1.7-05].

Mức 2:

Nhà trường đã thực hiện các biện pháp phát huy năng lực của cán bộ, giáo viên, nhân viên như trao quyền chủ động cho tổ trưởng chuyên môn trong việc xây dựng chương trình giáo dục phù hợp [H1-1.4-04]; tổ chức hội thi giáo viên dạy giỏi [H1-1.7-06]; lãnh đạo tiếp nhận, tư vấn, hỗ trợ và đồng hành với những giáo viên có ý tưởng xây dựng bài dạy theo hướng đổi mới; cử giáo viên, nhân viên tham gia các lớp học nâng cao về năng lực chuyên môn, nghiệp vụ, nâng chuẩn [H1-1.7-07].

2. Điểm mạnh

Nhà trường thực hiện tốt kế hoạch bồi dưỡng, phát triển đội ngũ hằng năm. Phân công sử dụng cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên hợp lý và đảm bảo các hoạt động của trường.

3. Điểm yếu

Hằng năm, đội ngũ nhân sự của nhà trường thường biến động (nghỉ sinh, chuyển chuyên, nghỉ việc) nên mặc dù biên chế đủ số lượng giáo viên, nhân viên theo quy định nhưng nhà trường vẫn phải hợp đồng giáo viên, nhân viên.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Hằng năm, Hiệu trưởng tạo điều kiện thuận lợi, khuyến khích, động viên giáo viên học tập nâng cao trình độ, chuyên môn nghiệp vụ.

Cuối mỗi năm học, Hiệu trưởng lập kế hoạch tuyển dụng đảm bảo đội ngũ giáo viên, nhân viên phù hợp với định biên năm học tới.

5. Tự đánh giá: Đạt mức 2

Tiêu chí 1.8: Quản lý các hoạt động giáo dục

Mức 1:

a) Kế hoạch giáo dục phù hợp với quy định hiện hành, điều kiện thực tế địa phương và điều kiện của nhà trường;

b) Kế hoạch giáo dục được thực hiện đầy đủ;

c) Kế hoạch giáo dục được rà soát, đánh giá, điều chỉnh kịp thời.

Mức 2:

Các biện pháp chỉ đạo, kiểm tra, đánh giá của nhà trường đối với các hoạt động giáo dục, được cơ quan quản lý đánh giá đạt hiệu quả. Quản lý hoạt động dạy thêm, học thêm trong nhà trường theo quy định (nếu có).

1. Mô tả hiện trạng

Mức 1:

Hằng năm, Hiệu trưởng xây dựng kế hoạch giáo dục dựa vào điều kiện thực tế, tình hình về nhân sự, cơ sở vật chất và quy mô lớp học. Kế hoạch giáo dục từng năm học thể hiện cách thức, mô hình tổ chức dạy học, các hoạt động học tập, giáo dục, rèn luyện cho học sinh và được cụ thể hóa thành chương trình giáo dục nhà trường, đăng tải lên trang thông tin điện tử để giáo viên dễ dàng theo dõi và thực hiện [H1-1.8-01].

Các nhiệm vụ đề ra trong kế hoạch năm học được tiến hành đầy đủ, cập nhật thời gian phù hợp với điều kiện thực tế trong quá trình thực hiện [H1-1.8-02]. Số tiết học được thực hiện đúng theo quy định hiện hành, nội dung dạy học theo đúng phân phối chương trình đã xây dựng và thống nhất từ đầu năm học. Công tác nghiên cứu khoa học của học sinh có được sự quan tâm của Ban lãnh đạo và tổ chuyên môn nhưng hiệu quả chưa cao.

Kế hoạch giáo dục của trường được rà soát, đánh giá, điều chỉnh kịp thời: việc kiểm tra sổ đầu bài hàng tuần nhằm rà soát tiến trình dạy học. Các buổi họp giao ban và các cuộc họp tổ đã rà soát chương trình, đánh giá các hoạt động của toàn trường [H1-1.1-04]; [H1-1.2-06]. Báo cáo sơ kết học kỳ và tổng kết năm học hằng năm đều được đánh giá cụ thể và điều chỉnh phù hợp [H1-1.3-06]; [H1-1.3-07].

Mức 2:

Các biện pháp chỉ đạo, kiểm tra, đánh giá của trường đối với các hoạt động giáo dục được cơ quan quản lý đánh giá đạt hiệu quả cao. Trường tổ chức dạy học 2 buổi/ngày nên không tổ chức dạy thêm, học thêm trong nhà trường. Hiệu trưởng triển khai và quán triệt đầy đủ các văn bản quy định về dạy thêm học thêm hiện hành đến toàn thể cán bộ, giáo viên, nhân viên, học sinh của trường [H1-1.8-03].

2. Điểm mạnh

Ban lãnh đạo nhà trường đã chủ động xây dựng kế hoạch giáo dục khoa học, phù hợp với tình hình thực tế, bám sát chỉ đạo của ngành.

Kế hoạch giáo dục được triển khai thực hiện đầy đủ, thường xuyên kiểm tra, đánh giá và điều chỉnh kịp thời, hợp lý.

3. Điểm yếu

Việc xây dựng kế hoạch giáo dục nhà trường đôi khi còn gặp khó khăn ở một số hoạt động như công tác nghiên cứu khoa học của học sinh.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Hiệu trưởng tiếp tục chú trọng xây dựng và triển khai thực hiện kế hoạch giáo dục cụ thể, đúng quy định hiện hành và phù hợp với điều kiện thực tế của nhà trường.

Trong năm học 2021-2022 và các năm tiếp theo, nhà trường chú trọng hơn nữa công tác nghiên cứu khoa học của học sinh và giáo viên.

5. Tự đánh giá: Đạt mức 2

Tiêu chí 1.9: Thực hiện quy chế dân chủ cơ sở

Mức 1:

a) Cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên được tham gia thảo luận, đóng góp ý kiến khi xây dựng kế hoạch, nội quy, quy định, quy chế liên quan đến các hoạt động của nhà trường;

b) Các khiếu nại, tố cáo, kiến nghị, phản ánh (nếu có) thuộc thẩm quyền xử lý của nhà trường được giải quyết đúng pháp luật;

c) Hằng năm, có báo cáo thực hiện quy chế dân chủ cơ sở.

Mức 2:

Các biện pháp và cơ chế giám sát việc thực hiện quy chế dân chủ cơ sở đảm bảo công khai, minh bạch, hiệu quả.

1. Mô tả hiện trạng

Mức 1:

Vào đầu mỗi năm học, Hiệu trưởng đăng dự thảo kế hoạch năm học, nội quy nhà trường, quy chế thi đua, quy chế khen thưởng, quy chế dân chủ, quy chế chỉ tiêu nội bộ,... công khai cho toàn thể cán bộ, giáo viên, nhân viên nhà trường nghiên cứu. Các tổ chuyên môn, tổ công đoàn thảo luận và đóng góp ý kiến qua các cuộc họp cấp tổ, cấp trường [H1-1.7-04]; [H1-1.7-05]. Sau khi đã thống nhất các ý kiến trong Hội nghị cán bộ, công chức, viên chức nhà trường sẽ hoàn thiện các kế hoạch, nội quy, quy chế và áp dụng trong năm học.

Từ khi thành lập trường đến nay, Công đoàn trường luôn lắng nghe ý kiến của toàn thể giáo viên, nhân viên trong trường và luôn xử lý đúng pháp luật các khiếu nại, tố cáo kiến nghị phản ánh của giáo viên cũng như học sinh. Tất cả các khiếu nại, tố cáo, kiến nghị sau khi đã thông qua các cuộc họp ở tổ công đoàn và được trình lên Ban lãnh đạo nhà trường, Ban lãnh đạo nhà trường sẽ tổ chức họp

xem xét giải quyết một cách phù hợp, công bằng và đúng pháp luật [H1-1.1-05]; [H1-1.9-01].

Việc thực hiện các quy chế dân chủ cơ sở đều được báo cáo định kỳ trong các cuộc họp hội đồng. Cuối mỗi năm học, nhà trường tổ chức họp tổng kết các công tác thực hiện quy chế dân chủ cơ sở trong năm học để từ đó rút ra được ưu, khuyết điểm nhằm rút kinh nghiệm cho những năm sau [H1-1.9-02].

Mức 2:

Ban chấp hành Công đoàn, Ban thanh tra nhân dân thực hiện kiểm tra giám sát các hoạt động quy chế dân chủ cơ sở đảm bảo công khai, minh bạch, hiệu quả [H1-1.9-02]; [H1-1.9-03]; [H1-1.9-04]. Tuy nhiên các thành viên trong ban chưa được tập huấn đầy đủ nên còn gặp phải khó khăn trong quá trình giám sát.

2. Điểm mạnh

Các hoạt động trong nhà trường đều được xây dựng có kế hoạch, có kiểm tra, có giám sát và có đánh giá.

Việc báo cáo định kỳ về tài chính, về thi đua khen thưởng được nhà trường thực hiện công khai, nghiêm túc.

3. Điểm yếu

Mặc dù nhà trường đã có các ban kiểm tra, giám sát nhưng các thành viên trong ban đều chưa được tập huấn đầy đủ nên còn gặp phải khó khăn trong một số tình huống.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Từ năm học 2021-2022, Hiệu trưởng tiếp tục phối hợp tốt với Ban chấp hành Công đoàn, Ban Thanh tra Nhân dân của trường giám sát chặt chẽ việc thực hiện quy chế dân chủ trong nhà trường và các nội dung công khai, minh bạch, rõ ràng bằng các hình thức quy định.

Từ năm học 2021-2022, nhà trường triển khai công tác bồi dưỡng thêm về nghiệp vụ cho các thành viên trong ban kiểm tra đánh giá của nhà trường.

5. Tự đánh giá: Đạt mức 2

Tiêu chí 1.10: Đảm bảo an ninh trật tự, an toàn trường học

Mức 1:

a) Có phương án đảm bảo an ninh trật tự; vệ sinh an toàn thực phẩm; an toàn phòng, chống tai nạn, thương tích; an toàn phòng, chống cháy, nổ; an toàn phòng, chống thảm họa, thiên tai; phòng, chống dịch bệnh; phòng, chống các tệ nạn xã hội và phòng, chống bạo lực trong nhà trường; những trường có tổ chức bếp ăn cho học sinh được cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện an toàn thực phẩm;

b) Có hộp thư góp ý, đường dây nóng và các hình thức khác để tiếp nhận, xử lý các thông tin phản ánh của người dân; đảm bảo an toàn cho cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên và học sinh trong nhà trường;

c) Không có hiện tượng kỳ thị, hành vi bạo lực, vi phạm pháp luật về bình đẳng giới trong nhà trường.

Mức 2:

a) Cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên và học sinh được phổ biến, hướng dẫn, thực hiện phương án đảm bảo an ninh trật tự; vệ sinh an toàn thực phẩm; an toàn phòng, chống tai nạn, thương tích; an toàn phòng, chống cháy, nổ; an toàn phòng, chống thảm họa, thiên tai; phòng, chống dịch bệnh; phòng, chống các tệ nạn xã hội và phòng, chống bạo lực trong nhà trường;

b) Nhà trường thường xuyên kiểm tra, thu thập, đánh giá, xử lý các thông tin, biểu hiện liên quan đến bạo lực học đường, an ninh trật tự và có biện pháp ngăn chặn kịp thời, hiệu quả.

1. Mô tả hiện trạng

Mức 1:

Nhà trường có xây dựng kế hoạch cụ thể đảm bảo an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội trong và xung quanh nhà trường như xây dựng đội ngũ bảo vệ trực 24/24 giờ, phối hợp giữa nhà trường với công an phường Long Bình, phối hợp với lực lượng dân phòng phường Long Bình [H1-1.10-01]. Nhà trường xây dựng tiêu chuẩn về việc đảm bảo vệ sinh an toàn thực phẩm trong phạm vi nhà trường. Thực hiện cam kết về việc đảm bảo vệ sinh an toàn thực phẩm và giao cho Công đoàn cùng bộ phận y tế kiểm tra, giám sát các hoạt động của căn tin và công ty cung cấp suất ăn bán trú [H1-1.10-02]. Hạn chế tối đa việc mua bán ở lề đường trước và xung quanh trường học. Về vấn đề an toàn phòng, chống cháy, nổ; an toàn phòng, chống thảm họa, thiên tai: Nhà trường ban hành kế hoạch, nội quy, phương án phòng cháy, chữa cháy; trang bị đầy đủ các bình chữa cháy mini, hệ thống bể nước, ụ cứu hỏa; tiến hành các buổi tập huấn về công tác phòng cháy chữa cháy trong cán bộ, giáo viên, nhân viên và học sinh [H1-1.10-03]. Ngoài ra, nhà trường thường xuyên quan tâm và có các giải pháp đối với công tác phòng chống dịch bệnh; phòng chống các tệ nạn bạo lực học đường nên trong các năm qua an ninh, trật tự, an toàn, môi trường cảnh quan nhà trường được đảm bảo [H1-1.10-04].

Nhà trường luôn có hộp thư dành cho học sinh và phụ huynh góp ý [H1-1.10-05]. Ngoài ra còn có các kênh tiếp nhận thông tin khác từ mạng xã hội, từ đội ngũ bí thư, ... nhằm nắm bắt thông tin để xử lý kịp thời và đảm bảo an toàn cho cán bộ, giáo viên, nhân viên và học sinh trong nhà trường.

Không có hiện tượng kỳ thị, hành vi bạo lực, vi phạm pháp luật về bình đẳng giới trong nhà trường. Nhà trường đã tổ chức các buổi học tập về kỹ năng sống cung cấp cho học sinh các kiến thức nhằm phòng chống bạo lực học

đường, và tập huấn kỹ năng tự vệ, kỹ năng giao tiếp, kỹ năng ứng phó tình huống, ... cho học sinh [H1-1.10-06].

Mức 2:

Cán bộ giáo viên luôn được phổ biến các vấn đề đảm bảo an ninh trật tự, an toàn thực phẩm. Luôn có các buổi tập huấn về an toàn cháy nổ, tai nạn thương tích, phòng chống các dịch bệnh, phòng và chống các tai nạn xã hội, chống bạo lực học đường [H1-1.10-07]; [H1-1.10-08].

Nhà trường thông qua giáo viên, ban cán sự lớp và các kênh mạng xã hội thu thập thông tin để phát hiện các biểu hiện liên quan đến bạo lực học đường, an ninh trật tự và có biện pháp ngăn chặn kịp thời, hiệu quả. Xây dựng đội ngũ giám thị có sự hỗ trợ của tổ chức Đoàn thanh niên, Chi đoàn giáo viên tuyên truyền gương tốt, việc tốt nhằm hạn chế vấn đề bạo lực học đường. Đồng thời kết hợp với công an phường Long Bình đảm bảo an ninh trật tự và an toàn trường học [H1-1.10-09].

2. Điểm mạnh

Nhà trường đã phối hợp chặt chẽ với các lực lượng an ninh trong và ngoài nhà trường để đảm bảo an toàn cho cán bộ, giáo viên, nhân viên và học sinh trong trường.

Thường xuyên kiểm tra chặt chẽ vấn đề vệ sinh an toàn thực phẩm ở căn tin và các bữa ăn bán trú. Tuyên truyền và giám sát các biện pháp phòng chống dịch bệnh cho toàn thể giáo viên học sinh.

3. Điểm yếu

Tình trạng buôn bán hàng rong trước cổng trường vẫn còn. Điều này đã gây mất trật tự, an ninh trường học, gây khó khăn cho nhà trường trong việc giữ gìn bảo vệ mỹ quan trường học cũng như khu vực xung quanh.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Hằng năm, nhà trường tăng cường phối hợp với các cơ quan chức năng, các bộ phận trong trường và cha mẹ học sinh nhằm giáo dục ý thức học sinh xây dựng môi trường thân thiện, đoàn kết, an toàn, không có bạo lực học đường.

Từ năm học 2021-2022, Ban lãnh đạo nhà trường tiếp tục phối hợp với các cơ quan chức năng để xử lý tình trạng buôn bán hàng rong trước cổng trường vào đầu buổi và giờ tan học.

5. Tự đánh giá: Đạt mức 2

Kết luận về Tiêu chuẩn 1:

Trường Trung học phổ thông Nguyễn Văn Tăng có cơ cấu tổ chức bộ máy theo quy định, công tác tổ chức và quản lý điều hành các hoạt động có nề nếp, ổn định và liên tục cải tiến nhằm đẩy mạnh sự phát triển của nhà trường.

Ban lãnh đạo, Ban chấp hành Công đoàn, Trợ lý thanh niên và thầy cô tổ trưởng chuyên môn được tập thể giáo viên, nhân viên tin tưởng tín nhiệm. Các

kế hoạch hoạt động của nhà trường được Ban lãnh đạo chỉ đạo cụ thể, rõ ràng, thống nhất. Việc điều hành hoạt động toàn diện của nhà trường đảm bảo nguyên tắc, thể hiện tính dân chủ, công khai, đúng luật giáo dục phù hợp với các hoạt động thực tiễn nhà trường.

Nhà trường luôn có các phương án đảm bảo an ninh trật tự, vệ sinh an toàn thực phẩm, đảm bảo an toàn cho cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên và học sinh toàn trường.

Vị trí của trường ở xa trung tâm Thành phố, các phương tiện công cộng đi lại còn hạn chế nên hằng năm số lượng học sinh đầu vào còn ít, chưa tương xứng với cơ sở vật chất đầu tư.

- Số lượng và tỉ lệ phần trăm (%) các tiêu chí đạt và không đạt Mức 1, Mức 2 và Mức 3:

- + Không đạt: 0/10 tiêu chí chiếm 0 %
- + Đạt Mức 1: 10/10 tiêu chí chiếm 100 %
- + Đạt Mức 2: 9/10 tiêu chí chiếm 90 %
- + Đạt Mức 3: 3/5 tiêu chí chiếm 60 %

Tiêu chuẩn 2: Cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên và học sinh

Mở đầu:

Ban lãnh đạo nhà trường gồm có 01 Hiệu trưởng, 02 Phó Hiệu trưởng có trình độ đại học và trên đại học, trình độ chuyên môn vững vàng, có năng lực quản lý. Số lượng giáo viên đúng theo quy định của Điều lệ trường trung học, trình độ giáo viên đạt chuẩn và trên chuẩn. Kết quả đánh giá và xếp loại giáo viên luôn đảm bảo các quyền, chế độ chính sách cho giáo viên, nhân viên nhà trường.

Hằng năm, tỷ lệ danh hiệu Lao động tiên tiến toàn trường đạt từ 98% trở lên, nhiều cán bộ, giáo viên, nhân viên được công nhận Chiến sỹ thi đua cấp thành phố và cấp cơ sở, được các cấp khen thưởng bằng khen, giấy khen. Trường có giáo viên phụ trách công tác Công đoàn nhiệt tình, có trách nhiệm cao. Toàn trường có 1297 học sinh đang theo học, học sinh của trường luôn đáp ứng đúng yêu cầu của Điều lệ trường trung học và pháp luật.

Tiêu chí 2.1: Đối với Hiệu trưởng, Phó Hiệu trưởng

Mức 1:

- a) *Đạt tiêu chuẩn theo quy định;*
- b) *Được đánh giá đạt chuẩn hiệu trưởng trở lên;*
- c) *Được bồi dưỡng, tập huấn về chuyên môn, nghiệp vụ quản lý giáo dục theo quy định.*

Mức 2:

a) Trong 05 năm liên tiếp tính đến thời điểm đánh giá, có ít nhất 02 năm được đánh giá đạt chuẩn hiệu trưởng ở mức khá trở lên;

b) Được bồi dưỡng, tập huấn về lý luận chính trị theo quy định; được giáo viên, nhân viên trong trường tín nhiệm.

Mức 3:

Trong 05 năm liên tiếp tính đến thời điểm đánh giá, được đánh giá đạt chuẩn hiệu trưởng ở mức khá trở lên, trong đó có ít nhất 01 năm được đánh giá đạt chuẩn hiệu trưởng ở mức tốt.

1. Mô tả hiện trạng

Mức 1:

Hiệu trưởng và Phó Hiệu trưởng nhà trường đảm bảo đạt trình độ đào tạo từ đại học trở lên, đạt tiêu chuẩn về phẩm chất, chính trị, đạo đức, lối sống, có năng lực quản lý, có đủ sức khỏe theo yêu cầu. Hiệu trưởng: Cô Nguyễn Hoàng Diễm Ly - Thạc sĩ ngôn ngữ học ứng dụng bộ môn tiếng Anh, chứng chỉ B tiếng Trung, chứng chỉ A tiếng Nhật, chứng chỉ ứng dụng Công nghệ thông tin cơ bản, chứng nhận Trung cấp lý luận Chính trị và chứng nhận loại giỏi lớp bồi dưỡng cán bộ quản lý; các chứng chỉ về quản trị kinh doanh [H2-2.1-01]. Phó Hiệu trưởng chuyên môn: Cô Nguyễn Thị Vân Nam - Thạc sĩ lý luận và phương pháp dạy Sinh học, đã hoàn thành khóa học Trung cấp Chính trị và Quản lý giáo dục [H2-2.1-02]. Phó Hiệu trưởng hành chính: Thầy Lê Văn Khôi - Kỹ sư Công nghệ thông tin, đã hoàn thành khóa học Trung cấp Chính trị và Quản lý giáo dục [H2-2.1-03]. Cô Nguyễn Hoàng Diễm Ly có số năm dạy học môn Tiếng Anh là 22 năm, phụ trách công việc chung của nhà trường từ tháng 8/2018. Và chính thức được bổ nhiệm Hiệu trưởng từ tháng 9/2018. Cô Nguyễn Thị Vân Nam có số năm dạy học môn Sinh học là 18 năm, được bổ nhiệm Phó Hiệu trưởng từ tháng 9/2019. Thầy Lê Văn Khôi có số năm dạy học môn Tin học là 13 năm, được bổ nhiệm Phó Hiệu trưởng từ tháng 3/2021.

Hàng năm, cả Hiệu trưởng và Phó Hiệu trưởng đều tự đánh giá và được đánh giá chuẩn hiệu trưởng trở lên theo Quy định Chuẩn Hiệu trưởng trường Trung học phổ thông do Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành [H2-2.1-04].

Hiệu trưởng và Phó Hiệu trưởng đã được đào tạo cơ bản về công tác quản lý và đạt trình độ cử nhân và thạc sĩ về chuyên môn. Hiệu trưởng và Phó Hiệu trưởng ý thức tốt, luôn chủ động tự học tập, bồi dưỡng cũng như tích cực tham dự các lớp bồi dưỡng tập huấn về chuyên môn, nghiệp vụ quản lý giáo dục [H2-2.1-01].

Mức 2:

Hàng năm, cả Hiệu trưởng và Phó Hiệu trưởng đều tự đánh giá và được đánh giá loại tốt theo Quy định Chuẩn Hiệu trưởng trường Trung học phổ thông do Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành, chưa bị kỷ luật lần nào, được khen thưởng từ Lao động tiên tiến đến Chiến sĩ thi đua cấp cơ sở và cấp Thành phố, bằng khen Thành phố [H2-2.1-04]; [H2-2.1-05].

Hiệu trưởng, Phó Hiệu trưởng đạt trình độ trung cấp chính trị. Hiệu trưởng và Phó hiệu trưởng ý thức tốt, luôn chủ động tự học tập, bồi dưỡng về lý luận chính trị theo quy định [H2-2.1-01]. Được cán bộ, giáo viên nhân viên trong trường tín nhiệm cao [H2-2.1-06].

Mức 3:

Hàng năm, cả Hiệu trưởng và Phó hiệu trưởng đều tự đánh giá và được đánh giá loại khá, tốt theo Quy định Chuẩn Hiệu trưởng trường Trung học phổ thông do Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành, trong đó có 01 năm được đánh giá tốt [H2-2.1-04].

2. Điểm mạnh

Hiệu trưởng và Phó Hiệu trưởng có phẩm chất chính trị, đạo đức tốt, tâm huyết, trách nhiệm cao trong công tác, có tư duy đổi mới, sáng tạo, có đầy đủ các điều kiện về trình độ chuyên môn, quản lý giáo dục, lý luận chính trị, ngoại ngữ, tin học theo quy định, lãnh đạo đơn vị hoàn thành tốt nhiệm vụ và được cán bộ giáo viên nhân viên tín nhiệm cao.

3. Điểm yếu

Ban lãnh đạo nhà trường có số năm trong công tác quản lý còn ít, kinh nghiệm trong một vài công việc chưa nhiều.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Ban lãnh nhà trường sẽ không ngừng học hỏi, tự nghiên cứu và học tập để nâng cao năng lực.

Năm học 2021-2022, nhà trường tăng cường bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ cho các cán bộ quản lý trong nhà trường.

5. Tự đánh giá: Đạt mức 3

Tiêu chí 2.2: Đối với giáo viên

Mức 1:

a) Số lượng, cơ cấu giáo viên đảm bảo thực hiện Chương trình giáo dục và tổ chức các hoạt động giáo dục;

b) 100% giáo viên đạt chuẩn trình độ đào tạo theo quy định;

c) Có ít nhất 95% giáo viên đạt chuẩn nghề nghiệp giáo viên ở mức đạt trở lên.

Mức 2:

a) Trong 05 năm liên tiếp tính đến thời điểm đánh giá, tỷ lệ giáo viên trên chuẩn trình độ đào tạo được duy trì ổn định và tăng dần theo lộ trình phù hợp;

b) Trong 05 năm liên tiếp tính đến thời điểm đánh giá, có 100% giáo viên đạt chuẩn nghề nghiệp giáo viên ở mức đạt trở lên, trong đó có ít nhất 60% đạt chuẩn nghề nghiệp giáo viên ở mức khá trở lên và có ít nhất 50% ở mức khá trở lên đối với trường thuộc vùng khó khăn;

c) Có khả năng tổ chức các hoạt động trải nghiệm, hướng nghiệp, định hướng phân luồng cho học sinh; có khả năng hướng dẫn nghiên cứu khoa học; trong 05 năm liên tiếp tính đến thời điểm đánh giá không có giáo viên bị kỷ luật từ hình thức cảnh cáo trở lên.

Mức 3:

a) Trong 05 năm liên tiếp tính đến thời điểm đánh giá, có ít nhất 80% giáo viên đạt chuẩn nghề nghiệp giáo viên ở mức khá trở lên, trong đó có ít nhất 30% đạt chuẩn nghề nghiệp giáo viên ở mức tốt; đối với trường thuộc vùng khó khăn có ít nhất 70% đạt chuẩn nghề nghiệp giáo viên ở mức khá trở lên, trong đó có ít nhất 20% đạt chuẩn nghề nghiệp giáo viên ở mức tốt;

b) Trong 05 năm liên tiếp tính đến thời điểm đánh giá, giáo viên có báo cáo kết quả nghiên cứu khoa học.

1. Mô tả hiện trạng

Mức 1:

Năm học 2021-2022 trường có 29 lớp với 63 giáo viên giảng dạy. Theo Thông tư liên tịch số 35/2006/TTLT-BGDĐT-BNV ngày 23/8/2006 của Liên Bộ Giáo dục và Đào tạo và Bộ Nội vụ về hướng dẫn định mức biên chế viên chức và Thông tư 28/2009/TT-BGDĐT ngày 21/10/2009 của Bộ Giáo dục và Đào tạo Quy định về chế độ làm việc đối với giáo viên phổ thông, hiện nay trường đã đủ số lượng giáo viên theo yêu cầu, tất cả các giáo viên đều được phân công đúng với chuyên môn đào tạo và đều đủ chuẩn theo quy định hoặc trên chuẩn [H1-1.7-02].

Tất cả các giáo viên đều có bằng cử nhân trở lên, đạt trình độ chuẩn theo quy định [H2-2.2-01].

Hàng năm, 100% giáo viên trong trường được đánh giá chuẩn nghề nghiệp giáo viên từ đạt trở lên [H2-2.2-02].

Mức 2:

100% cán bộ, giáo viên của nhà trường đều trình độ đạt chuẩn và trên chuẩn đào tạo theo quy định tại Mục c, Khoản 1, Điều 33 của Điều lệ trường trung học và các quy định khác. Trong năm học 2021-2022, trường có 13/63 giáo viên là thạc sĩ (20,6%) [H2-2.2-01] và có 03 giáo viên hiện đang theo học chương trình thạc sĩ.

Trong 05 năm liên tiếp từ năm học 2016-2017 đến năm học 2020-2021, 100% giáo viên trong trường được đánh giá chuẩn nghề nghiệp giáo viên từ đạt trở lên, trong đó có ít nhất 60% đạt chuẩn nghề nghiệp giáo viên từ mức khá trở lên [H2-2.2-02].

Hàng năm giáo viên cùng với nhà trường tổ chức cho học sinh các hoạt động ngoại khóa vào tháng 12 cho cả ba khối, đảm bảo cho các em có chuyến đi học tập ngoại khóa an toàn, bổ ích [H2-2.2-03]. Thầy cô tổ bộ môn Sinh học - Công nghệ tổ chức cho các em hoạt động tiết học ngoài nhà trường ở Thảo Cầm

Viên [H2-2.2-04]. Giáo viên chủ nhiệm tư vấn cho các em học sinh chọn ban, hướng nghiệp chọn ngành phù hợp. Giáo viên tích cực hướng dẫn học sinh nghiên cứu khoa học để tham gia Hội thi khoa học kỹ thuật cấp trường và chọn ra các đề tài dự thi cấp thành phố [H2-2.2-05]. Giáo viên bồi dưỡng học sinh giỏi, Olympic Tháng 4 mở rộng đạt kết quả cao, 98% giáo viên đạt danh hiệu lao động tiên tiến. Nhiều giáo viên đạt danh hiệu chiến sĩ thi đua cấp cơ sở, bằng khen của thành phố. Nhiều giáo viên là giáo viên giỏi cấp trường, trong đó, có thầy Huỳnh Đức Chính, cô Nguyễn Thị Phương là giáo viên giỏi cấp Thành phố năm 2018 [H2-2.2-06]. Trong 05 năm liên tiếp từ năm học 2016-2017 đến năm học 2020-2021, 100% giáo viên hoàn thành nhiệm vụ được giao, không có giáo viên nào bị kỷ luật.

Mức 3:

Trong 05 năm liên tiếp từ năm học 2016-2017 đến năm học 2020-2021, 100% giáo viên trong trường được đánh giá chuẩn nghề nghiệp giáo viên từ khá trở lên, trên 30% giáo viên đạt chuẩn nghề nghiệp giáo viên ở mức tốt [H2-2.2-02].

Hằng năm vẫn có giáo viên báo cáo kết quả nghiên cứu khoa học thông qua các sáng kiến kinh nghiệm. Tuy nhiên, nhà trường chưa có giáo viên báo cáo kết quả nghiên cứu khoa học từ cấp quận trở lên.

2. Điểm mạnh

100% giáo viên có trình độ đạt chuẩn và trên chuẩn, tâm huyết, nhiệt tình, tận tâm với nghề.

Đủ giáo viên theo yêu cầu, không có tình trạng thừa hay thiếu giáo viên, tất cả giáo viên đều được phân công giảng dạy đúng theo chuyên môn và năng lực.

3. Điểm yếu

Số giáo viên đạt trên chuẩn còn ít so với tỉ lệ giáo viên nhà trường.

Còn một giáo viên chưa đạt chuẩn chức danh nghề nghiệp.

Chưa có giáo viên tham gia báo cáo nghiên cứu khoa học từ cấp quận trở lên.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Hằng năm, Ban lãnh đạo nhà trường, tổ trưởng chuyên môn có kế hoạch thường xuyên bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ cho đội ngũ giáo viên thông qua sinh hoạt tổ nhóm chuyên môn, thao giảng, dự giờ; trao đổi chia sẻ sáng kiến kinh nghiệm; tham gia đầy đủ các khóa học do cấp trên tổ chức.

Hằng năm, Hiệu trưởng tăng cường và tạo điều kiện bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ, chính trị cho tất cả các giáo viên của trường, nhất là tạo điều kiện cho giáo viên tham gia học cao học.

Trong năm học 2021-2022, nhà trường sẽ hoàn thành hồ sơ chuyển chức danh nghề nghiệp cho giáo viên.

Nhà trường tạo điều kiện để giáo viên tham gia báo cáo nghiên cứu khoa học từ cấp quận trở lên.

5. Tự đánh giá: Đạt mức 2

Tiêu chí 2.3: Đối với nhân viên

Mức 1:

a) Có nhân viên hoặc giáo viên kiêm nhiệm để đảm nhiệm các nhiệm vụ do hiệu trưởng phân công;

b) Được phân công công việc phù hợp, hợp lý theo năng lực;

c) Hoàn thành các nhiệm vụ được giao.

Mức 2:

a) Số lượng và cơ cấu nhân viên đảm bảo theo quy định;

b) Trong 05 năm liên tiếp tính đến thời điểm đánh giá, không có nhân viên bị kỷ luật từ hình thức cảnh cáo trở lên.

Mức 3:

a) Có trình độ đào tạo đáp ứng được vị trí việc làm;

b) Hằng năm, được tham gia đầy đủ các khóa, lớp tập huấn, bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ theo vị trí việc làm.

1. Mô tả hiện trạng

Mức 1:

Nhà trường đảm bảo số lượng nhân viên theo vị trí việc làm và thực hiện nhiệm vụ được phân công. Nhân viên văn phòng đảm nhận các vị trí: kế toán, thủ quỹ, văn thư, thư viện, giáo vụ, y tế học đường, giám thị, phục vụ, bảo vệ.

Hầu hết nhân viên văn phòng đều được phân công công việc phù hợp với trình độ chuyên môn được đào tạo, phù hợp với năng lực của từng cá nhân ở các vị trí được phân công, thể hiện qua kế hoạch phân công tổ văn phòng [H1-1.7-03]. Trường có giáo viên kiêm nhiệm đảm nhận các vị trí: quản lý thiết bị thí nghiệm, pháp chế, công nghệ thông tin [H2-2.3-01].

Nhân viên có đủ năng lực đảm bảo hoàn thành tốt các nhiệm vụ được giao, có đủ chứng chỉ, chứng nhận bồi dưỡng nghiệp vụ [H1-1.7-03]; [H2-2.2-01]. Nhân viên hoàn thành tốt các nhiệm vụ được giao thông qua tổng kết báo cáo hàng tháng, hằng năm và hồ sơ đánh giá công chức viên chức [H2-2.3-02].

Mức 2:

Số lượng và cơ cấu nhân viên văn phòng đảm bảo theo thông tư 16/2017/TT-BGDĐT. Nhà trường có: 01 nhân viên kế toán, 01 nhân viên thư viện kiêm nhiệm quản lý thiết bị, 01 nhân viên thủ quỹ, 01 nhân viên y tế, 01

nhân viên văn thư - lưu trữ, 01 nhân viên giáo vụ, 01 giám thị, 03 nhân viên bảo vệ, 03 nhân viên phục vụ hợp đồng [H1-1.7-03]. Ngoài ra nhà trường có phân công giáo viên kiêm nhiệm nhân viên tư vấn pháp chế, công nghệ thông tin [H2-2.3-01].

Trong 05 năm liên tiếp từ năm học 2016-2017 đến năm học 2020-2021, đội ngũ nhân viên nhà trường đều chấp hành tốt chủ trương đường lối của Đảng, chấp hành tốt nội quy cơ quan, hoàn thành tốt các nhiệm vụ được giao, không có cá nhân nào phải chịu hình thức kỷ luật từ cảnh cáo trở lên [H2-2.3-02].

Mức 3:

Kế toán, văn thư, y tế, thư viện, thủ quỹ, thiết bị đều có trình độ trung cấp trở lên theo đúng chuyên môn [H2-2.2-01].

Đa số nhân viên được tham gia bồi dưỡng chuyên môn nghiệp vụ thường xuyên như kế toán, y tế học đường. Tuy nhiên một số nhân viên chưa được tham gia tập huấn chuyên môn nghiệp vụ và các lớp tập huấn bồi dưỡng hằng năm mà chủ yếu tự học, tự cập nhật kiến thức và kinh nghiệm làm việc trong thực tiễn và một số nhân viên được tập huấn nhưng chưa đem lại nhiều kết quả.

2. Điểm mạnh

Nhân viên văn phòng là lực lượng hỗ trợ cho công tác dạy và học của nhà trường. Số lượng nhân viên khá đầy đủ, có trình độ đào tạo đáp ứng được vị trí việc làm theo quy định. Nhân viên tổ văn phòng đoàn kết, hòa đồng, có tinh thần trách nhiệm cao, cùng hỗ trợ tốt cho công tác dạy học và xây dựng nề nếp kỷ luật của nhà trường cũng như các hoạt động tiếp dân, xây dựng hình ảnh thân thiện của nhà trường.

3. Điểm yếu

Một số nhân viên chưa được tham gia tập huấn chuyên môn nghiệp vụ và các lớp tập huấn bồi dưỡng hằng năm hoặc có tham gia nhưng kết quả chưa cao.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Hiệu trưởng ủy quyền cho Phó Hiệu trưởng phụ trách tăng cường kiểm tra việc xây dựng kế hoạch và lịch công tác cụ thể theo năm, tháng, tuần, ngày của nhân viên. Mỗi nhân viên phải tích cực học tập để không ngừng nâng cao trình độ chuyên môn nghiệp vụ, tham gia đầy đủ các lớp bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ (nếu cấp trên tổ chức).

Ban lãnh đạo nhà trường cần phải biết lắng nghe, quan tâm sâu sát, yêu cầu đội ngũ nhân viên phải sắp xếp công việc khoa học, hiệu quả hơn đáp ứng với yêu cầu nhiệm vụ.

5. Tự đánh giá: Đạt mức 2

Tiêu chí 2.4: Đối với học sinh

Mức 1:

a) Đảm bảo về tuổi học sinh theo quy định;

- b) *Thực hiện các nhiệm vụ theo quy định;*
- c) *Được đảm bảo các quyền theo quy định.*

Mức 2:

Học sinh vi phạm các hành vi không được làm được phát hiện kịp thời, được áp dụng các biện pháp giáo dục phù hợp và có chuyển biến tích cực.

Mức 3:

Học sinh có thành tích trong học tập, rèn luyện có ảnh hưởng tích cực đến các hoạt động của lớp và nhà trường.

1. Mô tả hiện trạng

Mức 1:

Tất cả học sinh đều đảm bảo đúng theo quy định về tuổi học sinh cấp trung học phổ thông của Điều lệ trường trung học [H2-2.4-01].

Học sinh thực hiện các nhiệm vụ học tập và rèn luyện theo chương trình, kế hoạch giáo dục của nhà trường. Học sinh biết kính trọng cha mẹ, thầy cô, cán bộ công nhân viên của trường và những người lớn tuổi; đoàn kết, giúp nhau trong học tập, thực hiện nội quy, chấp hành pháp luật [H2-2.4-02]. Học sinh biết rèn luyện thân thể, giữ gìn vệ sinh cá nhân. Học sinh được tham gia các hoạt động tập thể của lớp, trường, Đoàn thanh niên; tham gia các công tác xã hội như bảo vệ môi trường, an toàn giao thông; giữ gìn, bảo vệ tài sản chung, xây dựng và phát huy truyền thống nhà trường [H2-2.4-03]. Tuy nhiên, một số học sinh chưa tích cực, tự giác thực hiện nhiệm vụ học tập và rèn luyện đạo đức.

Học sinh được nhà trường đảm bảo các quyền như được bình đẳng trong việc hưởng thụ giáo dục toàn diện, được tạo điều kiện về cơ sở vật chất, được cung cấp thông tin về việc học, được sử dụng các thiết bị phục vụ học tập, văn hóa, thể thao. Học sinh được tôn trọng, đối xử bình đẳng, dân chủ; được tham gia các hoạt động phát triển năng khiếu môn học, thể thao, nghệ thuật, được giáo dục kỹ năng sống. Học sinh được nhận học bổng hoặc trợ cấp theo quy định với những học sinh được hưởng chính sách xã hội, khó khăn, được hưởng các quyền khác theo quy định của pháp luật [H2-2.4-04]; [H2-2.4-05].

Mức 2:

Nhà trường có các biện pháp tuyên truyền, phổ biến tới toàn thể học sinh ngay từ đầu khóa học, đầu mỗi năm học các nội quy nhà trường, nội quy lớp học, quy định của nhà trường về nề nếp, kỷ cương, trật tự trường học, các thông tư xếp loại học lực và hạnh kiểm học sinh [H2-2.4-02]; [H2-2.4-06]. Hiệu trưởng luôn chỉ đạo làm tốt công tác chủ nhiệm lớp. Sự phối hợp giữa giáo viên chủ nhiệm với giáo viên bộ môn, với các tổ chức đoàn thể trong nhà trường, với cha mẹ học sinh để phát hiện những diễn biến tâm lý của học sinh và có biện pháp ngăn ngừa, xử lý kịp thời các tình huống có nguy cơ bạo lực hoặc vi phạm của học sinh [H2-2.4-07].

Mức 3:

Hằng năm, Nhà trường có nhiều học sinh đạt thành tích tốt trong học tập, tham gia tích cực các hoạt động, đạt các giải cao trong kỳ thi học sinh giỏi các cấp. Nhà trường thường xuyên tuyên dương khen thưởng các em có thành tích tốt trong học tập và rèn luyện, qua đó khuyến khích động viên học sinh toàn trường phát huy năng lực bản thân [H2-2.4-04].

2. Điểm mạnh

Học sinh được hưởng đầy đủ quyền học tập, vui chơi, phát triển năng khiếu, thực hiện các nhiệm vụ của học sinh theo Điều lệ trường trung học và các quy định pháp luật.

Nhà trường có nhiều học sinh đạt thành tích tốt trong học tập, rèn luyện tham gia tích cực các hoạt động và đạt các giải cao trong kỳ thi học sinh giỏi các cấp.

3. Điểm yếu

Một số học sinh chưa tự giác thực hiện nhiệm vụ học tập và rèn luyện đạo đức.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Nhà trường tiếp tục các kế hoạch bồi dưỡng học sinh giỏi, tạo điều kiện cho các em phát huy năng lực của bản thân để có nhiều thành tích vượt trội hơn nữa trong những năm học tại trường.

Trong năm học 2021-2022, nhà trường có kế hoạch phụ đạo học sinh yếu và tăng cường tích hợp giáo dục KNS cho học sinh để các em khắc phục các điểm yếu trong học tập và rèn luyện.

5. Tự đánh giá: Đạt mức 3

Kết luận về tiêu chuẩn 2:

Cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên đảm bảo về trình độ và các tiêu chuẩn theo quy định. Ban lãnh đạo luôn gần gũi, lắng nghe ý kiến đóng góp của thầy cô giáo để kịp thời điều chỉnh các hoạt động giáo dục của nhà trường. Ban lãnh đạo nhà trường tài năng, trách nhiệm, đoàn kết, nỗ lực hết mình cùng với tập thể sư phạm nhà trường hoàn thành tốt các nhiệm vụ trong hoạt động giáo dục.

Ban lãnh đạo luôn có sự phối hợp chặt chẽ với các tổ chức đoàn thể trong nhà trường để đảm bảo cho các hoạt động giáo dục chính trị, tư tưởng phong trào của nhà trường phát triển vững mạnh. Đội ngũ giáo viên, nhân viên nhiệt tình, năng động góp phần nâng cao chất lượng các hoạt động giáo dục. Học sinh luôn được tạo môi trường tốt cho học tập và phát triển nhân cách. Các thành viên trong nhà trường đoàn kết, tương trợ, động viên nhau hoàn thành tốt nhiệm vụ, hướng tới mục tiêu phát triển toàn diện.

- Số lượng và tỉ lệ phần trăm (%) các tiêu chí đạt và không đạt Mức 1, Mức 2 và Mức 3:

- + Không đạt: 0/4 tiêu chí chiếm 0 %
- + Đạt Mức 1: 4/4 tiêu chí chiếm 100 %
- + Đạt Mức 2: 4/4 tiêu chí chiếm 100 %
- + Đạt Mức 3: 2/4 tiêu chí chiếm 50 %

Tiêu chuẩn 3: Cơ sở vật chất và thiết bị dạy học

Mở đầu:

Trường Trung học phổ thông Nguyễn Văn Tăng có diện tích 27.600m² và cũng đã được Ủy ban nhân dân Thành phố cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Trường nằm trong khu phố Phước Thiện có khuôn viên riêng biệt, thoáng mát, xung quanh có tường bao, đảm bảo tiêu chí xanh, sạch, đẹp, an toàn.

Nhà trường có đầy đủ phòng học tổ chức dạy và học hai buổi/ngày. Phòng giáo viên, phòng Tiếp dân, văn phòng Đoàn thanh niên, Thư viện, phòng Vi tính, phòng chức năng Lab, phòng thực hành từng bộ môn... đều được trang bị đầy đủ, có kết nối Internet để phục vụ cho việc giảng dạy và giáo dục. Nhà trường cũng bố trí khu vực để xe cho giáo viên, học sinh.

Hệ thống nước máy cung cấp đủ lượng nước sinh hoạt theo quy định. Trang thiết bị được đầu tư tương đối đầy đủ đảm bảo cho hoạt động quản lý, dạy học và các hoạt động giáo dục khác. Cơ sở vật chất nhà trường xây dựng đã qua sử dụng nhiều năm, hằng năm đều được sửa chữa, cải thiện nên vẫn duy trì sự đảm bảo, an toàn.

Tiêu chí 3.1: Khuôn viên, khu sân chơi, bãi tập

Mức 1:

a) Khuôn viên đảm bảo xanh, sạch, đẹp, an toàn để tổ chức các hoạt động giáo dục;

b) Có cổng trường, biển tên trường và tường hoặc rào bao quanh;

c) Khu sân chơi, bãi tập có đủ thiết bị tối thiểu, đảm bảo an toàn để luyện tập thể dục, thể thao và các hoạt động giáo dục của nhà trường.

Mức 2:

Khu sân chơi, bãi tập đáp ứng yêu cầu tổ chức các hoạt động giáo dục.

Mức 3:

Các trường nội thành, nội thị có diện tích ít nhất 6m²/học sinh; các trường khu vực nông thôn có diện tích ít nhất 10m²/học sinh; đối với trường trung học được thành lập sau năm 2001 đảm bảo có diện tích mặt bằng theo quy định. Khu sân chơi, bãi tập có diện tích ít nhất bằng 25% tổng diện tích sử dụng của trường.

1. Mô tả hiện trạng

Mức 1:

Khu vực xung quanh trường, cũng như trong khuôn viên trường có nhiều cây xanh, tỏa bóng mát. Trường cũng có trồng thêm một số cây cảnh. Học sinh các lớp thực hiện trang trí mảng xanh trong lớp học phù hợp với môi trường sư phạm và tăng thêm vẻ đẹp cho trường, lớp. Nhân viên phục vụ, học sinh thường xuyên lao động, chăm sóc để giữ cho sân trường, lớp học, khuôn viên trong và xung quanh trường (khu vực ngoài hàng rào) luôn xanh sạch, đẹp theo quy định [H3-3.1-01].

Trường có hai cổng. Một cổng chính nằm ở đường 9A, khu phố Phước Thiện, Phường Long Bình, Thành phố Thủ Đức và một cổng phụ. Cổng trường kiên cố, chắc chắn, đảm bảo yêu cầu về an toàn và thẩm mỹ, thuận tiện cho việc ra vào của giáo viên, học sinh và khách đến liên hệ công tác. Biện tên trường được thiết kế theo đúng nội dung quy định tại Điều 5 Điều lệ trường trung học. Khuôn viên nhà trường có tường thành bốn bên có chiều cao từ 2,5m đến 2,8m [H3-3.1-02].

Nhà trường có sân chơi để tổ chức các lễ hội, chào cờ đầu tuần, hoạt động ngoài giờ lên lớp; có một nhà tập đa năng phục vụ cho việc luyện tập của học sinh và giáo viên; có sân bóng đá mini để phục vụ việc luyện tập thể dục thể thao [H3-3.1-03].

Mức 2:

Khu sân chơi bãi tập đạt trên 41,55% diện tích sử dụng, có trang thiết bị tối thiểu để đáp ứng việc luyện tập của học sinh theo quy định [H3-3.1-03]. Sân tập học sinh còn nắng, có khuôn viên còn bỏ không để cỏ mọc lãng phí.

Mức 3:

Trường có diện tích 27.600m². Đạt mức 21m²/học sinh (vượt quá tiêu chuẩn quy định ít nhất là 6m²/ học sinh) [H3-3.1-04].

2. Điểm mạnh

Nhà trường có diện tích mặt bằng rộng, khuôn viên được sắp xếp sử dụng phù hợp với tình hình thực tế trong các hoạt động của nhà trường.

Khu vực sân chơi cho học sinh rộng rãi, được trang bị khá đầy đủ các đồ dùng, thiết bị dạy học phục vụ môn học Thể dục, Giáo dục Quốc phòng và sinh hoạt văn - thể - mỹ, sinh hoạt tập thể.

Khuôn viên thông thoáng, sạch đẹp, bố trí cây xanh phủ đều khắp tạo cảnh quan xanh, sạch, đẹp. Phần lớn cán bộ, giáo viên, nhân viên, học sinh nhà trường hiểu rõ tầm quan trọng và chung sức trong việc trồng và giữ gìn cây xanh.

3. Điểm yếu

Sân tập học sinh còn nắng, có khuôn viên còn bỏ không để cỏ mọc lẫm phí.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Ngay từ đầu mỗi năm học và trong suốt năm học, Hiệu trưởng vận động và khuyến khích toàn thể cán bộ, giáo viên, nhân viên, học sinh và cha mẹ học sinh cùng chung tay xây dựng mái trường ngày một xanh, sạch, đẹp.

Đầu năm học, Hiệu trưởng tích cực tham mưu các cấp lãnh đạo và vận động cha mẹ học sinh hỗ trợ kinh phí trong việc cải thiện và lên kế hoạch sửa chữa tình trạng sân chơi bãi tập. Tận dụng tối đa khuôn viên trường để thuận lợi cho việc học sinh luyện tập thể thao, sinh hoạt tập thể.

5. Tự đánh giá: Đạt mức 3

Tiêu chí 3.2: Phòng học

Mức 1:

a) Phòng học có đủ bàn ghế phù hợp với tầm vóc học sinh, có bàn ghế của giáo viên, có bảng viết, đủ điều kiện về ánh sáng, thoáng mát; đảm bảo học nhiều nhất là hai ca trong một ngày;

b) Có đủ phòng học bộ môn theo quy định;

c) Có phòng hoạt động Đoàn - Đội, thư viện và phòng truyền thống.

Mức 2:

a) Phòng học, phòng học bộ môn được xây dựng đạt tiêu chuẩn theo quy định, đảm bảo điều kiện thuận lợi cho học sinh khuyết tật học hòa nhập;

b) Khôi phục vụ học tập, đáp ứng yêu cầu các hoạt động của nhà trường và theo quy định.

Mức 3:

Các phòng học, phòng học bộ môn có đủ các thiết bị dạy học theo quy định. Có phòng để tổ chức các hoạt động giáo dục cho học sinh hoàn cảnh đặc biệt (nếu có).

1. Mô tả hiện trạng

Mức 1:

Trường có 04 khu phòng học ký hiệu: A, B, C, D bao gồm 51 phòng. Trường có 42 phòng học văn hóa với diện tích là 59m²/phòng, 02 phòng Lab, 02 phòng vi tính, 03 phòng Lí, Hóa, Sinh, 1 phòng Công nghệ, 01 phòng Nữ công. Các phòng học có 24 bàn và 48 ghế. Kích thước, vật liệu, kết cấu, kiểu dáng, màu sắc của bàn ghế học sinh đảm bảo theo quy định của Điều lệ trường trung học và quy định về vệ sinh trường học theo Thông tư liên tịch số 26/2011/TTLT-BGDĐT-BKHCN-BYT về hướng dẫn tiêu chuẩn bàn ghế học sinh trường tiểu học, trường trung học cơ sở, trường trung học phổ thông. Cụ thể: có 42 phòng, mỗi phòng đều trang bị loại bàn ghế với mặt bàn bằng gỗ,

chân sắt và mặt ghế bằng gỗ [H3-3.2-01]; [H3-3.2-02]. Mỗi phòng có 10 bóng đèn huỳnh quang 1,2m, 4 quạt trần và một quạt tường đảm bảo quy định của Điều lệ trường trung học và quy định về vệ sinh trường học của Bộ Y tế về khoảng cách từ bảng đến dãy bàn học sinh, về âm thanh, độ sáng trong phòng học. Các phòng học đều thoáng mát, học sinh ngồi mọi vị trí trong lớp cũng có thể quan sát rõ chữ viết trên bảng [H3-3.2-03]. Các phòng đảm bảo học nhiều nhất là hai ca trong một ngày.

Trường hiện có các phòng chức năng đạt tiêu chuẩn theo quy định. Có 02 phòng Tin học với diện tích là: 80m²/phòng. Phòng tin học được trang bị máy chủ, hệ thống máy tính kết nối Internet, máy lạnh. Có 02 phòng nghe nhìn với diện tích là 60m²/phòng. Có 04 phòng thực hành bộ môn Lí, Hóa, Sinh, Công nghệ với diện tích 112m²/phòng. Có 01 nhà thi đấu thể dục thể thao với diện tích 288m². Mỗi phòng chức năng đều đảm bảo số lượng trang thiết bị theo quy định tại danh mục dạy học tối thiểu do Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành [H3-3.2-04].

Trường có 01 văn phòng Đoàn với diện tích 56m², được trang bị máy vi tính kết nối Internet, máy in [H11-3.2-05]. Trường có 01 phòng thư viện diện tích 126m² với hơn 6500 đầu sách [H3-3.2-06]. Trường có 01 phòng truyền thống với diện tích 59m² [H3-3.2-07].

Mức 2:

Các phòng học, phòng bộ môn được xây dựng kiên cố từ năm 2013 và được trang bị đầy đủ các phương tiện dạy và học đạt chuẩn theo quy định, được trang bị đầy đủ [H3-3.2-01]; [H3-3.2-04]. Tuy nhiên một số máy chiếu ở các phòng học bị hư hỏng qua quá trình sử dụng, cần phải sửa chữa thay thế. Các phòng đều đảm bảo điều kiện thuận lợi cho học sinh khuyết tật hòa nhập.

Khởi phục vụ học tập gồm 01 nhà tập đa năng, 01 thư viện, 01 phòng truyền thống, 01 phòng đồ dùng thiết bị giảng dạy, 09 phòng học bộ môn đều đáp ứng yêu cầu các hoạt động của nhà trường và theo quy định.

Mức 3:

Nhà trường có 09 phòng bộ môn có đủ các thiết bị dạy học theo quy định [H3-3.5-02]. Nhà trường chưa có phòng để tổ chức hoạt động cho học sinh có hoàn cảnh đặc biệt.

2. Điểm mạnh

Hệ thống phòng học thoáng mát, đủ ánh sáng; đảm bảo khá đầy đủ bàn ghế, bảng đen, và các trang thiết bị phục vụ cho việc dạy học của giáo viên và học sinh. Các phòng học đều được trang bị máy chiếu; có 04 phòng được trang bị bảng thông minh, có 09 phòng trang bị máy lạnh, thuận lợi cho học sinh học tập, sinh hoạt và thực hiện công tác bán trú.

Nhà trường đã trang bị đầy đủ máy nghe nhìn, bảng tương tác và máy tính thuận lợi cho giáo viên giảng dạy có ứng dụng công nghệ thông tin.

3. Điểm yếu

Một số máy chiếu ở các phòng học đã bị hư hỏng qua quá trình sử dụng.

Có sóng wifi nhưng chưa được phủ sóng được toàn trường.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Ban lãnh đạo, trợ lý thanh niên, giáo viên chủ nhiệm thường xuyên tuyên truyền, giáo dục để nâng cao nhận thức của học sinh trong việc bảo vệ tài sản chung của nhà trường.

Nhà trường có kế hoạch thay thế sửa chữa phòng máy, các phòng chức năng và cơ sở vật chất nhà trường vào đầu mỗi năm học mới. Đồng thời lắp đặt wifi toàn trường.

Không ngừng cải tiến, tạo điều kiện cơ sở vật chất đầy đủ, nhằm đáp ứng nhu cầu đổi mới sáng tạo cho sự nghiệp giáo dục trong xu thế hội nhập.

5. Tự đánh giá: Đạt mức 2

Tiêu chí 3.3: Khối hành chính - quản trị

Mức 1:

a) Đáp ứng yêu cầu tối thiểu các hoạt động hành chính - quản trị của nhà trường;

b) Khu để xe được bố trí hợp lý, đảm bảo an toàn, trật tự;

c) Định kỳ sửa chữa, bổ sung các thiết bị khối hành chính - quản trị.

Mức 2:

Khối hành chính - quản trị theo quy định; khu bếp, nhà ăn, nhà nghỉ (nếu có) phải đảm bảo điều kiện sức khỏe, an toàn, vệ sinh cho giáo viên, nhân viên và học sinh.

Mức 3:

Khối hành chính - quản trị có đầy đủ các thiết bị được sắp xếp hợp lý, khoa học và hỗ trợ hiệu quả các hoạt động nhà trường.

1. Mô tả hiện trạng

Mức 1:

Khối phòng hành chính - quản trị có 16 phòng làm việc gồm: 01 phòng Hiệu trưởng với diện tích 54m²; 02 phòng Phó Hiệu trưởng với diện tích 27m²/phòng; 01 phòng Công đoàn với diện tích 27m²; 01 phòng Hội đồng với diện tích 120m²; 01 phòng Hành chính - Thu ngân với diện tích 40m²; 01 phòng giám thị với diện tích 27m²; 01 phòng Tiếp dân với diện tích 27m²; 01 phòng giáo vụ với diện tích 35m²; 01 phòng truyền thống với diện tích 40m²; 01 phòng y tế với trang thiết bị y tế tối thiểu (04 giường bệnh, trang thiết bị sơ cấp cứu, tủ thuốc với các loại thuốc thiết yếu); 01 phòng bảo vệ; 02 phòng nghỉ dành cho giáo viên; 01 phòng tư vấn tâm lý học đường; 01 phòng Đoàn thanh niên. Khối

phòng hành chính - quản trị làm việc hầu hết đảm bảo diện tích theo quy định, được trang bị đầy đủ bàn ghế và các thiết bị cần thiết [H3-3.3-01]. Các khối phòng nói trên được sử dụng đúng chức năng nhằm phát huy tối đa hiệu quả việc dạy và học [H3-3.3-02].

Trường đã có khu để xe dành riêng cho cán bộ, giáo viên và nhân viên với diện tích 77m². Có khu để xe dành riêng cho học sinh trong khuôn viên của trường với diện tích 396m². Khu để xe được bố trí hợp lý, ở vị trí thuận tiện quan sát, an toàn, trật tự, dễ dàng trông coi [H3-3.3-03].

Định kỳ, căn cứ vào đề xuất của các phòng ban và các lớp, trường có kế hoạch sửa chữa trang thiết bị, điện, nước, lớp học [H3-3.3-04]. Hằng năm, trường có kế hoạch sửa chữa, mua sắm trình Sở Giáo dục và Đào tạo phê duyệt. Khi được duyệt, trường tiến hành thực hiện trong dịp hè để kịp sử dụng cho năm học mới [H3-3.3-06]; [H3-3.3-07].

Mức 2:

Nhà trường có đầy đủ các phòng khối hành chính - quản trị theo quy định [H3-3.3-01].

Ngoài ra, nhà trường có khu căn tin phục vụ ăn uống luôn đảm bảo vệ sinh an toàn thực phẩm [H3-3.3-08]; [H3-3.3-09]; [H3-3.3-10]; [H3-3.3-11].

Mức 3:

Các phòng khối hành chính - quản trị có đầy đủ thiết bị nhưng vị trí các phòng ban chưa được sắp xếp hợp lý.

2. Điểm mạnh

Trường đáp ứng cơ bản các phòng trong khối hành chính - quản trị đạt chuẩn.

3. Điểm yếu

Vị trí của một số phòng trong khối hành chính - quản trị chưa được sắp xếp hợp lý.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Tiếp tục sửa chữa và trang bị thêm các phương tiện để các phòng ban trong khối hành chính - quản trị ngày càng hiện đại và đáp ứng các tiêu chí của trường học tiên tiến hội nhập quốc tế.

Trong năm học 2021-2022, Hiệu trưởng nhà trường sẽ sắp xếp lại vị trí các phòng trong khối hành chính - quản trị để phát huy tối đa chức năng của các phòng ban này.

5. Tự đánh giá: Đạt mức 2

Tiêu chí 3.4: Khu vệ sinh, hệ thống cấp thoát nước

Mức 1:

a) Khu vệ sinh riêng cho nam, nữ, giáo viên, nhân viên, học sinh đảm bảo không ô nhiễm môi trường; khu vệ sinh đảm bảo sử dụng thuận lợi cho học sinh khuyết tật học hòa nhập;

b) Có hệ thống thoát nước đảm bảo vệ sinh môi trường; hệ thống cấp nước sạch đảm bảo nước uống và nước sinh hoạt cho giáo viên, nhân viên và học sinh;

c) Thu gom rác và xử lý chất thải đảm bảo vệ sinh môi trường.

Mức 2:

a) Khu vệ sinh đảm bảo thuận tiện, được xây dựng phù hợp với cảnh quan và theo quy định;

b) Hệ thống cấp nước sạch, hệ thống thoát nước, thu gom và xử lý chất thải đáp ứng quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo và Bộ Y tế.

1. Mô tả hiện trạng

Mức 1:

Nhà trường chia khu vệ sinh ra theo từng tầng của dãy phòng học cho học sinh gồm 08 khu vệ sinh, mỗi khu 02 phòng vệ sinh (01 phòng cho học sinh nam, 01 phòng cho học sinh nữ) với diện tích 36m²/phòng. Có phòng vệ sinh ở tầng trệt thuận lợi cho học sinh khuyết tật, hòa nhập. Có 02 khu vệ sinh riêng cho giáo viên, nhân viên [H3-3.3-01]. Các khu vệ sinh đảm bảo an toàn, sạch sẽ, có đủ nước sạch, ánh sáng và không ô nhiễm môi trường, có nhân viên phục vụ làm vệ sinh hằng ngày [H3-3.4-01].

Hệ thống cấp thoát nước của trường được bố trí hợp lý nên khu vệ sinh luôn đảm bảo vấn đề cấp thoát nước, địa hình trường thuận lợi cho việc thoát nước và không có hiện tượng ngập úng [H3-3.4-02]. Nhà trường sử dụng nguồn nước sạch của công ty cấp thoát nước Thành phố Hồ Chí Minh. Nước uống phục vụ cho cán bộ, giáo viên, nhân viên và học sinh đảm bảo an toàn vệ sinh [H3-3.4-03].

Trường có hợp đồng với Hợp tác xã vệ sinh địa phương, thường xuyên thu gom rác và xử lý chất thải đúng nơi quy định, không gây ô nhiễm [H3-3.4-04]; [H3-3.4-05].

Mức 2:

Trường được xây dựng năm 2013 nên đã được áp dụng các quy chuẩn hiện hành. Các khu vệ sinh được bố trí hợp lý, sạch sẽ, đảm bảo an toàn, có đủ nước sạch, ánh sáng và không ô nhiễm môi trường, có nhân viên phục vụ làm vệ sinh hằng ngày [H3-3.4-01].

Hệ thống cấp nước sạch, hệ thống thoát nước, thu gom và xử lý chất thải đáp ứng quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo và Bộ Y tế [H3-3.4-02]; [H3-3.4-05].

2. Điểm mạnh

Trường có hệ thống cấp thoát nước hoạt động tốt.

3. Điểm yếu

Khu nhà vệ sinh dành cho học sinh còn nhiều hạn chế.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Xây dựng kế hoạch xin chủ trương Sở Giáo dục để sửa chữa khu vệ sinh dành cho học sinh.

5. Tự đánh giá: Đạt mức 2

Tiêu chí 3.5: Thiết bị

Mức 1:

a) Có đủ thiết bị văn phòng và các thiết bị khác phục vụ các hoạt động của nhà trường;

b) Có đủ thiết bị dạy học đáp ứng yêu cầu tối thiểu theo quy định;

c) Hằng năm các thiết bị được kiểm kê, sửa chữa.

Mức 2:

a) Hệ thống máy tính được kết nối Internet phục vụ công tác quản lý, hoạt động dạy học;

b) Có đủ thiết bị dạy học theo quy định;

c) Hằng năm, được bổ sung các thiết bị dạy học và thiết bị dạy học tự làm.

Mức 3:

Phòng thí nghiệm hoặc khu vực thực hành (nếu có) đủ thiết bị đảm bảo hoạt động thường xuyên và hiệu quả; thiết bị dạy học, thiết bị dạy học tự làm được khai thác, sử dụng hiệu quả đáp ứng yêu cầu đổi mới nội dung phương pháp dạy học và nâng cao chất lượng giáo dục của nhà trường.

1. Mô tả hiện trạng

Mức 1:

Khối hành chính - quản trị được trang bị đầy đủ máy tính kết nối Internet và máy in cho từng phòng. Nhà trường có 01 máy photocopy dành cho việc phô đề thi, 01 máy scan để chấm bài trắc nghiệm và hiện đang thuê 01 máy photocopy cho công tác văn thư. Nhà trường có gắn 35 camera ở các hành lang, phòng học và xung quanh khuôn viên nhà trường. Ngoài ra còn có các thiết bị khác đảm bảo hoạt động của nhà trường [H3-3.3-02]; [H3-3.5-01].

Nhà trường có 02 phòng thực hành vi tính, 04 phòng thực hành Lý, Hóa, Sinh, Công nghệ. Mỗi phòng thực hành được trang bị đầy đủ thiết bị dạy học tối thiểu theo quy định; đồ dùng dạy học, kho chứa hóa chất được bảo quản theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo tại Thông tư số 38/2011/TT-BGDĐT và Công văn số 10362/ BGDDĐT-GDQP [H3-3.5-01]; [H3-3.5-02]. Nhà trường có

kế hoạch để bảo quản thiết bị giáo dục, đồ dùng dạy học theo từng khối lớp để nâng cao hiệu quả bảo quản và giá trị sử dụng thiết bị đồ dùng dạy học. Nhà trường đã bố trí kho, kệ, tủ, giá treo thiết bị đồ dùng, lập các sổ theo dõi sử dụng thiết bị, có nội quy phòng thí nghiệm thực hành để nhân viên phụ trách thiết bị kiểm tra, bảo quản.

Giáo viên giảng dạy và nhân viên phụ trách phòng thiết bị thường xuyên kiểm tra các thiết bị dạy học, kịp thời phát hiện và báo cáo các thiết bị hư hỏng về nhà trường để được sửa chữa. Vào cuối tháng 12 hằng năm, nhà trường tiến hành kiểm kê toàn bộ tài sản trang thiết bị dạy học để thống kê sửa chữa [H3-3.5-03].

Mức 2:

Nhà trường đặc biệt quan tâm tới việc ứng dụng công nghệ thông tin trong công tác quản lý và giảng dạy. Khối phòng phục vụ học tập và hành chính - quản trị (như các phòng làm việc của Ban lãnh đạo, phòng giáo vụ, hành chính, thư viện, y tế, phòng thực hành Tin học, ...) đều có máy tính được kết nối Internet phục vụ công tác quản lý và các hoạt động dạy học [H3-3.5-04].

Nhà trường có đủ thiết bị giáo dục và đồ dùng dạy học tối thiểu so với quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo. Hằng năm đều được bổ sung thêm để cung cấp đầy đủ đồ dùng dạy học cho giáo viên. Việc mua sắm theo danh mục thiết bị, đồ dùng dạy học đã góp phần nâng cao chất lượng dạy học và phục vụ tốt cho hoạt động thí nghiệm Lý - Hóa - Sinh [H3-3.5-02].

Đầu năm học, nhà trường căn cứ vào nhu cầu, đề xuất của các giáo viên để lên kế hoạch mua sắm thiết bị, đồ dùng dạy học mới phục vụ việc giảng dạy của giáo viên [H3-3.5-05]. Đồng thời tổ chức thi thiết kế đồ dùng dạy học tự làm [H3-3.5-06].

Mức 3:

Các phòng thí nghiệm môn Lý, Hóa, Sinh, Công nghệ và phòng thực hành Tin học đủ thiết bị đảm bảo hoạt động thường xuyên [H3-3.5-07]. Tuy nhiên, kính hiển vi trong phòng thực hành Sinh học chưa đảm bảo chất lượng để học sinh thực hành. Các máy vi tính phòng thực hành Tin học dùng đã lâu năm nên bị hư hỏng khá nhiều. Phong trào làm đồ dùng dạy học chưa phát triển mạnh.

2. Điểm mạnh

Nhà trường có đủ thiết bị giáo dục và đồ dùng dạy học tối thiểu so với quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo. Hằng năm đều được bổ sung thêm để cung cấp đầy đủ đồ dùng dạy học cho giáo viên. Việc mua sắm theo danh mục thiết bị, đồ dùng dạy học đã góp phần nâng cao chất lượng dạy học và phục vụ tốt cho hoạt động thí nghiệm Lý - Hóa - Sinh.

3. Điểm yếu

Máy tính của phòng thực hành Tin học đã hư hỏng nhiều nhưng chưa được thay thế.

Kính hiển vi trong phòng thực hành Sinh học chưa đảm bảo chất lượng.

Một số giáo viên ít sử dụng hoặc sử dụng đồ dùng dạy học chưa hiệu quả. Phong trào làm đồ dùng dạy học chưa phát triển mạnh.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Cuối mỗi năm học, các tổ chuyên môn rà soát trang thiết bị của năm học, đề xuất mua sắm thiết bị phù hợp, hỗ trợ tốt cho hoạt động dạy học. Đồng thời, Hiệu trưởng có dự thảo kế hoạch chi ngân sách hằng năm để mua sắm bổ sung trang thiết bị, đồ dùng dạy học mới đáp ứng ngày càng tốt hơn các hoạt động giáo dục trong nhà trường.

Hiệu trưởng có kế hoạch để trang bị máy tính thêm cho phòng Tin học và các kính hiển vi cho phòng thực hành Sinh học.

Phó Hiệu trưởng chuyên môn phát động phong trào làm đồ dùng dạy học. Tăng cường công tác tập huấn để giáo viên sử dụng hiệu quả đồ dùng dạy học.

5. Tự đánh giá: Đạt mức 2

Tiêu chí 3.6: Thư viện

Mức 1:

a) Được trang bị sách, báo, tạp chí, bản đồ, tranh ảnh giáo dục, băng đĩa giáo khoa và các xuất bản phẩm tham khảo tối thiểu phục vụ hoạt động nghiên cứu, hoạt động dạy học, các hoạt động khác của nhà trường;

b) Hoạt động của thư viện đáp ứng yêu cầu tối thiểu về nghiên cứu, hoạt động dạy học, các hoạt động khác của cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên, học sinh;

c) Hằng năm thư viện được kiểm kê, bổ sung sách, báo, tạp chí, bản đồ, tranh ảnh giáo dục, băng đĩa giáo khoa và các xuất bản phẩm tham khảo.

Mức 2:

Thư viện của nhà trường đạt Thư viện trường học đạt chuẩn trở lên.

Mức 3:

Thư viện của nhà trường đạt Thư viện trường học tiên tiến trở lên; hệ thống máy tính của thư viện được kết nối Internet đáp ứng nhu cầu nghiên cứu, hoạt động dạy học, các hoạt động khác của cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên và học sinh.

1. Mô tả hiện trạng

Mức 1:

Thư viện có hơn 6500 đầu sách với đầy đủ sách giáo khoa, sách tham khảo, sách nghiệp vụ, các loại báo, tạp chí và tập san giáo dục phục vụ hoạt động nghiên cứu, hoạt động dạy học, các hoạt động khác của nhà trường. Tất cả các loại ấn phẩm trong thư viện được mô tả phân loại, tổ chức mục lục, sắp xếp theo đúng nghiệp vụ thư viện [H3-3.6-01].

Nhà trường có 01 cán bộ thư viện. Công tác thư viện luôn phục vụ kịp thời, đáp ứng yêu cầu của cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên và học sinh. Thư viện có nội quy, bảng hướng dẫn giáo viên, học sinh sử dụng tài liệu và đầy đủ sổ sách, hồ sơ theo quy định: Sổ đăng ký tổng quát; Sổ đăng ký cá biệt; Sổ đăng ký sách giáo khoa; Sổ nhập sách, báo; Sổ theo dõi việc mượn trả sách của giáo viên, học sinh[H3-3.6-02]; [H3-3.6-03].

Hằng năm, thư viện được kiểm kê, bổ sung sách, báo, tạp chí, tài liệu tham khảo, các văn bản quy phạm pháp luật, xây dựng các tủ sách đạo đức, tủ sách pháp luật phục vụ nhu cầu nghiên cứu học tập của cán bộ, giáo viên, nhân viên và học sinh [H3-3.6-04]; [H3-3.6-05]. Đầu mỗi năm học nhân viên thư viện lập kế hoạch bổ sung dựa trên biến động số lượng học sinh, thay đổi sách theo chương trình mới và đề xuất của các tổ chuyên môn nhằm phục vụ tốt các hoạt động giáo dục của nhà trường [H3-3.6-06].

Mức 2:

Thư viện đạt chuẩn thư viện trường phổ thông theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo, có diện tích là 120m² gồm có: phòng đọc cho học sinh và giáo viên, kho sách khoảng 50m². Thư viện được bố trí 2 kệ sách tham khảo, 01 kệ sách giáo viên, 01 kệ sách giáo khoa, 01 kệ để báo và tạp chí. Phòng đọc có 04 dãy bàn cho bạn đọc (tổng cộng 40 chỗ ngồi), có bảng nội quy, bảng giới thiệu sách mới, có 01 tủ trưng bày sách pháp luật và sách về Hồ Chí Minh [H3-3.6-07].

Mức 3:

Thư viện của nhà trường đạt Thư viện trường học tiên tiến năm học 2016-2017, 2017-2018, 2018-2019, 2019-2020. Tuy nhiên, thư viện chỉ có 01 máy tính kết nối Internet chưa đáp ứng được nhu cầu nghiên cứu của giáo viên, nhân viên và học sinh.

2. Điểm mạnh

Thư viện có đầy đủ các loại sách, báo, tạp chí, bản đồ, tranh ảnh giáo dục, băng đĩa giáo khoa và các xuất bản phẩm tham khảo đáp ứng nhu cầu nghiên cứu, giảng dạy và các hoạt động khác của trường.

Nhiều năm liền thư viện được xếp loại tiên tiến.

3. Điểm yếu

Việc đầu tư cho thư viện di động, thư viện điện tử còn hạn chế, chưa có hệ thống máy tính kết nối Internet.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Hằng năm, Hiệu trưởng chỉ đạo tiếp tục đầu tư kinh phí để bổ sung thêm các đầu sách đáp ứng nhu cầu nghiên cứu, dạy học của cán bộ, giáo viên, nhân viên và học sinh. Phó Hiệu trưởng chỉ đạo Thư viện phối hợp cùng một số tổ chuyên môn lên kế hoạch và thực hiện các hoạt động kể chuyện theo sách, thi vui đọc sách, tổ chức tiết học thân thiện.

Năm học 2021-2022, Hiệu trưởng phối hợp với các tổ chức, cá nhân, vận động Ban đại diện cha mẹ học sinh hỗ trợ đóng góp kinh phí trang bị thêm máy vi tính, kết nối Internet trong thư viện để phục vụ cho nhu cầu nghiên cứu, hoạt động dạy và học của giáo viên, học sinh.

5. Tự đánh giá: Đạt mức 2

Kết luận về Tiêu chuẩn 3:

Nhà trường có cơ sở vật chất đầy đủ, các phòng chức năng đầy đủ, thư viện đạt chuẩn, ứng dụng tốt công nghệ thông tin trong giảng dạy và quản lý.

Khuôn viên trường rộng rãi, thông thoáng, khu vực sân chơi, bãi tập thoáng mát đảm bảo yêu cầu xanh sạch đẹp.

Cách bố trí một số phòng trong khối hành chính - quản trị còn chưa hợp lý.

- Số lượng và tỉ lệ phần trăm (%) các tiêu chí đạt và không đạt Mức 1, Mức 2 và Mức 3:

- + Không đạt: 0/6 tiêu chí chiếm 0 %
- + Đạt Mức 1: 6/6 tiêu chí chiếm 100 %
- + Đạt Mức 2: 6/6 tiêu chí chiếm 100 %
- + Đạt Mức 3: 1/5 tiêu chí chiếm 20 %

Tiêu chuẩn 4: Quan hệ giữa nhà trường, gia đình và xã hội

Mở đầu:

Giáo dục là một hoạt động mang tính xã hội cao. Do đó muốn thực hiện được sự giáo dục toàn diện học sinh, chúng ta phải coi trọng cả việc giáo dục trong nhà trường và sự giáo dục ở gia đình, xã hội. Bác Hồ đã từng nói: “Giáo dục trong nhà trường chỉ là một phần, còn cần có sự giáo dục ngoài xã hội và trong gia đình, để giúp cho việc giáo dục trong nhà trường được tốt hơn. Giáo dục trong nhà trường dù tốt đến mấy, nhưng thiếu giáo dục trong gia đình và ngoài xã hội thì kết quả cũng không hoàn toàn”.

Vì vậy, trong nhiều năm qua nhà trường đã phối hợp tốt với Ban đại diện cha mẹ học sinh, đồng thời tích cực tham mưu với địa phương trong việc thực hiện nhiệm vụ năm học đã đem lại hiệu quả cao.

Tiêu chí 4.1: Ban đại diện cha mẹ học sinh

Mức 1:

- a) Được thành lập và hoạt động theo quy định tại Điều lệ Ban đại diện cha mẹ học sinh;
- b) Có kế hoạch hoạt động theo năm học;
- c) Tổ chức thực hiện kế hoạch hoạt động đúng tiến độ.

Mức 2:

Phối hợp có hiệu quả với nhà trường trong việc tổ chức thực hiện nhiệm vụ năm học và các hoạt động giáo dục; hướng dẫn, tuyên truyền, phổ biến pháp luật, chủ trương chính sách về giáo dục đối với cha mẹ học sinh; huy động học sinh đến trường, vận động học sinh đã bỏ học trở lại lớp.

Mức 3:

Phối hợp có hiệu quả với nhà trường, xã hội trong việc thực hiện các nhiệm vụ theo quy định của Điều lệ Ban đại diện cha mẹ học sinh.

1. Mô tả hiện trạng

Mức 1:

Cơ cấu tổ chức và quy trình hoạt động của Ban đại diện cha mẹ học sinh của trường thực hiện theo hướng dẫn tại Thông tư số 55/2011/TT-BGDĐT ngày 22 tháng 11 năm 2011 về Ban hành điều lệ Ban đại diện cha mẹ học sinh [H4-4.1-01]. Tuy nhiên, năng lực điều hành của Ban đại diện cha mẹ học sinh ở một số lớp chưa đồng đều.

Hằng năm, Ban đại diện cha mẹ học sinh tổ chức Đại hội cha mẹ học sinh để xây dựng kế hoạch hoạt động cho năm học [H4-4.1-02].

Ban đại diện cha mẹ xây dựng kế hoạch hoạt động theo từng giai đoạn, thực hiện hội họp thường xuyên và định kỳ để kịp thời rà soát, điều chỉnh các hoạt động theo đúng tiến độ [H4-4.1-03]; [H4-4.1-04].

Mức 2:

Ban đại diện cha mẹ học sinh thường xuyên phối hợp với nhà trường trong công tác giáo dục chính trị tư tưởng cho học sinh và các hoạt động giáo dục khác trong nhà trường [H4-4.1-03]. Ban đại diện cha mẹ học sinh huy động kinh phí và các nguồn tài trợ hợp pháp để hỗ trợ học sinh có hoàn cảnh khó khăn, động viên khuyến khích các học sinh có thành tích cao trong học tập và tạo điều kiện cho học sinh tham gia nhiều hoạt động trong và ngoài nhà trường [H4-4.1-04].

Mức 3:

Ban đại diện cha mẹ học sinh phối hợp có hiệu quả với nhà trường, xã hội trong việc thực hiện các nhiệm vụ theo quy định của Điều lệ Ban đại diện cha mẹ học sinh, luôn quan tâm đến chất lượng giáo dục và tích cực phối hợp, hỗ trợ nhà trường trong mọi hoạt động [H4-4.1-04].

2. Điểm mạnh

Ban đại diện cha mẹ học sinh nhiệt tình, trách nhiệm trong công tác xã hội hóa giáo dục trong nhà trường. Phối hợp với nhà trường và xã hội thực hiện các nhiệm vụ theo quy định của Điều lệ Ban đại diện cha mẹ học sinh.

3. Điểm yếu

Năng lực điều hành của Ban đại diện cha mẹ học sinh ở một số lớp chưa đồng đều.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Nhà trường tiếp tục tạo điều kiện cho Ban đại diện cha mẹ học sinh thực hiện đầy đủ các nhiệm vụ, quyền, trách nhiệm theo Điều lệ Ban đại diện cha mẹ học sinh.

Trong năm học 2021-2022 và các năm học tiếp theo, nhà trường sẽ định hướng cho việc bầu chọn những phụ huynh có năng lực, nhiệt tình và có điều kiện về thời gian vào Ban đại diện cha mẹ học sinh để phát huy vai trò hỗ trợ giáo viên chủ nhiệm và nhà trường trong các hoạt động giáo dục học sinh.

5. Tự đánh giá: Đạt mức 3

Tiêu chí 4.2: Công tác tham mưu cấp ủy Đảng, chính quyền và phối hợp với các tổ chức, cá nhân của nhà trường

Mức 1:

a) Tham mưu cấp ủy Đảng, chính quyền để thực hiện kế hoạch giáo dục của nhà trường;

b) Tuyên truyền nâng cao nhận thức và trách nhiệm của cộng đồng về chủ trương, chính sách của Đảng, Nhà nước, ngành Giáo dục; về mục tiêu, nội dung và kế hoạch giáo dục của nhà trường;

c) Huy động và sử dụng các nguồn lực hợp pháp của các tổ chức, cá nhân đúng quy định.

Mức 2:

a) Tham mưu cấp ủy Đảng, chính quyền để tạo điều kiện cho nhà trường thực hiện phương hướng, chiến lược xây dựng và phát triển;

b) Phối hợp với các tổ chức, đoàn thể, cá nhân để giáo dục truyền thống lịch sử, văn hóa, đạo đức lối sống, pháp luật, nghệ thuật, thể dục thể thao và các nội dung giáo dục khác cho học sinh; chăm sóc di tích lịch sử, cách mạng, công trình văn hóa; chăm sóc gia đình thương binh, liệt sĩ, gia đình có công với cách mạng, Bà mẹ Việt Nam anh hùng ở địa phương.

Mức 3:

Tham mưu cấp ủy Đảng, chính quyền và phối hợp có hiệu quả với các tổ chức, cá nhân xây dựng nhà trường trở thành trung tâm văn hóa, giáo dục của địa phương.

1. Mô tả hiện trạng

Mức 1:

Nhà trường đã chủ động tham mưu cho cấp ủy Đảng, chính quyền kế hoạch và các biện pháp cụ thể để phát triển nhà trường [H1-1.3-08].

Nhà trường tổ chức tuyên truyền nâng cao nhận thức và trách nhiệm của cộng đồng về chủ trương, chính sách của Đảng, Nhà nước, ngành Giáo dục, về mục tiêu, nội dung và kế hoạch giáo dục của nhà trường bằng nhiều hình thức

khác nhau (qua các buổi học tập chính trị hè, học tập nghị quyết Trung Ương Đảng, Đảng Bộ thành phố, ...) [H4-4.2-01].

Nhà trường đã huy động và sử dụng hiệu quả các nguồn lực tự nguyện và hợp pháp từ các tổ chức, cá nhân để phục vụ cho hoạt động của học sinh [H4-4.2-02]. Tu sửa thiết bị phục vụ dạy học như máy vi tính, máy chiếu, hệ thống đèn chiếu sáng cho học sinh; khen thưởng học sinh học giỏi, học sinh có thành tích xuất sắc; hỗ trợ các học sinh có hoàn cảnh khó khăn [H2-2.4-04]; [H2-2.4-05]. Tuy nhiên số lượng học sinh khó khăn rất nhiều mà nguồn lực huy động còn hạn chế.

Mức 2:

Nhà trường chủ động tham mưu với cấp ủy Đảng, chính quyền để tạo điều kiện cho nhà trường thực hiện phương hướng, chiến lược xây dựng và phát triển [H1-1.3-08].

Nhà trường phối hợp với các tổ chức, đoàn thể, cá nhân để giáo dục truyền thống lịch sử, văn hóa, đạo đức lối sống, pháp luật, nghệ thuật, thể dục thể thao và các nội dung giáo dục khác cho học sinh; chăm sóc di tích lịch sử, cách mạng, công trình văn hóa; chăm sóc gia đình thương binh, liệt sĩ, gia đình có công với cách mạng ở địa phương như tổ chức cho học sinh tìm hiểu về các anh hùng Lực lượng vũ trang, các di tích lịch sử địa phương, thăm hỏi gia đình các anh hùng Lực lượng vũ trang, ... [H2-2.2-03]; [H4-4.2-03].

Mức 3:

Nhà trường luôn cố gắng tham mưu các cấp ủy Đảng, chính quyền, tích cực phối hợp với các tổ chức, cá nhân xây dựng nhà trường. Tuy nhiên vị trí nhà trường xa trung tâm, hoàn cảnh gia đình học sinh khó khăn, ở xa trường còn nhiều, tỷ lệ đầu vào học sinh còn thấp, tỷ lệ học sinh nghỉ học còn cao nên vẫn chưa thể xây dựng nhà trường trở thành trung tâm văn hóa giáo dục của Thành phố Thủ Đức.

2. Điểm mạnh

Công tác tham mưu, đối ngoại của lãnh đạo nhà trường đã thu được những kết quả nhất định. Sự hỗ trợ của các tổ chức chính trị - xã hội đã giúp nhà trường tổ chức thành công các hoạt động giáo dục.

3. Điểm yếu

Các nguồn lực huy động của nhà trường hạn chế mà số lượng học sinh khó khăn rất nhiều.

Nhà trường chưa trở thành trung tâm văn hóa giáo dục của Thành phố Thủ Đức.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Hàng năm, nhà trường có kế hoạch và biện pháp để tăng cường tham mưu với chính quyền và các Cấp ủy Đảng nhằm phát triển nhà trường.

Trong năm học 2021-2022 và các năm tiếp theo, nhà trường phối hợp tốt hơn nữa với các tổ chức chính trị - xã hội, cá nhân để vận động nguồn lực tiếp tục xây dựng nhà trường từng bước trở thành trung tâm văn hóa giáo dục của Thành phố Thủ Đức.

5. Tự đánh giá: Đạt mức 2

Kết luận về Tiêu chuẩn 4:

Công tác phối hợp giữa nhà trường với các tổ chức chính trị - xã hội đã được duy trì thường xuyên để thực hiện có hiệu quả công tác giáo dục truyền thống lịch sử, văn hóa dân tộc.

Làm tốt công tác tham gia chăm sóc các di tích lịch sử, cách mạng, các công trình văn hóa; truyền thông tương thân tương ái trong cán bộ, giáo viên, nhân viên và học sinh sẽ phát huy hiệu quả việc giáo dục học sinh về tình yêu quê hương đất nước và ý thức trách nhiệm với cộng đồng.

Phần lớn gia đình học sinh còn gặp nhiều khó khăn nên hoạt động của Ban đại diện cha mẹ học sinh còn có những hạn chế nhất định.

- Số lượng và tỉ lệ phần trăm (%) các tiêu chí đạt và không đạt Mức 1, Mức 2 và Mức 3:

- + Không đạt: 0/2 tiêu chí chiếm 0 %
- + Đạt Mức 1: 2/2 tiêu chí chiếm 100 %
- + Đạt Mức 2: 2/2 tiêu chí chiếm 100 %
- + Đạt Mức 3: 1/2 tiêu chí chiếm 50 %

Tiêu chuẩn 5: Hoạt động giáo dục và kết quả giáo dục

Mở đầu:

Trường Trung học phổ thông Nguyễn Văn Tăng thực hiện kế hoạch năm học, kế hoạch giáo dục theo đúng quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo và sự chỉ đạo của Sở Giáo dục và Đào tạo Thành phố Hồ Chí Minh.

Học sinh trường Nguyễn Văn Tăng có điểm đầu vào thấp nhất so với các trường còn lại trong Thành phố Thủ Đức (19,5 điểm năm học 2017-2018; 19,25 điểm năm học 2018-2019; 16,75 điểm năm học 2019 - 2020; 18,75 điểm năm học 2020-2021; 16,8 điểm năm học 2021-2022). Hầu hết các em thuộc gia đình nghèo của thành phố và có học lực trung bình yếu nên việc đảm bảo chương trình giảng dạy và tổ chức các hoạt động sẽ gặp nhiều khó khăn do đó cần có sự linh hoạt, kiên trì, bền bỉ trong công tác giáo dục.

Nhà trường đã quan tâm tới công tác bồi dưỡng học sinh giỏi, phụ đạo học sinh yếu, kém. Thực hiện nghiêm túc chương trình giáo dục địa phương, giáo dục truyền thống. Thực hiện tốt chủ đề năm học, các cuộc vận động, các phong trào thi đua, quan tâm đúng mức đến giáo dục kỹ năng sống cho học sinh thông qua chương trình ngoại khóa và chính khóa.

Hàng tuần, hàng tháng Ban lãnh đạo nhà trường đều rà soát, đánh giá việc thực hiện kế hoạch của nhà trường để có biện pháp nhằm không ngừng cải tiến các hoạt động giáo dục. Bên cạnh đó, trường được sự quan tâm của các cấp lãnh đạo Đảng, chính quyền, ngành. Đặc biệt là sự nỗ lực của đội ngũ thầy cô giáo giàu sức trẻ, yêu nghề, nhiệt huyết định hướng, đồng hành cùng các em học sinh đã từng bước nâng dần chất lượng giáo dục toàn diện của nhà trường qua từng năm học. Kết quả thi tốt nghiệp trung học phổ thông, tỷ lệ học sinh đậu vào các trường Đại học, Cao đẳng ngày càng cao; từng bước khẳng định vị trí của trường trong hệ thống giáo dục của thành phố.

Tiêu chí 5.1: Thực hiện Chương trình giáo dục phổ thông

Mức 1:

a) Tổ chức dạy học đúng, đủ các môn học và các hoạt động giáo dục theo quy định, đảm bảo mục tiêu giáo dục;

b) Vận dụng các phương pháp, kỹ thuật dạy học, tổ chức hoạt động dạy học đảm bảo mục tiêu, nội dung giáo dục, phù hợp đối tượng học sinh và điều kiện nhà trường; bồi dưỡng phương pháp tự học, nâng cao khả năng làm việc theo nhóm và rèn luyện kỹ năng vận dụng kiến thức vào thực tiễn;

c) Các hình thức kiểm tra, đánh giá học sinh đa dạng đảm bảo khách quan và hiệu quả.

Mức 2:

a) Thực hiện đúng chương trình, kế hoạch giáo dục; lựa chọn nội dung, thời lượng, phương pháp, hình thức dạy học phù hợp với từng đối tượng và đáp ứng yêu cầu, khả năng nhận thức của học sinh;

b) Phát hiện và bồi dưỡng học sinh có năng khiếu, phụ đạo học sinh gặp khó khăn trong học tập, rèn luyện.

Mức 3:

Hàng năm, rà soát, phân tích, đánh giá hiệu quả và tác động của các biện pháp, giải pháp tổ chức các hoạt động giáo dục nhằm nâng cao chất lượng dạy học của giáo viên, học sinh.

1. Mô tả hiện trạng

Mức 1:

Hàng năm, căn cứ vào khung kế hoạch thời gian năm học của Ủy Ban Nhân dân Thành phố phê duyệt, nhà trường thực hiện nghiêm túc, đầy đủ kế hoạch và nhiệm vụ năm học theo quy định, trong đó chủ động tổ chức dạy học đúng, đủ các môn học và các hoạt động giáo dục theo quy định, đảm bảo mục tiêu giáo dục cho phù hợp với tình hình thực tế của nhà trường. Ban lãnh đạo nhà trường, các tổ chuyên môn đã xây dựng kế hoạch cụ thể theo thời gian năm học, học kì [H1-1.8-01]; [H1-1.4-04].

Giáo viên xây dựng nội dung chương trình giáo dục theo định hướng phát triển năng lực phẩm chất học sinh, vận dụng các phương pháp, kỹ thuật dạy học tích cực vào các tiết dạy, tổ chức hoạt động dạy học đảm bảo mục tiêu, nội dung giáo dục, phù hợp đối tượng học sinh và điều kiện nhà trường,... thể thể hiện qua các buổi sinh hoạt chuyên môn [H1-1.4-05].

Nhà trường xây dựng các kế hoạch về đổi mới hình thức, nội dung kiểm tra, đánh giá học sinh đảm bảo khách quan và hiệu quả, từ đó các tổ chuyên môn triển khai đến giáo viên để xây dựng nội dung đánh giá học sinh phù hợp [H5-5.1-01]; [H5-5.1-02]. Nhà trường cũng thực hiện thống kê kết quả thi, kiểm tra của học sinh để đánh giá công tác giảng dạy cũng như đề ra những biện pháp khắc phục hạn chế [H5-5.1-03].

Mức 2:

Thực hiện đúng chương trình, kế hoạch giáo dục; lựa chọn nội dung, thời lượng, phương pháp, hình thức dạy học phù hợp với từng đối tượng và đáp ứng yêu cầu, khả năng nhận thức của học sinh. Phó Hiệu trưởng phụ trách chuyên môn, tổ trưởng thường xuyên kiểm tra, rà soát, đánh giá việc thực hiện kế hoạch và việc thực hiện nội dung chương trình giảng dạy của giáo viên định kì, đột xuất. Để thực hiện tốt công việc này Phó Hiệu trưởng phải xây dựng các kế hoạch như kiểm tra nội bộ, thanh tra hoạt động sư phạm giáo viên, kiểm tra hồ sơ sổ sách [H5-5.1-04]; [H5-5.1-05]; [H5-5.1-06].

Nhà trường đặc biệt chú trọng việc phát hiện và bồi dưỡng học sinh có năng khiếu tham gia các kì thi và đạt được nhiều thành tích cao [H5-5.1-07]. Vì đầu vào học sinh còn thấp nên nhà trường luôn chú trọng xây dựng kế hoạch phụ đạo học sinh gặp khó khăn trong học tập và rèn luyện ngay từ đầu năm học [H5-5.1-08].

Mức 3:

Nhà trường hằng năm luôn tổ chức rà soát, phân tích, đánh giá hiệu quả và tác động của các biện pháp, giải pháp tổ chức các hoạt động giáo dục nhằm nâng cao chất lượng dạy học của giáo viên, học sinh được thể hiện rõ nét qua các bảng thống kê điểm số, thành tích của học sinh. Thông qua các cuộc họp đánh giá hai mặt học lực và hạnh kiểm của học sinh để đánh giá đúng năng lực của học sinh và chất lượng giáo dục [H5-5.1-09]; [H5-5.1-10].

2. Điểm mạnh

Hoạt động dạy học trong nhà trường được tổ chức nghiêm túc tuân thủ đúng chương trình, kế hoạch của Bộ, của Sở.

Nhà trường có đội ngũ giáo viên trẻ nắm bắt kịp thời công nghệ thông tin và áp dụng các phương pháp dạy học tích cực theo hướng đổi mới.

3. Điểm yếu

Đầu vào học sinh còn thấp gây khó khăn trong việc thực hiện chương trình giáo dục.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Phó Hiệu trưởng, tổ trưởng chuyên môn tăng cường kiểm tra, dự giờ giáo viên (theo kế hoạch hoặc đột xuất). Từ đó nắm được tình hình dạy học của giáo viên - học sinh để nhận xét, góp ý đặc biệt khuyến khích sự đổi mới sáng tạo phù hợp, tích cực nâng cao chất lượng giáo dục.

Trong năm học 2021-2022 và các năm tiếp theo, mỗi giáo viên xây dựng kế hoạch giảng dạy cá nhân phù hợp với từng đối tượng học sinh để nâng cao hiệu quả giáo dục.

5. Tự đánh giá: Đạt mức 3

Tiêu chí 5.2: Tổ chức hoạt động giáo dục cho học sinh có hoàn cảnh khó khăn, học sinh có năng khiếu, học sinh gặp khó khăn trong học tập và rèn luyện

Mức 1:

a) Có kế hoạch giáo dục cho học sinh có hoàn cảnh khó khăn, học sinh có năng khiếu, học sinh gặp khó khăn trong học tập và rèn luyện;

b) Tổ chức thực hiện kế hoạch hoạt động giáo dục cho học sinh có hoàn cảnh khó khăn, học sinh có năng khiếu, học sinh gặp khó khăn trong học tập và rèn luyện;

c) Hằng năm rà soát, đánh giá các hoạt động giáo dục học sinh có hoàn cảnh khó khăn, học sinh có năng khiếu, học sinh gặp khó khăn trong học tập và rèn luyện.

Mức 2:

Học sinh có hoàn cảnh khó khăn, học sinh có năng khiếu, học sinh gặp khó khăn trong học tập và rèn luyện đáp ứng được mục tiêu giáo dục theo kế hoạch giáo dục.

Mức 3:

Nhà trường có học sinh năng khiếu về các môn học, thể thao, nghệ thuật được cấp có thẩm quyền ghi nhận.

1. Mô tả hiện trạng

Mức 1:

Hằng năm nhà trường xây dựng các kế hoạch giáo dục phù hợp với từng đối tượng học sinh [H1-1.8-01]. Đặc biệt chú trọng đến các em học sinh học sinh có năng khiếu ở các bộ môn văn hóa, thể thao [H5-5.1-07]. Nhà trường tạo các sân chơi để bộc lộ khả năng của mình như: Hội khỏe Phù Đổng cấp trường, Hội thi nghiên cứu khoa học kỹ thuật cấp trường, thi học sinh giỏi cấp trường, ... [H5-5.2-01]; [H5-5.2-02]; [H5-5.2-03]. Bên cạnh đó, nhà trường cũng chú trọng kế hoạch phụ đạo học sinh gặp khó khăn trong học tập và rèn luyện [H5-5.1-08]; [H5-5.2-04].

Nhà trường chú trọng tổ chức thực hiện các hoạt động giáo dục phù hợp với từng đối tượng học sinh. Học sinh có năng khiếu môn thể thao được giáo viên môn thể dục bồi dưỡng, học sinh giỏi văn hóa được bố trí bồi dưỡng theo sự phân công của nhà trường, đồng thời kêu gọi động viên hỗ trợ từ các nguồn khác nhau để động viên các em như khen thưởng của Hội Khuyến học, Ban đại diện cha mẹ học sinh và các tổ chức xã hội khác. Qua đó tạo động lực và góp phần không nhỏ vào kết quả và mục tiêu giáo dục đề ra. Ngoài ra cũng chú trọng đến các em có hoàn cảnh khó khăn và các em còn gặp khó khăn trong học tập để hỗ trợ các em thông qua công tác phụ đạo và hỗ trợ miễn giảm học phí [H5-5.1-08]; [H5-5.2-04].

Hằng năm, nhà trường rà soát đánh giá các hoạt động giáo dục học sinh có hoàn cảnh khó khăn, học sinh có năng khiếu, học sinh gặp khó khăn trong học tập và rèn luyện thông qua các kỳ thi và sử dụng kết quả đánh giá để đổi chiều và ghi nhận [H5-5.1-10]; [H5-5.2-05].

Mức 2:

Học sinh có hoàn cảnh khó khăn, học sinh có năng khiếu, học sinh gặp khó khăn trong học tập và rèn luyện đã cố gắng để hoàn thành các kế hoạch học tập và đáp ứng được mục tiêu giáo dục. Nhà trường cũng ghi nhận sự tiến bộ của các em thông qua các kết quả học tập mà các em có được [H5-5.2-05].

Mức 3:

Trong những năm gần đây, nhà trường luôn chú trọng trong công tác lựa chọn bồi dưỡng học sinh có năng khiếu về các môn học, thể thao, nghệ thuật ở các khối lớp tham dự các kỳ thi do các cấp tổ chức và đạt được nhiều giải thưởng cao như học sinh giỏi văn hóa cấp Thành phố, Olympic, giải thể dục thể thao cấp Quận, cấp Thành phố, các hoạt động văn hóa văn nghệ của cá nhân và tập thể học sinh nhà trường được các đoàn thể ban ngành cấp trên ghi nhận [H5-5.2-05].

2. Điểm mạnh

Nhà trường chú trọng đến các hoạt động giáo dục cho học sinh có năng khiếu, học sinh có hoàn cảnh khó khăn và các em gặp khó khăn trong học tập.

Đội ngũ thầy cô giáo trẻ nhiệt tâm, trách nhiệm và luôn có thường xuyên đổi mới các phương pháp giáo dục để phù hợp với đối tượng học sinh.

3. Điểm yếu

Số lượng học sinh gặp khó khăn trong học tập còn nhiều.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Nhà trường tiếp tục chú trọng và có những biện pháp phù hợp, hiệu quả hơn nữa để phát huy năng lực của các em học sinh có năng khiếu, tạo điều kiện thuận lợi cho đội ngũ giáo viên dạy bồi dưỡng.

Trong năm học 2021-2022 và các năm tiếp theo, nhà trường động viên và phối hợp chặt chẽ với cha mẹ học sinh trong việc giúp đỡ các em khó khăn vươn lên trong học tập.

5. Tự đánh giá: Đạt mức 3

Tiêu chí 5.3: Thực hiện nội dung giáo dục địa phương theo quy định

Mức 1:

a) Nội dung giáo dục địa phương cho học sinh được thực hiện theo kế hoạch;

b) Các hình thức kiểm tra, đánh giá học sinh về nội dung giáo dục địa phương đảm bảo khách quan và hiệu quả;

c) Hằng năm, rà soát, đánh giá, cập nhật tài liệu, đề xuất điều chỉnh nội dung giáo dục địa phương.

Mức 2:

Nội dung giáo dục địa phương phù hợp với mục tiêu môn học và gắn lý luận với thực tiễn.

1. Mô tả hiện trạng

Mức 1:

Nhà trường thực hiện đầy đủ các nội dung giáo dục địa phương theo quy định tại công văn số 5977/BGDĐT-GDTrH ngày 07/7/2008 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc Hướng dẫn thực hiện nội dung giáo dục địa phương ở cấp Trung học cơ sở và cấp Trung học phổ thông từ năm học 2008-2009 [H2-2.2-03]; [H2-2.2-04].

Hằng năm, nhà trường, các tổ bộ môn có liên quan đều có kiểm tra, đánh giá việc thực hiện các nội dung giáo dục địa phương theo quy định tại công văn số 5977/BGDĐT-GDTrH ngày 07/7/2008 và các hướng dẫn hằng năm của Sở Giáo dục và Đào tạo đảm bảo khách quan, hiệu quả và công bằng cho tất cả học sinh [H5-5.3-02].

Mỗi năm học, nhà trường thực hiện rà soát, đánh giá, cập nhật tài liệu mới thiết thực với tình hình thực tế để điều chỉnh nội dung giáo dục địa phương phù hợp trong giảng dạy [H5-5.3-03].

Mức 2:

Trường thực hiện nội dung giáo dục địa phương đáp ứng với các mục tiêu của từng môn học và phù hợp với thực tiễn. Thông qua các tiết dạy tích hợp nội dung giáo dục địa phương và các hoạt động ngoại khóa như viếng Đền tưởng niệm Bến Nọc, Khu di tích lịch sử Đền Hùng, thăm gia đình anh hùng Lực lượng vũ trang Nguyễn Văn Tăng và các khu di tích tại Thành phố Hồ Chí Minh để tìm hiểu về nguồn cội cũng như nâng cao hiểu biết về truyền thống văn hóa của địa phương [H2-2.2-03]; [H5-5.3-03]; [H5-5.3-04]. Tuy nhiên, ở một số môn học việc tích hợp nội dung giáo dục địa phương vẫn còn hạn chế.

2. Điểm mạnh

Nhà trường thực hiện nội dung giáo dục địa phương lồng ghép trong các tiết giảng dạy đảm bảo theo phân phối chương trình của Bộ Giáo dục và Đào tạo, chương trình địa phương theo tài liệu của Sở Giáo dục và Đào tạo.

3. Điểm yếu

Nội dung tích hợp giáo dục địa phương ở một số môn vẫn còn hạn chế.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Hằng năm, Ban lãnh đạo nhà trường tiếp tục chỉ đạo cho các giáo viên thường xuyên cập nhật nội dung giáo dục địa phương trong kế hoạch dạy học cho phù hợp thực tiễn.

Năm học 2021-2022, Hiệu trưởng chỉ đạo các tổ bộ môn thường xuyên đổi mới phương pháp giảng dạy và nội dung giáo dục địa phương để tạo hứng thú trong học tập cho học sinh.

5. Tự đánh giá: Đạt mức 2

Tiêu chí 5.4: Các hoạt động trải nghiệm và hướng nghiệp

Mức 1:

- a) Có kế hoạch tổ chức các hoạt động trải nghiệm, hướng nghiệp theo quy định và phù hợp với điều kiện của nhà trường;*
- b) Tổ chức được các hoạt động trải nghiệm, hướng nghiệp theo kế hoạch;*
- c) Phân công, huy động giáo viên, nhân viên trong nhà trường tham gia các hoạt động trải nghiệm, hướng nghiệp.*

Mức 2:

- a) Tổ chức được các hoạt động trải nghiệm, hướng nghiệp với các hình thức phong phú phù hợp học sinh và đạt kết quả thiết thực;*
- b) Định kỳ rà soát, đánh giá kế hoạch tổ chức các hoạt động trải nghiệm, hướng nghiệp.*

1. Mô tả hiện trạng

Mức 1:

Hằng năm, nhà trường xây dựng kế hoạch hướng nghiệp và dạy nghề đồng thời chỉ đạo các tổ bộ môn xây dựng kế hoạch hoạt động trải nghiệm tùy vào đặc thù bộ môn [H2-2.2-04]; [H5-5.4-01].

Các hoạt động trải nghiệm, hướng nghiệp được tổ chức theo kế hoạch, đảm bảo thời gian và nội dung hoạt động [H5-5.4-02]; [H5-5.4-03]; [H5-5.4-04].

Ban lãnh đạo nhà trường có sự phân công, huy động giáo viên chủ nhiệm, giáo viên bộ môn, nhân viên tham gia các hoạt động trải nghiệm, hướng nghiệp

với học sinh phù hợp với tình hình thực tế của nhà trường [H5-5.4-01]; [H5-5.4-05].

Mức 2:

Nhà trường đã tổ chức các tiết học trải nghiệm sáng tạo tại Thảo Cầm Viên và Khu Nông nghiệp Công nghệ cao tại Củ Chi [H7-2.2-04]; phối hợp với các trường Đại học, Cao đẳng tư vấn nghề nghiệp cho học sinh, tổ chức cho các em tham quan các trường dạy nghề giúp các em có định hướng, chọn nghề nghiệp phù hợp cho tương lai [H5-5.4-01]. Các hoạt động hướng nghiệp, trải nghiệm sáng tạo đem lại nhiều kết quả tích cực tạo hứng thú cho học sinh, tuy nhiên một số em vẫn còn chưa nhiệt tình tham gia.

Hằng năm, nhà trường đều tiến hành rà soát và đánh giá kết quả việc tổ chức các hoạt động trải nghiệm, hướng nghiệp nhằm rút kinh nghiệm và điều chỉnh trong quá trình thực hiện [H1-1.3-06]; [H1-1.3-07].

2. Điểm mạnh

Nhà trường đã tổ chức các hoạt động giáo dục trải nghiệm, hướng nghiệp cho học sinh phù hợp với điều kiện của nhà trường.

Phối hợp với các trường Đại học, Cao đẳng tư vấn nghề nghiệp cho học sinh đặc biệt là khối 12 để giúp các em định hướng nghề nghiệp trong tương lai.

3. Điểm yếu

Một vài học sinh chưa tích cực tham gia hoạt động trải nghiệm, hướng nghiệp do nhà trường tổ chức.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Năm học 2021-2022, Nhà trường tiếp tục đẩy mạnh hoạt động trải nghiệm sáng tạo, phối hợp với các trường Đại học, Cao đẳng tổ chức hoạt động hướng nghiệp, tư vấn nghề cho học sinh.

Các tổ bộ môn phối hợp với giáo viên chủ nhiệm tiếp tục thực hiện tốt công tác hoạt động trải nghiệm sáng tạo và hướng nghiệp cho học sinh, động viên các em tham gia vào hoạt động thực tế nhiều hơn.

5. Tự đánh giá: Đạt mức 2

Tiêu chí 5.5: Hình thành, phát triển các kỹ năng sống cho học sinh

Mức 1:

a) Có kế hoạch định hướng giáo dục học sinh hình thành, phát triển các kỹ năng sống phù hợp với khả năng học tập của học sinh, điều kiện nhà trường và địa phương;

b) Quá trình rèn luyện, tích lũy kỹ năng sống, hiểu biết xã hội, thực hành pháp luật cho học sinh có chuyển biến tích cực thông qua các hoạt động giáo dục;

c) Đạo đức, lối sống của học sinh từng bước được hình thành, phát triển phù hợp với pháp luật, phong tục tập quán địa phương và truyền thống văn hóa dân tộc Việt Nam.

Mức 2:

a) Hướng dẫn học sinh biết tự đánh giá kết quả học tập và rèn luyện;

b) Khả năng vận dụng kiến thức vào thực tiễn của học sinh từng bước hình thành và phát triển.

Mức 3:

Bước đầu, học sinh có khả năng nghiên cứu khoa học, công nghệ theo người hướng dẫn, chuyên gia khoa học và người giám sát chỉ dẫn.

1. Mô tả hiện trạng

Mức 1:

Hằng năm, nhà trường xây dựng kế hoạch định hướng giáo dục học sinh hình thành, phát triển các kỹ năng sống phù hợp với khả năng học tập của học sinh, điều kiện nhà trường và địa phương [H5-5.5-01].

Học sinh trường Trung học phổ thông Nguyễn Văn Tăng được giáo dục về các kỹ năng giao tiếp, kỹ năng tự nhận thức, kỹ năng ra quyết định, suy xét và giải quyết vấn đề, kỹ năng đặt mục tiêu, kỹ năng ứng phó, kiểm chế, kỹ năng hợp tác và làm việc theo nhóm cho học sinh được lồng ghép trong các môn học chính khóa, ngoại khóa, các buổi sinh hoạt dưới cờ và trong các hoạt động giáo dục ngoài giờ lên lớp, trong các buổi tư vấn của giáo viên tâm lý, ... [H2-2.2-04]; [H5-5.5-02]; [H5-5.5-03]. Ngoài ra nhà trường luôn xem trọng giáo dục, rèn luyện ý thức chấp hành pháp luật cho học sinh như yêu cầu học sinh và cha mẹ các em kí cam kết thực hiện an toàn giao thông; phối hợp với Công an phường Long Bình về báo cáo và giáo dục luật giao thông cho học sinh; tổ chức thi tìm hiểu luật trật tự an toàn giao thông qua đó phổ biến luật an toàn giao thông cho học sinh [H5-5.5-04]; [H5-5.5-05]; [H5-5.5-06]. Bên cạnh đó nhà trường còn chú trọng tích hợp giáo dục kỹ năng sống trong các bộ môn như Thể dục, Giáo dục Quốc phòng, Sinh học, Giáo dục công dân, ... để giúp các em có những kỹ năng giải quyết tình huống trong thực tiễn [H1-1.4-08]; [H1-1.10-01].

Các em đã biết thực hiện tốt nội quy nhà trường, chấp hành luật lệ an toàn giao thông đồng thời biết quan tâm yêu thương giúp đỡ các hoàn cảnh khó khăn như đến thăm các bé ở Mái ấm Thiên Thần, thăm các gia đình neo đơn, tham gia chiến dịch Hoa phượng đỏ, ... [H1-1.3-12]. Tuy nhiên, một bộ phận nhỏ học sinh còn vi phạm nội quy nhà trường.

Mức 2:

Cuối mỗi đợt giữa kì và cuối học kì giáo viên chủ nhiệm đều hướng dẫn học sinh cách tự tính điểm trung bình và đánh giá kết quả học tập của bản thân, từ đó nhìn nhận lại năng lực bản thân và phấn đấu hơn. Hàng tuần hoặc hàng tháng, học sinh đều phải nhìn nhận lại các hành vi của mình, các bước tiến bộ và

các vi phạm cần khắc phục. Giáo viên chủ nhiệm phổ biến nội quy học sinh và thang điểm xét hạnh kiểm để học sinh tự đánh giá, tự nhận xét kết quả rèn luyện của bản thân để tiến bộ hơn đồng thời đảm bảo sự minh bạch và công bằng trong việc xét hạnh kiểm học sinh [H2-2.4-02]; [H5-5.1-02].

Học sinh đã có khả năng vận dụng các kiến thức vào thực tiễn thông qua các chuyên đề hằng năm của tổ chuyên môn như: Chuyên đề “Thiết kế rô bốt” của tổ Công nghệ, chuyên đề “Làm nên thơm tại nhà” của tổ Hóa học, chuyên đề “Xe thể năng” của tổ Vật lý - Tin học, chuyên đề “Sân khấu hóa tác phẩm Văn học” của tổ Ngữ văn, chuyên đề “Tìm hiểu sức khỏe sinh sản” tổ Sinh - Công nghệ [H5-5.5-07].

Mức 3:

Hằng năm, nhà trường tổ chức các cuộc thi nghiên cứu khoa học để học sinh thể hiện đam mê và ý tưởng của bản thân. Dưới sự dẫn dắt của giáo viên bộ môn, kết quả nghiên cứu khoa học của học sinh tuy chưa đa dạng sáng tạo nhưng cũng góp phần vào việc phát triển khả năng tự nghiên cứu của các em [H2-2.2-05].

2. Điểm mạnh

Các hoạt động giáo dục kỹ năng sống được nhà trường tổ chức có kế hoạch, biện pháp cụ thể, nghiêm túc với nhiều nội dung, hình thức phong phú đa dạng giúp trang bị tốt cho học sinh những kỹ năng cần thiết.

Các em học sinh đã có cơ hội trải nghiệm, vui chơi và dần yêu thích việc học thông qua các hoạt động văn - thể - mỹ, hoạt động chuyên đề, tiết học ngoài nhà trường.

3. Điểm yếu

Một bộ phận nhỏ học sinh còn vi phạm nội quy nhà trường.

Các đề tài nghiên cứu khoa học của học sinh chưa đa dạng và ít sáng tạo.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Hằng năm, nhà trường tổ chức nhiều hoạt động đa dạng đồng thời tạo điều kiện cho học sinh tham gia các phong trào do Thành phố Thủ Đức và Sở Giáo dục và Đào tạo Thành phố Hồ Chí Minh phát động.

Năm học 2021-2022, Hiệu trưởng chỉ đạo giáo viên chủ nhiệm, các tổ chức đoàn thể trong nhà trường triển khai nội quy, thang điểm xét hạnh kiểm học sinh đồng thời yêu cầu ký cam kết thực hiện tốt nội quy.

Năm học 2021-2022, Hiệu trưởng chỉ đạo các tổ bộ môn tổ chức hoạt động trải nghiệm bên ngoài nhà trường để học sinh có thêm ý tưởng sáng tạo và đam mê nghiên cứu khoa học đáp ứng nhu cầu thực tiễn của cuộc sống

5. Tự đánh giá: Đạt mức 3

Tiêu chí 5.6: Kết quả giáo dục

Mức 1:

- a) *Kết quả học lực, hạnh kiểm học sinh đạt yêu cầu theo kế hoạch của nhà trường;*
- b) *Tỷ lệ học sinh lên lớp và tốt nghiệp đạt yêu cầu theo kế hoạch của nhà trường;*
- c) *Định hướng phân luồng cho học sinh đạt yêu cầu theo kế hoạch của nhà trường.*

Mức 2:

- a) *Kết quả học lực, hạnh kiểm của học sinh có chuyển biến tích cực trong 05 năm liên tiếp tính đến thời điểm đánh giá;*
- b) *Tỷ lệ học sinh lên lớp và tốt nghiệp có chuyển biến tích cực trong 05 năm liên tiếp tính đến thời điểm đánh giá.*

Mức 3:

- a) *Kết quả học lực, hạnh kiểm của học sinh: - Tỷ lệ học sinh xếp loại giỏi của trường thuộc vùng khó khăn: Đạt ít nhất 05% đối với trường trung học cơ sở (hoặc cấp trung học cơ sở), trường trung học phổ thông (hoặc cấp trung học phổ thông) và 20% đối với trường chuyên. - Tỷ lệ học sinh xếp loại giỏi của trường thuộc các vùng còn lại: Đạt ít nhất 10% đối với trường trung học cơ sở (hoặc cấp trung học cơ sở), trường trung học phổ thông (hoặc cấp trung học phổ thông) và 25% đối với trường chuyên. - Tỷ lệ học sinh xếp loại khá của trường thuộc vùng khó khăn: Đạt ít nhất 30% đối với trường trung học cơ sở (hoặc cấp trung học cơ sở), 20% đối với trường trung học phổ thông (hoặc cấp trung học phổ thông) và 55% đối với trường chuyên. - Tỷ lệ học sinh xếp loại khá của trường thuộc các vùng còn lại: Đạt ít nhất 35% đối với trường trung học cơ sở (hoặc cấp trung học cơ sở), 25% đối với trường trung học phổ thông (hoặc cấp trung học phổ thông) và 60% đối với trường chuyên. - Tỷ lệ học sinh xếp loại yếu, kém của trường thuộc vùng khó khăn: không quá 10% đối với trường trung học cơ sở (hoặc cấp trung học cơ sở) và trường trung học phổ thông (hoặc cấp trung học phổ thông), trường chuyên không có học sinh yếu, kém. - Tỷ lệ học sinh xếp loại yếu, kém của trường thuộc các vùng còn lại: không quá 05% đối với trường trung học cơ sở (hoặc cấp trung học cơ sở) và trường trung học phổ thông (hoặc cấp trung học phổ thông), trường chuyên không có học sinh yếu, kém. - Đối với nhà trường có lớp tiểu học: Tỷ lệ học sinh hoàn thành chương trình lớp học đạt 95%; tỷ lệ trẻ em 11 tuổi hoàn thành chương trình tiểu học đạt ít nhất 90%, đối với trường thuộc xã có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn đạt ít nhất 80%; các trẻ em 11 tuổi còn lại đều đang học các lớp tiểu học. - Tỷ lệ học sinh xếp loại hạnh kiểm khá, tốt đạt ít nhất 90% đối với trường trung học cơ sở (hoặc cấp trung học cơ sở), trường trung học phổ thông (hoặc cấp trung học phổ thông) và 98% đối với trường chuyên;*

b) Tỷ lệ học sinh bỏ học và lưu ban: - Vùng khó khăn: Không quá 03% học sinh bỏ học, không quá 05% học sinh lưu ban; trường chuyên không có học sinh lưu ban và học sinh bỏ học. - Các vùng còn lại: Không quá 01% học sinh bỏ học, không quá 02% học sinh lưu ban; trường chuyên không có học sinh lưu ban và học sinh bỏ học.

1. Mô tả hiện trạng

Mức 1:

Nhà trường nằm trong khu vực không thuận lợi về giao thông, có điểm tuyển sinh vào lớp 10 dưới mức trung bình. Tuy nhiên với sự cố gắng của tập thể sư phạm nhà trường, kết quả học tập của học sinh là đáng khích lệ [H5-5.1-10]; [H5-5.6-01]; [H5-5.6-02];

Trong 05 năm liên tục, tỷ lệ học sinh lên lớp, tốt nghiệp đều vượt chỉ tiêu trong Nghị quyết Hội nghị cán bộ, công chức, viên chức và kế hoạch năm học của nhà trường. Cụ thể:

Năm học	2016-2017	2017-2018	2018-2019	2019-2020	2020-2021
Tỷ lệ lên lớp	93,04%	97,54%	97,39%	99,46%	99,60%
Tỷ lệ tốt nghiệp Trung học phổ thông quốc gia	99,20%	99,46%	99,46%	100%	100%

Nhà trường luôn chú trọng phân luồng, định hướng nghề nghiệp cho học sinh thông qua kế hoạch hướng nghiệp của nhà trường [H5-5.4-01].

Mức 2:

Từ năm học 2016-2017 đến nay, tỷ lệ học sinh có học lực và hạnh kiểm trung bình trở lên chuyên biến tích cực, các tỷ lệ này đạt trên mức chuẩn quy định, tỷ lệ học sinh có học lực yếu kém giảm dần, tỷ lệ học sinh phải rèn luyện trong hè thấp [H5-5.1-10]. Cụ thể:

Năm học	2016-2017	2017-2018	2018-2019	2019-2020	2020-2021
Học lực giỏi	3,03%	4,59%	7,67%	13,85%	14,73%
Học lực khá	37,65%	46,72%	56,06%	59,28%	60,41%
Học lực trung bình	47,19%	41,72%	31,67%	24,89%	22,17%
Học lực yếu, kém	12,13%	6,97%	4,60%	1,98%	2,69%
Hạnh kiểm tốt, khá	80,55%	88,12%	92,72%	97,79%	94,77%
Hạnh kiểm trung bình	15,70%	9,18%	6,75%	1,52%	3,64%

Hạnh kiểm yếu	3,75%	2,70%	0,54%	0,68%	1,58%
---------------	-------	-------	-------	-------	-------

Tỷ lệ học sinh lên lớp và tỷ lệ học sinh tốt nghiệp Trung học phổ thông luôn đạt tỷ lệ cao [H5-5.6-01]; [H5-5.6-02];

Mức 3:

Kết quả học lực của học sinh trong những năm qua có chuyển biến tích cực, năm học 2019-2020 và năm học 2020-2021 tỷ lệ học sinh giỏi trên 10%, tỷ lệ học sinh yếu kém từ năm học 2018-2019 đến nay đều dưới 5%. Kết quả hạnh kiểm hằng năm của học sinh vẫn có những chuyển biến nhất định, tỷ lệ hạnh kiểm khá, tốt từ năm học 2018-2019 đến nay đều trên 90% [H5-5.1-10].

Trong những năm qua, Ban lãnh đạo nhà trường đã có rất nhiều biện pháp khắc phục tình trạng bỏ học cũng như những biện pháp giúp đỡ các em học sinh còn yếu trong học tập, tuy nhiên do hoàn cảnh nhiều em học sinh còn khó khăn và ở xa trường nên tỷ lệ lưu ban có giảm nhưng tỷ lệ bỏ học vẫn còn trên 1% [H5-5.6-03]; [H5-5.6-04]. Cụ thể:

Năm học	2016-2017	2017-2018	2018-2019	2019-2020	2020-2021
Tỷ lệ học sinh lưu ban	6,96%	2,46%	2,61%	0,54%	0,40%
Tỷ lệ học sinh bỏ học	5,35%	4,40%	2,23%	1,78%	1,77%

2. Điểm mạnh

Tỷ lệ học sinh yếu kém ngày càng giảm; tỷ lệ học sinh khá, giỏi trở lên giữ mức ổn định.

Ban lãnh đạo nhà trường rất coi trọng việc giáo dục đạo đức cho học sinh và bước đầu đã đạt kết quả khả quan. Đa số học sinh có ý thức chấp hành tốt nội quy của trường; tỷ lệ học sinh đạt hạnh kiểm tốt, khá đạt ở mức cao.

3. Điểm yếu

Tỷ lệ học sinh bỏ học vẫn còn cao.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Hiệu trưởng có kế hoạch cụ thể cho từng giai đoạn nhất định trong năm học để nâng cao hơn nữa chất lượng và hiệu suất đào tạo.

Phó Hiệu trưởng chuyên môn và tổ trưởng chuyên môn xây dựng kế hoạch phụ đạo học sinh yếu kém theo từng giai đoạn. Ban thi đua cần có tiêu chí đánh giá xếp loại giáo viên dựa vào kết quả giảng dạy để tăng cường trách nhiệm của giáo viên.

Hiệu trưởng chỉ đạo nâng cao chất lượng các tiết chào cờ đầu tuần, tiết sinh hoạt chủ nhiệm qua đó nâng cao chất lượng giáo dục đạo đức cho học sinh.

Đoàn thành niên cần có những chương trình hành động cụ thể giúp nâng cao nhận thức của đoàn viên thanh niên học sinh trong vấn đề học tập và rèn luyện đạo đức.

Nhà trường, giáo viên bộ môn và giáo viên chủ nhiệm tăng cường quan tâm đến từng em học sinh, động viên giúp đỡ các em có hoàn cảnh khó khăn, xa trường, học lực yếu kém.

5. Tự đánh giá: Đạt mức 2

Kết luận về Tiêu chuẩn 5:

Nhà trường trong nhiều năm qua luôn bám sát chủ đề năm học, nghiêm túc thực hiện kế hoạch, chương trình giáo dục và các hoạt động khác. Tổ chức có hiệu quả thiết thực các phong trào thi đua dạy tốt, học tốt chào mừng các ngày lễ lớn; thường xuyên tổ chức hội giảng, thao giảng; thi giáo viên dạy giỏi, làm đồ dùng dạy học; tăng cường kỷ cương dạy và học; đổi mới sinh hoạt ngoài giờ lên lớp; quản lý dạy thêm học thêm, giáo dục thể chất, y tế học đường cũng như thực hiện tốt các cuộc vận động, các phong trào thi đua.

Kết quả rèn luyện của học sinh về học lực, hạnh kiểm, giáo dục ngoài giờ lên lớp, giáo dục nghề phổ thông và tư vấn hướng nghiệp hằng năm đều có chuyển biến. Đồng thời nhà trường chú trọng đến giáo dục ngoài giờ lên lớp, các buổi sinh hoạt ngoại khóa, các tiết sinh hoạt ngoài trời, phát triển nhiều câu lạc bộ để giúp các em rèn luyện kỹ năng sống, làm quen dần với môi trường hoạt động xã hội. Các hoạt động của nhà trường không chỉ giúp các em có vốn tri thức mà còn đào tạo cho các em các kỹ năng và rèn luyện nhân cách.

Chất lượng đầu vào của học sinh khá thấp, cộng với hoàn cảnh gia đình phức tạp, ít được sự quan tâm động viên từ gia đình nên tỷ lệ học sinh lưu ban, bỏ học còn cao.

- Số lượng và tỉ lệ phần trăm (%) các tiêu chí đạt và không đạt Mức 1, Mức 2 và Mức 3:

- + Không đạt: 0/6 tiêu chí chiếm 0 %
- + Đạt Mức 1: 6/6 tiêu chí chiếm 100 %
- + Đạt Mức 2: 6/6 tiêu chí chiếm 100 %
- + Đạt Mức 3: 3/4 tiêu chí chiếm 75 %

Phần III. KẾT LUẬN CHUNG

- Số lượng và tỉ lệ phần trăm (%) các tiêu chí đạt và không đạt Mức 1, Mức 2 và Mức 3:

- + Không đạt: 0/28 tiêu chí chiếm 0%
- + Đạt Mức 1: 28/28 tiêu chí chiếm 100%
- + Đạt Mức 2: 27/28 tiêu chí chiếm 96.4%
- + Đạt Mức 3: 10/20 tiêu chí chiếm 50%

Trường Trung học phổ thông Nguyễn Văn Tăng tiến hành công tác tự đánh giá theo kế hoạch, đảm bảo nguyên tắc khách quan, trung thực và công khai. Qua kết quả kiểm định chất lượng, nhà trường báo cáo về tình trạng chất lượng, hiệu quả giáo dục, nghiên cứu khoa học, nhân lực, cơ sở vật chất cũng như các vấn đề liên quan khác. Từ việc nhận thức đúng thực trạng, nhà trường sẽ tiến hành điều chỉnh các nguồn lực và quá trình thực hiện nhằm đáp ứng đầy đủ các tiêu chuẩn chất lượng trong thời gian tiếp theo.

Căn cứ tiêu chuẩn đánh giá chất lượng giáo dục và quy trình, chu kỳ kiểm định chất lượng giáo dục mầm non, giáo dục cơ sở, giáo dục phổ thông, cơ sở giáo dục thường xuyên của Bộ Giáo dục và Đào tạo. Trường Trung học phổ thông Nguyễn Văn Tăng tự đánh giá đạt mức 1.

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 9 tháng 11 năm 2021

HIỆU TRƯỞNG

(Ký tên, đóng dấu)

Nguyễn Hoàng Diễm Ly

Phần IV. PHỤ LỤC
DANH MỤC MÃ MINH CHỨNG

Tiêu chí	Số TT	Mã minh chứng	Tên minh chứng	Số, ngày ban hành, hoặc thời điểm khảo sát, điều tra, phỏng vấn, quan sát	Nơi ban hành hoặc nhóm, cá nhân thực hiện	Ghi chú (đường dẫn nếu có)
Tiêu chí 1.1	1	[H1-1.1-01]	Phương hướng chiến lược xây dựng và phát triển nhà trường	Giai đoạn 2015-2019 Giai đoạn 2020-2025	Hiệu trưởng	
	2	[H1-1.1-02]	Nghị quyết Đại hội của Chi bộ trường; Nghị quyết Đại hội Đảng của Quận ủy Quận 9	Định kỳ	Nhà trường	
	3	[H1-1.1-03]	Hình chụp bảng thông tin của trường có dán Phương hướng, chiến lược xây dựng và phát triển.	Năm 2021	Nhà trường	
	4	[H1-1.1-04]	Sổ nghị quyết của Hội đồng trường	Định kỳ	Thư kí Hội đồng trường	
	5	[H1-1.1-05]	Biên bản họp của Ban thanh tra Nhân dân	Hằng tháng	Ban thanh tra nhân nhân	
Tiêu chí	1	[H1-1.2-01]	Quyết định thành lập	Số: 1937/QĐ-GDĐT-TC	Sở Giáo dục và	

Tiêu chí	Số TT	Mã minh chứng	Tên minh chứng	Số, ngày ban hành, hoặc thời điểm khảo sát, điều tra, phỏng vấn, quan sát	Nơi ban hành hoặc nhóm, cá nhân thực hiện	Ghi chú (đường dẫn nếu có)
1.2			Hội đồng trường do Hiệu trưởng là Chủ tịch	ngày 20 tháng 11 năm 2015 Số: 238/QĐ-GDDĐT-TC ngày 30 tháng 01 năm 2019 Số: 667/QĐ-GDDĐT-TC ngày 27 tháng 4 năm 2020 Số: 3111/QĐ-GDDĐT-TC ngày 30 tháng 11 năm 2020	Đào tạo Thành phố Hồ Chí Minh	
	2	[H1-1.2-02]	Quyết định Hội đồng thi đua và khen thưởng	Số: 467/QĐ-THPT-NVT ngày 29 tháng 10 năm 2016 Số: 626/QĐ-NVT ngày 29 tháng 10 năm 2017 Số: 696/QĐ-THPT-NVT ngày 9 tháng 10 năm 2018 Số: 776/QĐ-THPTNVT ngày 10 tháng 10 năm 2019.	Hiệu trưởng	
	3	[H1-1.2-03]	Quyết định Hội đồng kỷ luật học sinh	Hằng năm	Hiệu trưởng	
	4	[H1-1.2-04]	Quyết định thành lập Hội đồng Tuyển sinh	Hằng năm	Hiệu trưởng	

Tiêu chí	Số TT	Mã minh chứng	Tên minh chứng	Số, ngày ban hành, hoặc thời điểm khảo sát, điều tra, phỏng vấn, quan sát	Nơi ban hành hoặc nhóm, cá nhân thực hiện	Ghi chú (đường dẫn nếu có)
			lớp 10			
	5	[H1-1.2-05]	Quyết định thành lập hội đồng nâng lương, thành lập Ban ngoại khóa, Ban Công tác giáo dục chính trị, tư tưởng, Ban giáo dục ngoài giờ lên lớp, hướng nghiệp	Hàng năm	Hiệu trưởng	
	6	[H1-1.2-06]	Sổ nghị quyết của Hội đồng Sư phạm	Hàng tuần	Thư kí nhà trường	
Tiêu chí 1.3	1	[H1-1.3-01]	Quyết định thành lập Chi bộ nhà trường	Số: 173-QĐ/TUTĐ ngày 18 tháng 2 năm 2021	Thành Ủy Thành phố Thủ Đức	
	2	[H1-1.3-02]	Quyết định công nhận Ban chấp hành Công Đoàn cơ sở trường Trung học phổ thông Nguyễn Văn Tăng	Số: 595/2015/QĐ-GDGD ngày 09 tháng 01 năm 2015 Số: 1666/2017/QĐ-GDGD ngày 26 tháng 12 năm 2017	Công đoàn ngành Giáo dục Thành phố Hồ Chí Minh	
	3	[H1-1.3-03]	Quyết định thành lập Ban chấp hành Đoàn trường gồm có 01 bí	Hàng năm	Hiệu trưởng	

Tiêu chí	Số TT	Mã minh chứng	Tên minh chứng	Số, ngày ban hành, hoặc thời điểm khảo sát, điều tra, phỏng vấn, quan sát	Nơi ban hành hoặc nhóm, cá nhân thực hiện	Ghi chú (đường dẫn nếu có)
			thư, 02 phó bí thư và 03 ủy viên			
	4	[H1-1.3-04]	Kế hoạch hoạt động của Công đoàn	Hằng năm	Chủ tịch công đoàn	
	5	[H1-1.3-05]	Kế hoạch hoạt động của Đoàn thanh niên	Hằng năm	Trợ lý thanh niên	
	6	[H1-1.3-06]	Báo cáo sơ kết học kì	Cuối mỗi học kì	Hiệu trưởng	
	7	[H1-1.3-07]	Báo cáo tổng kết năm học	Cuối năm học	Hiệu trưởng	
	8	[H1-1.3-08]	Nghị quyết của Chi bộ	Định kỳ	Chi bộ	
	9	[H1-1.3-09]	Hồ sơ thi đua của Hội đồng thi đua	Cuối năm học	Văn phòng	
	10	[H1-1.3-10]	Quyết định của Quận uỷ và Thành Uỷ về chất lượng kiểm điểm của Chi bộ	Hằng năm	Quận uỷ Thành uỷ	
	11	[H1-1.3-11]	Các giấy khen, bằng khen của tổ chức, đoàn thể cấp trên dành cho các tổ chức, đoàn thể của nhà trường	Từ năm 2015 đến nay	Văn phòng	

Tiêu chí	Số TT	Mã minh chứng	Tên minh chứng	Số, ngày ban hành, hoặc thời điểm khảo sát, điều tra, phỏng vấn, quan sát	Nơi ban hành hoặc nhóm, cá nhân thực hiện	Ghi chú (đường dẫn nếu có)
	12	[H1-1.3-12]	Hình ảnh học sinh tham gia các hoạt động tình nguyện vì cộng đồng	Hằng năm	Đoàn thanh niên	
Tiêu chí 1.4	1	[H1-1.4-01]	Quyết định bổ nhiệm Hiệu trưởng	Số: 2035/QĐ-GDĐT-TC ngày 12 tháng 09 năm 2018	Sở Giáo dục và Đào tạo Thành phố Hồ Chí Minh	
	2	[H1-1.4-02]	Quyết định bổ nhiệm Phó Hiệu trưởng	Số: 1751/QĐ-GDĐT-TC ngày 17 tháng 08 năm 2017 Số: 514/QĐ-SGDĐT ngày 11 tháng 03 năm 2021	Sở Giáo dục và Đào tạo Thành phố Hồ Chí Minh	
	3	[H1-1.4-03]	Quyết định bổ nhiệm tổ trưởng chuyên môn và tổ trưởng văn phòng	Đầu năm học	Hiệu trưởng	
	4	[H1-1.4-04]	Kế hoạch hoạt động của tổ chuyên môn	Đầu năm học	Tổ trưởng chuyên môn	
	5	[H1-1.4-05]	Sổ nghị quyết tổ chuyên môn	Hằng tháng	Tổ trưởng chuyên môn	
	6	[H1-1.4-06]	Kế hoạch hoạt động của tổ văn phòng	Đầu năm học	Tổ trưởng tổ văn phòng	

Tiêu chí	Số TT	Mã minh chứng	Tên minh chứng	Số, ngày ban hành, hoặc thời điểm khảo sát, điều tra, phỏng vấn, quan sát	Nơi ban hành hoặc nhóm, cá nhân thực hiện	Ghi chú (đường dẫn nếu có)
	7	[H1-1.4-07]	Sổ nghị quyết tổ văn phòng	Hàng tháng	Tổ trưởng tổ văn phòng	
	8	[H1-1.4-08]	Kế hoạch tổ chức chuyên đề của tổ chuyên môn	Hàng năm	Tổ trưởng chuyên môn	
	9	[H1-1.4-09]	Biên bản kiểm tra hồ sơ tổ chuyên môn, tổ văn phòng	Hàng năm	Phó hiệu trưởng	
	10	[H1-1.4-10]	Biên bản kiểm tra hồ sơ giáo viên trong tổ	Theo đợt kiểm tra	Tổ trưởng chuyên môn	
Tiêu chí 1.5	1	[H1-1.5-01]	Thống kê số lượng học sinh	Hàng năm	Học vụ	
	2	[H1-1.5-02]	Danh sách ban cán sự ở các lớp	Đầu năm học	Giáo viên chủ nhiệm	
	3	[H1-1.5-03]	Chỉ tiêu tuyển sinh vào lớp 10	Hàng năm	Hiệu trưởng	
	4	[H1-1.5-04]	Danh sách học sinh trúng tuyển vào lớp 10; Danh sách học sinh nộp hồ sơ vào lớp 10	Hàng năm	Học vụ	

Tiêu chí	Số TT	Mã minh chứng	Tên minh chứng	Số, ngày ban hành, hoặc thời điểm khảo sát, điều tra, phỏng vấn, quan sát	Nơi ban hành hoặc nhóm, cá nhân thực hiện	Ghi chú (đường dẫn nếu có)
Tiêu chí 1.6	1	[H1-1.6-01]	Hình chụp nơi lưu trữ hồ sơ	Hàng năm	Văn thư	
	2	[H1-1.6-02]	Sổ theo dõi công văn đến; Sổ theo dõi công văn đi	Hàng năm	Văn thư	
	3	[H1-1.6-03]	Hồ sơ tổ chức cá nhân	Hàng năm	Văn thư	
	4	[H1-1.6-04]	Dự toán năm tài chính; Bộ hồ sơ quyết toán năm tài chính	Hàng năm	Kế toán	
	5	[H1-1.6-05]	Các biểu mẫu công khai theo Thông tư 61	Hàng năm	Kế toán	
	6	[H1-1.6-06]	Các biểu mẫu công khai theo Thông tư 89	Hàng năm	Kế toán	
	7	[H1-1.6-07]	Quy chế chi tiêu nội bộ	Hàng năm	Hiệu trưởng	
	8	[H1-1.6-08]	Quyết định điều chỉnh bổ sung Quy chế chi tiêu nội bộ	Hàng năm	Hiệu trưởng	
	9	[H1-1.6-09]	Sổ Tài sản cố định	Năm 2018, 2019, 2020, 2021	Kế toán	

Tiêu chí	Số TT	Mã minh chứng	Tên minh chứng	Số, ngày ban hành, hoặc thời điểm khảo sát, điều tra, phỏng vấn, quan sát	Nơi ban hành hoặc nhóm, cá nhân thực hiện	Ghi chú (đường dẫn nếu có)
	10	[H1-1.6-10]	Sổ tài sản theo đơn vị sử dụng	Năm 2018, 2019, 2020, 2021	Kế toán	
	11	[H1-1.6-11]	Biên bản kiểm kê tài sản	Năm 2018, 2019, 2020, 2021	Kế toán	
	12	[H1-1.6-12]	Phần mềm nâng lương SNV; Phần mềm quản lý tài chính IMAS; Phần mềm báo cáo thuế HTKK	Hàng năm	Kế toán	
	13	[H1-1.6-13]	Phần mềm quản trị nhân sự trực tuyến ePMIS	Hàng năm	Văn thư	
	14	[H1-1.6-14]	Biên bản xét duyệt quyết toán	Hàng năm	Kế toán	
Tiêu chí 1.7	1	[H1-1.7-01]	Kế hoạch bồi dưỡng đội ngũ hàng năm	Hàng năm	Hiệu trưởng	
	2	[H1-1.7-02]	Bảng phân công chuyên môn	Hàng năm	Hiệu trưởng	
	3	[H1-1.7-03]	Bảng phân công tổ văn phòng	Hàng năm	Hiệu trưởng	

Tiêu chí	Số TT	Mã minh chứng	Tên minh chứng	Số, ngày ban hành, hoặc thời điểm khảo sát, điều tra, phỏng vấn, quan sát	Nơi ban hành hoặc nhóm, cá nhân thực hiện	Ghi chú (đường dẫn nếu có)
	4	[H1-1.7-04]	Nghị quyết Hội nghị cán bộ, công chức, viên chức cấp tổ	Đầu năm học	Công đoàn tổ	
	5	[H1-1.7-05]	Nghị quyết Hội nghị cán bộ, công chức, viên chức cấp trường	Đầu năm học	Ban chấp hành Công đoàn cơ sở	
	6	[H1-1.7-06]	Kế hoạch tổ chức Hội thi giáo viên dạy giỏi cấp trường	Đầu năm học	Hiệu trưởng	
	7	[H1-1.7-07]	Danh sách giáo viên, nhân viên tham gia các lớp bồi dưỡng, tập huấn	Hàng năm	Hiệu trưởng	
Tiêu chí 1.8	1	[H1-1.8-01]	Kế hoạch năm học - Kế hoạch giáo dục của nhà trường	Đầu năm học	Hiệu trưởng	
	2	[H1-1.8-02]	Lịch công tác hàng tuần của nhà trường	Hàng tuần	Hiệu trưởng	
	3	[H1-1.8-03]	Văn bản quy định về dạy thêm học thêm trong nhà trường	Thông tư 17/2012/TT-BGDĐT ngày 16 tháng 5 năm 2012	Bộ Giáo dục và Đào tạo	

Tiêu chí	Số TT	Mã minh chứng	Tên minh chứng	Số, ngày ban hành, hoặc thời điểm khảo sát, điều tra, phỏng vấn, quan sát	Nơi ban hành hoặc nhóm, cá nhân thực hiện	Ghi chú (đường dẫn nếu có)
Tiêu chí 1.9	1	[H1-1.9-01]	Báo cáo hoạt động của Ban thanh tra nhân dân	Hằng năm	Ban thanh tra nhân dân	
	2	[H1-1.9-02]	Báo cáo việc thực hiện Quy chế dân chủ cơ sở	Hằng năm	Nhà trường	
	3	[H1-1.9-03]	Kế hoạch hoạt động của Ban thanh tra nhân dân	Hằng năm	Ban thanh tra nhân dân	
	4	[H1-1.9-04]	Báo cáo sơ kết, tổng kết của Công đoàn	Hằng năm	Công đoàn cơ sở	
Tiêu chí 1.10	1	[H1-1.10-01]	Kế hoạch an toàn trường học	Hằng năm	Hiệu trưởng Đoàn thanh niên	
	2	[H1-1.10-02]	Biên bản kiểm tra vệ sinh, an toàn thực phẩm tại đơn vị	Hằng năm	Công đoàn Y tế	
	3	[H1-1.10-03]	Kế hoạch phòng chống cháy nổ	Hằng năm	Hiệu trưởng	
	4	[H1-1.10-04]	Kế hoạch phòng chống bạo lực học đường	Hằng năm	Hiệu trưởng Đoàn thanh niên	
	5	[H1-1.10-05]	Hình ảnh Hộp thư nhà trường	Năm 2021	Nhà trường	

Tiêu chí	Số TT	Mã minh chứng	Tên minh chứng	Số, ngày ban hành, hoặc thời điểm khảo sát, điều tra, phỏng vấn, quan sát	Nơi ban hành hoặc nhóm, cá nhân thực hiện	Ghi chú (đường dẫn nếu có)
	6	[H1-1.10-06]	Báo cáo công tác An toàn trường học	Hàng năm	Văn phòng	
	7	[H1-1.10-07]	Hình ảnh các buổi tập huấn phòng cháy, chữa cháy	Năm 2020	Nhà trường	
	8	[H1-1.10-08]	Hình ảnh các buổi tư vấn tâm lý phòng, chống bạo lực học đường	Hàng năm	Nhà trường	
	9	[H1-1.10-09]	Các kế hoạch phối hợp kiểm tra nề nếp học sinh	Hàng năm	Phó hiệu trưởng	
Tiêu chí 2.1	1	[H2-2.1-01]	Bộ hồ sơ cá nhân của Hiệu trưởng	Năm học 2018-2019	Nhà trường	
	2	[H2-2.1-02]	Bộ hồ sơ cá nhân của Phó Hiệu trưởng chuyên môn	Năm học 2018-2019	Nhà trường	
	3	[H2-2.1-03]	Bộ hồ sơ cá nhân của Phó Hiệu trưởng hành chính	Năm học 2020-2021	Nhà trường	
	4	[H2-2.1-04]	Kết quả đánh giá, xếp	Hàng năm	Sở Giáo dục và	

Tiêu chí	Số TT	Mã minh chứng	Tên minh chứng	Số, ngày ban hành, hoặc thời điểm khảo sát, điều tra, phỏng vấn, quan sát	Nơi ban hành hoặc nhóm, cá nhân thực hiện	Ghi chú (đường dẫn nếu có)
			loại Hiệu trưởng, Phó Hiệu trưởng hàng năm theo chuẩn hiệu trưởng trường trung học		Đào tạo Thành phố Hồ Chí Minh	
	5	[H2-2.1-05]	Các quyết định khen thưởng Hiệu trưởng, Phó hiệu trưởng	Hàng năm	Sở Giáo dục và Đào tạo Thành phố Hồ Chí Minh	
	6	[H2-2.1-06]	Kết quả tín nhiệm Hiệu trưởng, Phó Hiệu trưởng	Hàng năm	Hội đồng trường	
Tiêu chí 2.2	1	[H2-2.2-01]	Hồ sơ cán bộ, giáo viên, nhân viên nhà trường xuất từ phần mềm ePMIS	Hàng năm	Văn thư	
	2	[H2-2.2-02]	Bảng tổng hợp đánh giá chuẩn nghề nghiệp giáo viên	Cuối năm học	Nhà trường	
	3	[H2-2.2-03]	Các kế hoạch ngoại khóa học sinh	Hàng năm	Nhà trường	
	4	[H2-2.2-04]	Kế hoạch hoạt động	Năm 2018, 2019, 2020	Tổ Sinh học	

Tiêu chí	Số TT	Mã minh chứng	Tên minh chứng	Số, ngày ban hành, hoặc thời điểm khảo sát, điều tra, phỏng vấn, quan sát	Nơi ban hành hoặc nhóm, cá nhân thực hiện	Ghi chú (đường dẫn nếu có)
			trải nghiệm sáng tạo ngoài nhà trường			
	5	[H2-2.2-05]	Kế hoạch hướng dẫn học sinh nghiên cứu khoa học; Kết quả báo cáo nghiên cứu khoa học của học sinh	Hằng năm	Nhà trường	
	6	[H2-2.2-06]	Các quyết định khen thưởng giáo viên	Hằng năm	Sở Giáo dục và Đào tạo Thành phố Hồ Chí Minh Hiệu trưởng	
Tiêu chí 2.3	1	[H2-2.3-01]	Các quyết định kiêm nhiệm của giáo viên	Hằng năm	Hiệu trưởng	
	2	[H2-2.3-02]	Kết quả đánh giá công chức, viên chức hằng năm	Hằng năm	Hiệu trưởng	
Tiêu chí 2.4	1	[H2-2.4-01]	Danh sách học sinh của trường; Sổ đăng bộ	Đầu năm học	Học vụ	
	2	[H2-2.4-02]	Nội quy nhà trường	Đầu năm học	Nhà trường	

Tiêu chí	Số TT	Mã minh chứng	Tên minh chứng	Số, ngày ban hành, hoặc thời điểm khảo sát, điều tra, phỏng vấn, quan sát	Nơi ban hành hoặc nhóm, cá nhân thực hiện	Ghi chú (đường dẫn nếu có)
	3	[H2-2.4-03]	Hình ảnh học sinh tham gia các hoạt động do Đoàn thanh niên phát động	Hàng năm	Đoàn thanh niên	
	4	[H2-2.4-04]	Các quyết định khen thưởng học sinh.	Theo đợt khen thưởng	Hiệu trưởng	
	5	[H2-2.4-05]	Danh sách học sinh được hỗ trợ, miễn giảm học phí	Hàng năm	Kế toán	
	6	[H2-2.4-06]	Thông tư 58 về Quy chế đánh giá, xếp loại học sinh trung học cơ sở và học sinh trung học phổ thông Thông tư 26 về Sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy chế đánh giá, xếp loại học sinh trung học cơ sở và học sinh trung học phổ thông	Số: 58/2011/TT-BGDĐT ngày 12 tháng 12 năm 2021 Số: 26/2020/TT-BGDĐT ngày 26 tháng 08 năm 2020	Bộ Giáo dục và Đào tạo	
	7	[H2-2.4-07]	Kết quả xếp loại hạnh	Giữa học kỳ, cuối học kỳ	Nhà trường	

Tiêu chí	Số TT	Mã minh chứng	Tên minh chứng	Số, ngày ban hành, hoặc thời điểm khảo sát, điều tra, phỏng vấn, quan sát	Nơi ban hành hoặc nhóm, cá nhân thực hiện	Ghi chú (đường dẫn nếu có)
			kiểm học sinh.			
Tiêu chí 3.1	1	[H3-3.1-01]	Hình ảnh khuôn viên trường	Năm 2021	Nhà trường	
	2	[H3-3.1-02]	Hình ảnh cổng trường và hàng rào bao quanh khuôn viên trường	Năm 2021	Nhà trường	
	3	[H3-3.1-03]	Hình ảnh khu sân chơi, bãi tập	Năm 2021	Nhà trường	
	4	[H3-3.1-04]	Hình ảnh toàn trường; Sơ đồ kỹ thuật toàn bộ trường	Năm 2013	Kê toán	
Tiêu chí 3.2	1	[H3-3.2-01]	Hình ảnh bao quát phòng học chụp từ dưới lên và chụp từ trên xuống	Năm 2021	Nhà trường	
	2	[H3-3.2-02]	Hình ảnh bàn ghế học sinh và giáo viên trong phòng học	Năm 2021	Nhà trường	
	3	[H3-3.2-03]	Hình ảnh đèn, quạt trong phòng học	Năm 2021	Nhà trường	

Tiêu chí	Số TT	Mã minh chứng	Tên minh chứng	Số, ngày ban hành, hoặc thời điểm khảo sát, điều tra, phỏng vấn, quan sát	Nơi ban hành hoặc nhóm, cá nhân thực hiện	Ghi chú (đường dẫn nếu có)
	4	[H3-3.2-04]	Hình ảnh bao quát các phòng bộ môn Tin học, Nghe nhìn, Vật lí, Hóa học, Sinh học, Công nghệ, Nữ công	Năm 2021	Nhà trường	
	5	[H3-3.2-05]	Ảnh chụp bao quát văn phòng Đoàn thanh niên	Năm 2021	Nhà trường	
	6	[H3-3.2-06]	Ảnh chụp bao quát thư viện	Năm 2021	Nhà trường	
	7	[H3-3.2-07]	Hình ảnh bao quát phòng truyền thống	Năm 2021	Nhà trường	
Tiêu chí 3.3	1	[H3-3.3-01]	Sơ đồ trường học	Hằng năm	Nhà trường	
	2	[H3-3.3-02]	Ảnh chụp bao quát các phòng hành chính quản trị	Năm 2021	Nhà trường	
	3	[H3-3.3-03]	Ảnh chụp nhà xe giáo viên, nhà xe học sinh	Năm 2021	Nhà trường	
	4	[H3-3.3-04]	Giấy đề nghị sửa chữa	Hằng năm	Kế toán	
	5	[H3-3.3-05]	Ảnh chụp khu vực	Năm 2021	Nhà trường	

Tiêu chí	Số TT	Mã minh chứng	Tên minh chứng	Số, ngày ban hành, hoặc thời điểm khảo sát, điều tra, phỏng vấn, quan sát	Nơi ban hành hoặc nhóm, cá nhân thực hiện	Ghi chú (đường dẫn nếu có)
			phòng nghỉ giáo viên; Ảnh chụp khu vực phòng nghỉ bán trú của học sinh			
	6	[H3-3.3-06]	Tờ trình xin mua sắm	Hằng tháng	Hiệu trưởng	
	7	[H3-3.3-07]	Phê duyệt mua sắm của Sở Giáo dục và Đào tạo Thành phố Hồ Chí Minh	Hằng năm	Sở Giáo dục và Đào tạo Thành phố Hồ Chí Minh	
	8	[H3-3.3-08]	Ảnh chụp khu vực nhà ăn	Năm 2021	Nhà trường	
	9	[H3-3.3-09]	Các loại giấy chứng nhận an toàn vệ sinh thực phẩm	Hằng năm	Y tế	
	10	[H3-3.3-10]	Các hợp đồng dịch vụ cung cấp suất ăn	Hằng năm	Công ty Trách nhiệm hữu hạn một thành viên Tú Hảo	
	11	[H3-3.3-11]	Văn bản thanh kiểm tra về vệ sinh và an toàn vệ sinh thực phẩm của	Hằng năm	Phòng Y Tế Quận, Phòng Chính trị tư	

Tiêu chí	Số TT	Mã minh chứng	Tên minh chứng	Số, ngày ban hành, hoặc thời điểm khảo sát, điều tra, phỏng vấn, quan sát	Nơi ban hành hoặc nhóm, cá nhân thực hiện	Ghi chú (đường dẫn nếu có)
			cấp trên		tướng Sở Giáo dục và Đào tạo Thành phố Ban An toàn vệ sinh thực phẩm Thành phố	
Tiêu chí 3.4	1	[H3-3.4-01]	Ảnh chụp khu vực vệ sinh nam nữ giáo viên và học sinh	Năm 2021	Nhà trường	
	2	[H3-3.4-02]	Sơ đồ kỹ thuật hệ thống cấp thoát nước của nhà trường	Năm 2013	Nhà thầu	
	3	[H3-3.4-03]	Các hợp đồng dịch vụ cung cấp nước uống tinh khiết	Hằng năm	Công ty Trách nhiệm hữu hạn một thành viên Samin, Nhật Mỹ	
	4	[H3-3.4-04]	Hợp đồng thu gom rác	Hằng năm	Hợp đồng Hợp tác xã Hiệp Phú	
	5	[H3-3.4-05]	Hình ảnh nơi tập trung rác thải	Năm 2021	Nhà trường	
Tiêu chí	1	[H3-3.5-01]	Danh mục thiết bị khối	Hằng năm	Kế toán	

Tiêu chí	Số TT	Mã minh chứng	Tên minh chứng	Số, ngày ban hành, hoặc thời điểm khảo sát, điều tra, phỏng vấn, quan sát	Nơi ban hành hoặc nhóm, cá nhân thực hiện	Ghi chú (đường dẫn nếu có)
3.5			văn phòng			
	2	[H3-3.5-02]	Danh mục thiết bị trong phòng các phòng học bộ môn và phòng Thiết bị	Hằng năm	Thiết bị	
	3	[H3-3.5-03]	Bảng đề nghị sửa chữa thiết bị dạy học	Hằng năm	Thiết bị	
	4	[H3-3.5-04]	Hợp đồng cung cấp dịch vụ Internet	Hằng năm	Kế toán	
	5	[H3-3.5-05]	Đề xuất mua sắm thiết bị dạy học	Hằng năm	Thiết bị	
	6	[H3-3.5-06]	Kế hoạch thi Thiết kế đồ dùng dạy học tự làm	Năm học 2016-2017 Năm học 2017-2018	Phó Hiệu trưởng	
	7	[H3-3.5-07]	Sổ đăng ký mượn đồ dùng dạy học	Hằng năm	Thiết bị	
Tiêu chí 3.6	1	[H3-3.6-01]	Danh mục các loại sách, báo, tạp chí, bản đồ, tranh ảnh giáo dục, băng đĩa giáo khoa và các xuất bản phẩm	Hằng năm	Thư viện	

Tiêu chí	Số TT	Mã minh chứng	Tên minh chứng	Số, ngày ban hành, hoặc thời điểm khảo sát, điều tra, phỏng vấn, quan sát	Nơi ban hành hoặc nhóm, cá nhân thực hiện	Ghi chú (đường dẫn nếu có)
			tham khảo của thư viện			
	2	[H3-3.6-02]	Nội quy thư viện	Hàng năm	Thư viện	
	3	[H3-3.6-03]	Các sổ sách của thư viện: Sổ đăng ký tổng quát, Sổ đăng ký cá biệt, Sổ đăng ký sách giáo khoa, Sổ nhập sách, báo, Sổ theo dõi việc mượn trả sách của giáo viên, học sinh	Hàng năm	Thư viện	
	4	[H3-3.6-04]	Kế hoạch kiểm kê, bổ sung sách, báo, tạp chí, bản đồ, tranh ảnh giáo dục, băng đĩa giáo khoa và các xuất bản phẩm tham khảo hàng năm	Hàng năm	Thư viện	
	5	[H3-3.6-05]	Sổ kiểm kê thư viện	Hàng năm	Thư viện	
	6	[H3-3.6-06]	Các đề xuất bổ sung sách báo, tạp chí, tranh ảnh, bản đồ, ... của tổ chuyên môn	Hàng năm	Tổ trưởng chuyên môn	

Tiêu chí	Số TT	Mã minh chứng	Tên minh chứng	Số, ngày ban hành, hoặc thời điểm khảo sát, điều tra, phỏng vấn, quan sát	Nơi ban hành hoặc nhóm, cá nhân thực hiện	Ghi chú (đường dẫn nếu có)
	7	[H3-3.6-07]	Quyết định công nhận thư viện đạt chuẩn thư viện trường học phổ thông theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo	Hằng năm	Thư viện	
Tiêu chí 4.1	1	[H4-4.1-01]	Danh sách Ban đại diện cha mẹ học sinh của mỗi lớp và của nhà trường hằng năm	Hằng năm	Trưởng ban đại diện cha mẹ học sinh	
	2	[H4-4.1-02]	Kế hoạch hoạt động của Ban đại diện cha mẹ học sinh	Hằng năm	Trưởng ban đại diện cha mẹ học sinh	
	3	[H4-4.1-03]	Biên bản họp Ban đại diện cha mẹ học sinh.	Hằng năm	Nhà trường	
	4	[H4-4.1-04]	Báo cáo về hoạt động của Ban đại diện cha mẹ học sinh	Hằng năm	Trưởng ban đại diện cha mẹ học sinh	
Tiêu chí 4.2	1	[H4-4.2-01]	Kế hoạch học chính trị hè; Danh sách học chính trị hè	Hằng năm	Hiệu trưởng	

Tiêu chí	Số TT	Mã minh chứng	Tên minh chứng	Số, ngày ban hành, hoặc thời điểm khảo sát, điều tra, phỏng vấn, quan sát	Nơi ban hành hoặc nhóm, cá nhân thực hiện	Ghi chú (đường dẫn nếu có)
	2	[H4-4.2-02]	Sổ sách, chứng từ tài chính về huy động và sử dụng các nguồn lực hợp pháp của các tổ chức, cá nhân đúng quy định	Hằng năm	Kế toán	
	3	[H4-4.2-03]	Hình ảnh học sinh tìm hiểu các di tích lịch sử; tham gia Dân lễ đền Hùng; thăm hỏi gia đình Ông Nguyễn Văn Tăng, ...	Hằng năm	Đoàn thanh niên	
Tiêu chí 5.1	1	[H5-5.1-01]	Kế hoạch thực hiện kiểm tra định kỳ	Hằng năm	Phó hiệu trưởng	
	2	[H5-5.1-02]	Quy chế thực hiện kiểm tra đánh giá	Hằng năm	Phó hiệu trưởng	
	3	[H5-5.1-03]	Thống kê điểm thi của học sinh hằng năm	Hằng năm	Học vụ	
	4	[H5-5.1-04]	Kế hoạch kiểm tra nội bộ nhà trường	Hằng năm	Phó hiệu trưởng	
	5	[H5-5.1-05]	Kế hoạch thanh tra	Hằng năm	Phó hiệu trưởng	

Tiêu chí	Số TT	Mã minh chứng	Tên minh chứng	Số, ngày ban hành, hoặc thời điểm khảo sát, điều tra, phỏng vấn, quan sát	Nơi ban hành hoặc nhóm, cá nhân thực hiện	Ghi chú (đường dẫn nếu có)
			hoạt động sư phạm giáo viên			
	6	[H5-5.1-06]	Kế hoạch kiểm tra hồ sơ, sổ sách chuyên môn	Hàng năm	Phó hiệu trưởng	
	7	[H5-5.1-07]	Kế hoạch bồi dưỡng học sinh giỏi	Hàng năm	Phó hiệu trưởng	
	8	[H5-5.1-08]	Kế hoạch phụ đạo học sinh yếu	Hàng năm	Phó hiệu trưởng	
	9	[H5-5.1-09]	Bảng thống kê Điểm trung bình các môn hằng năm	Hàng năm	Học vụ	
	10	[H5-5.1-10]	Thống kê Học lực - Hạnh kiểm học sinh cuối năm	Hàng năm	Học vụ	
Tiêu chí 5.2	1	[H5-5.2-01]	Kế hoạch tổ chức Hội thi Khoa học kĩ thuật cấp trường	Hàng năm	Phó hiệu trưởng	
	2	[H5-5.2-02]	Kế hoạch tổ chức Kỳ thi Học sinh giỏi cấp trường	Hàng năm	Phó hiệu trưởng	

Tiêu chí	Số TT	Mã minh chứng	Tên minh chứng	Số, ngày ban hành, hoặc thời điểm khảo sát, điều tra, phỏng vấn, quan sát	Nơi ban hành hoặc nhóm, cá nhân thực hiện	Ghi chú (đường dẫn nếu có)
	3	[H5-5.2-03]	Kế hoạch tổ chức Hội thao cấp trường	Hàng năm	Tổ trưởng tổ Thể dục - Giáo dục Quốc phòng	
	4	[H5-5.2-04]	Kế hoạch hỗ trợ cho học sinh khuyết tật, hòa nhập	Năm học 2020-2021 Năm học 2021-2022	Hiệu trưởng	
	5	[H5-5.2-05]	Thành tích của học sinh ở các kì thi Học sinh giỏi cấp Thành phố, Olympic tháng 4, Giải toán trên máy tính cầm tay, các giải thể dục thể thao,..	Hàng năm	Văn phòng	
Tiêu chí 5.3	1	[H5-5.3-01]	Kế hoạch hoạt động giáo dục ngoài nhà trường	Đầu mỗi năm học	Hiệu trưởng	
	2	[H5-5.3-02]	Các báo cáo kết quả thực hiện công tác ngoại khóa, trải nghiệm	Hàng năm	Phó hiệu trưởng	
	3	[H5-5.3-03]	Kế hoạch giáo dục của	Hàng năm	Tổ trưởng	

Tiêu chí	Số TT	Mã minh chứng	Tên minh chứng	Số, ngày ban hành, hoặc thời điểm khảo sát, điều tra, phỏng vấn, quan sát	Nơi ban hành hoặc nhóm, cá nhân thực hiện	Ghi chú (đường dẫn nếu có)
			tổ bộ môn có tích hợp nội dung giáo dục địa phương ở các môn Địa lý, Lịch sử, Giáo dục công dân		chuyên môn	
	4	[H5-5.3-04]	Hình ảnh học sinh tham gia ngoại khóa, tham quan các di tích lịch sử	Hằng năm	Đoàn thanh niên Tổ bộ môn Lịch sử Tổ bộ môn Địa lý	
Tiêu chí 5.4	1	[H5-5.4-01]	Kế hoạch hướng nghiệp cho học sinh.	Hằng năm	Hiệu trưởng	
	2	[H5-5.4-02]	Sổ đầu bài có tiết học hướng nghiệp	Hằng năm	Học vụ	
	3	[H5-5.4-03]	Giáo án tiết dạy hướng nghiệp	Hằng năm	Hiệu trưởng Phó hiệu trưởng	
	4	[H5-5.4-04]	Báo cáo công tác trải nghiệm sáng tạo	Hằng năm	Tổ trưởng chuyên môn	
	5	[H5-5.4-05]	Các quyết định thành lập Đoàn tham gia hoạt	Hằng năm	Hiệu trưởng	

Tiêu chí	Số TT	Mã minh chứng	Tên minh chứng	Số, ngày ban hành, hoặc thời điểm khảo sát, điều tra, phỏng vấn, quan sát	Nơi ban hành hoặc nhóm, cá nhân thực hiện	Ghi chú (đường dẫn nếu có)
			động trải nghiệm.			
Tiêu chí 5.5	1	[H5-5.5-01]	Kế hoạch dạy kỹ năng sống	Hằng năm	Hiệu trưởng	
	2	[H5-5.5-02]	Kế hoạch giáo dục ngoài giờ lên lớp	Hằng năm	Phó Hiệu trưởng	
	3	[H5-5.5-03]	Kế hoạch tư vấn tâm lý	Hằng năm	Giáo viên tâm lý	
	4	[H5-5.5-04]	Hình ảnh các buổi sinh hoạt, định hướng tác hại của thuốc lá, ma túy và sinh hoạt về An toàn giao thông	Hằng năm	Đoàn thanh niên	
	5	[H5-5.5-05]	Biên bản cam kết thực hiện nội quy nhà trường và an toàn giao thông	Hằng năm	Nhà trường	
	6	[H5-5.5-06]	Kế hoạch phổ biến pháp luật	Hằng năm	Pháp chế	
	7	[H5-5.5-07]	Hình ảnh học sinh tham gia các chuyên đề của tổ chuyên môn	Hằng năm	Tổ chuyên môn	
Tiêu chí	1	[H5-5.6-01]	Danh sách học sinh lên	Sau khi thi lại và rèn luyện	Học vụ	

Tiêu chí	Số TT	Mã minh chứng	Tên minh chứng	Số, ngày ban hành, hoặc thời điểm khảo sát, điều tra, phỏng vấn, quan sát	Nơi ban hành hoặc nhóm, cá nhân thực hiện	Ghi chú (đường dẫn nếu có)
5.6			lớp sau thi lại và rèn luyện hè	trong hè		
	2	[H5-5.6-02]	Thống kê kết quả thi Tốt nghiệp Trung học phổ thông và Tốt nghiệp Trung học phổ thông Quốc gia	Sau khi có kết quả thi Tốt nghiệp	Học vụ	
	3	[H5-5.6-03]	Danh sách học sinh lưu ban sau thi lại và rèn luyện hè	Sau khi thi lại và rèn luyện trong hè	Học vụ	
	4	[H5-5.6-04]	Danh sách học sinh bỏ học	Hằng năm	Học vụ	